

HÀNH TRÌNH VỀ PHƯƠNG ĐÔNG



Huệ Trân 2008

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 8-8-2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <https://www.niemphat.vn>

Mục Lục

Những giọt thầm trong cơn mưa đêm qua
Tình cờ nắng phai
Vị đạo sư tối thượng
Đi tìm quê hương
Bên kia sông
Hành trình về phương đông
Vá áo chếp kinh
Viết trên cát
Sân khấu lịch sử
Người đưa thư không trở lại
Lòng sông cạn
Người giao hàng cần mẫn
Cây lá và con người
Đi ngang trời thái không
Ngát hương mùa khai hạ
Món quà của vua Ma-kiệt-đà hiến tặng đức Phật
Mặc
Thiên nhị bá ngũ thập
Dòng sông và giọt nước
Trăng sao xóm mới
Hồ sen và ao rau muống
Đôi gió thơm
Nhất tự vi sư
Tâm Nguyệt
Con đường thẳng hoa tâm linh

---o0o---

Những giọt thâm trong cơn mưa đêm qua

“Đêm qua”, chữ nghĩa hữu hình ghi một dấu mốc thời gian tưởng là đã được xác định, mà thật ra vẫn là vô định. Đêm Qua của Ngày Nay nào? Ngày Mai nào? Đêm Qua của Kiếp Này hay Kiếp Trước? Hoặc không chừng của vô lượng kiếp quá khứ, vị lai?

Tôi để tôi lãng đãng trôi trong mơ hồ, nhẹ nhàng như thế khi ngồi chờ một chuyến bay.

Đây không phải lần đầu tôi đi xa một mình, nhưng lần này, qua khung kính nhìn ra phi đạo tôi cảm nhận làn sương sớm trắng đục phủ vầng mây xanh nhạt như thấm lạnh vào mây, những cánh chim sắt bay lên, đáp xuống, những người đẩy hành lý vội vã qua, lại ... Tất cả, như những hoạt cảnh mới mẻ linh động của một màn trình diễn tôi chưa từng xem qua.

Với cuốn sách mở sẵn trên tay mà chưa đọc, tôi chậm chậm lần theo cảm xúc và bỗng nhận ra rằng tôi đang thực sự MỘT MÌNH.

Đúng thế. Những cảnh tôi từng hòa nhập trước đây, nay trở nên xa lạ vì tôi không còn là nét chấm phá trong bức tranh đó nữa. Những nét chấm phá đó biến mất từ lúc nào, tôi không rõ. Tôi chỉ vừa nhận ra thôi. Cảm nhận này thật an lạc, thanh thoi, như một đoạn của phẩm An Lạc trong kinh Pháp Cú:

“Vui thay, chúng ta sống,

Không rộn, giữa rộn ràng

Giữa những người rộn ràng,

Ta sống không rộn ràng”

Gấp cuốn sách chưa đọc, tôi khép mắt, lần tràng hạt, hoan hỷ “một mình”, vì không ai lên đường mà không đơn độc bước bằng đôi chân của chính mình.

“Khách về bỏ dở chung trà nguội,

Mới biết tri âm chẳng dễ là!”(*)

Từng bước.

Vững tâm.

Rồi sẽ nhận ra, trong ba ngàn thế giới từ vô thủy đến vô chung có bao giờ vắng bóng Đoàn-Lữ-Hành thâm lặng, đến vì người và đi cũng vì người.

Đoàn lữ hành khởi từ MỘT NGƯỜI đã cất bước. Dấu chân người đó in trên đường Trung Đạo đã tỏa ánh sáng Giác Ngộ khiến vô lượng bước chân đơn hành đã lần theo ánh sáng nhiệm màu đó mà trở thành những đoàn lữ hành đến và đi vì lợi ích quần sanh.

Từng hạt bồ-đề lăn trên tay đang mát rượi những giọt thâm từ bình Tịnh Thủy rơi xuống cơn mưa Cam Lộ.

Không còn gì để bận tâm là cơn mưa ấy ở đêm nay, đã đêm qua, hay sẽ đêm mai.

Vì cơn mưa ấy chưa từng ngừng rơi với những ai mở tay búp sen.

Và hứng lấy.

Huệ Trân

(Phi trường Orange County 03 tháng 11/2007, chờ chuyến bay tới Houston tham dự buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật của Thầy Tuệ Sỹ)

(Thư pháp trên vách Viên-Thông-Tự*

---o0o---

Tình cờ nắng phai

(Đọc Bên Trăng Tôi Chưa Ngủ của Lữ)

*“Chiều thom hoa cúc vàng thơ
Trà pha hương nắng tình cờ nắng phai”*

Tôi “tình cờ” đọc được hai câu thơ rất thơ, rất thiền này của tác giả có bút hiệu rất ngắn: Lữ.

Tên tác giả khá xa lạ đối với tôi, không biết vì tác giả mới “xuống núi” hay vì bây giờ tôi mới có duyên đọc tới?

Điều đó không có gì đáng nói mà nội dung bài viết tôi đọc được mới đáng nói.

Ừa, mà có gì đáng nói đâu khi tất cả chỉ là tình cờ! Cứ cho là như thế đi!

Gió tình cờ làm bay phấn hoa. Đất tình cờ đón lấy. Nắng tình cờ sưởi ấm. Mưa tình cờ tưới tắm. Nền hạt tình cờ nảy mầm. Cây tình cờ mọc. Hoa tình cờ đơm bông. Gió lại tình cờ đem phấn hoa bay xa ... bay tới đâu? nào ai biết! Đất nơi nào đón phấn? nào ai hay! Nhưng giòng chảy đó, chắc chắn vẫn quay đều, vạn hữu vẫn hiện đủ bao mùa mưa nắng.

Chỉ khép mắt, quán chiếu một giây thôi cũng có thể thấy trùng trùng duyên khởi. Giòng chảy của ba cõi, bốn loài, sáu đường chúng sanh cũng tình cờ mà tuôn chảy thế thôi; nhưng trong những tình cờ của kiếp nhân sinh, lắng tâm mà nghiệm thì có những tình cờ chẳng tình cờ chút nào đâu! Nhân loại khởi từ xa lạ, tình cờ gặp nhau kết thành thân nhân, quyến thuộc, bạn bè, mà thương, mà ghét nhau ư? Nếu thực là tình cờ thì đâu thể triền miên, bất tận như thế! Trong vòng luân hồi, chúng sanh phải có ân oán, nợ nần nhau, chìm đắm trong vô minh mới tiếp tục tìm nhau mà đòi, mà trả như thế! Nên Phật dạy, nếu có tuệ nhãn mà nhìn chúng sanh, có thể nhận ra tổ tiên, ông bà, cha mẹ, quyến thuộc từ nhiều đời nhiều kiếp.

Đôi khi, bằng tâm chân thực, chí thành, cũng có thể chiêu cảm được với đối tượng mà ta đang hướng về.

Bài viết của Lữ, mà tôi đọc được, ở trong trường hợp này. Hai người bạn thân, cùng nghèo, cùng yêu hoa cúc và cùng có thú uống trà. Họ tự nhận, có lẽ nghèo vì hoa cúc và trà, vì không thể bước đi, nếu đã tình cờ nhìn thấy chậu cúc nào quá đẹp, không thể không vét túi, nếu biết nơi nào đang bán loại trà ngon. Những khi gặp nhau, họ thường pha trà, ngắm hoa, và không gian quanh họ lập tức tràn đầy hạnh phúc, chẳng cần sử dụng nhiều ngôn ngữ. Có chăng là người bạn của tác giả chia sẻ những câu thơ vừa khởi trong tâm, hoặc vừa viết vội trên mảnh giấy nào!

Những khi họ gặp nhau mà có trà, có hoa và tình cờ có trăng nữa thì thật là tuyệt diệu! Họ yên lặng uống trà, ngắm hoa, thưởng nguyệt, tuyệt không để một vần đục nào khác xen vào nên tâm họ trong suốt như thủy tinh. Người bạn nói: “Hôm nay tâm của anh bình an lắm!”. Và tác giả nghe thế thì cảm

động, nghĩ thầm: “VẬY anh là tri kỷ của tôi rồi. Ngày xưa, Tử Kỳ hiểu tiếng đàn của Bá Nha cũng nhạy bén như vậy là cùng.”

Thương thay, tình bạn của họ cũng có điếm giống Bá Nha-Tử Kỳ, vì người bạn đã mất khi tác giả đi xa. “Đi chơi cho vui. Tôi không sao đâu!”. Nhưng khi tác giả trở về chốn cũ thì người bạn chỉ còn là một hũ tro nguội lạnh! Tác giả buồn bã, đi quanh sân nhà, phảng phất hơi hướng người xưa; rồi trong mơ màng, bỗng nghe thấy như có tiếng ai đọc thơ! Tiếng ai? Không có ai quanh cả! nhưng giọng thơ vẫn ngân lên:

“Chiều thơm hoa cúc vàng thơ
Trà pha hương nắng tình cò nắng phai”

Tác giả nhận ra giọng thơ của bạn. Lục trong trí nhớ, bạn chưa từng chia sẻ bài thơ này bao giờ!

Trời ơi, vậy, đây là bài thơ mới! Tác giả vội vã lấy giấy bút trong túi ra, ghi chép:

“Trà thơm nắng ấm thơ lòng
Thơ hoa trở đóa cúc trong cõi ngoài
Trà hương khói trở về mây
Mà hoa thơ lại phô bày cúc thơm.”

Tác giả chợt hiểu, là, bằng cách nào đó, họ đang gặp lại nhau.

Đọc câu chuyện này, có thể, nhiều người chẳng cảm thấy gì! chỉ là chút ảo tưởng hoang đường, thế thôi! Nhưng chắc cũng nhiều người xúc động vì ngay đang khi đọc cũng cảm thấy không gian xung quanh thơm hương trà, vàng hoa cúc vì sự chiêm cảm nhiệm màu của “Sự cảm thông không thể nghĩ bàn”. Đạo vô hình vô tướng mà người cầu đạo vẫn thấy “Mười phương Phật Bảo hào quang sáng ngời.” thì Bá Nha có bao giờ mất Tử Kỳ, dù trở về chốn xưa, Tử Kỳ không còn nữa!

Tôi tin là tác giả đã “nghe” được tiếng thơ của bạn mình vì họ cùng đang nhiệt tình hướng về nhau.

Trước đây, tôi đã từng chia sẻ phút giây nhiệm đến với mình khi nghe tiếng âm nước sôi, reo vui trong bếp cùng lúc với tiếng gõ cửa. Tôi biết chắc, khi ấy trong bếp không có ai! “Ra mở cửa đi con! Khách quý đây! Pha trà sen đãi khách nhé!”. Đó là tiếng của cha tôi, người đã sanh thành ra tôi,

đã là tri kỷ của tôi, và đã bỏ tôi, đi về thế giới khác từ hơn mười năm qua! Tôi tin chắc người khách này do cha đưa đến để hướng dẫn đường tôi đi; nhưng người khách thì làm sao biết được điều đó! nên khi tôi mở cửa, khách vừa rũ những hoa tím vương trên áo, vừa ngại ngùng: “Tôi đến không báo trước, thật là thất lễ quá! Nhưng tình cờ đi ngang thành phố này, nhớ tới buổi cầu siêu năm xưa cho cụ ông, không thể không ghé thăm, xin thắp một nén nhang.”

Nói theo tinh thần lời tôn-giả Tu Bồ Đề thừa Phật: “Bạch Đức Thế Tôn, con không nghĩ tưởng con đã đạt đạo A La Hán, con mới thực là bậc A La Hán.”, thì có những sự tình cờ không phải tình cờ mới thực là tình cờ.

Có tình cờ không, khi tôi bỗng nhận được một cuốn sách từ nhà xuất bản Năng Mới? Cuốn sách tựa đề “Bên trăng tôi chưa ngủ” của Lữ, trong khi tôi không hề được biết NXB cũng như tác giả.

Tựa cuốn sách chính là một, trong hai mươi truyện ngắn của tác giả mà tôi đã tình cờ đọc được hai câu thơ rất thơ, rất thiền. Vì có cuốn sách nên tôi lại tình cờ bắt gặp những chia xẻ màu nhiệm. Chẳng hạn như tác giả ngồi bên giường bệnh của mẹ, hát ru mẹ những câu thơ để mẹ đi dần vào thiên thu:

“Ngày mai có người tới hỏi:
Có thấy sợi nắng hôm qua?
Tôi nhìn trời cao vời vọi
Chắc sợi nắng đã đi xa!”

Đẹp quá! Và thanh tịnh quá, khi mẹ đã là sợi nắng. Tác giả nói, sợi nắng đã đi xa, nhưng thật ra, đã là sợi nắng thì chẳng bao giờ đi xa. Sợi nắng chỉ ngủ trong mây. Rồi mây trôi lãng đãng, khuất dần, tưởng như không còn nữa, nhưng thật ra mây đang là những hạt mưa thánh thót, tưới tắm cỏ cây hoa lá. Mây đang là giòng suối vì mây đã thành mưa ...

Tác giả hạnh phúc gặp Mẹ là sợi nắng vĩnh cửu, vô thi vô chung như thế. Còn tôi, cũng đã từng:

“Con xuống tóc, đi tìm Cha,
Sợi vương cửa động, san hà lung lay
Rừng chiều một bóng chim bay
Chợt nghe gió thoảng hương say hoa rừng.”

Cha là hương hoa rừng. Cha bát ngát không gian. Con hít thở nơi nào mà chẳng là hít thở tình Cha? Vậy thì, Cha có bao giờ mất, có bao giờ xa?

Xin cảm ơn NXB Năng Mới.

Xin cảm ơn Lữ.

Xin cảm ơn Chân Minh.

Và cảm ơn những tình cờ chẳng phải tình cờ.

Như ta đã tình cờ gặp nhau.

Và tình cờ xa nhau.

Huệ Trân

(Cốc Thành Thơi, tháng năm 2008)

---o0o---

Vị đạo sư tối thượng

Tôn giáo nào cũng có những nhà truyền giáo, phát nguyện rao giảng những điều mà họ tin là mang đến hạnh phúc cho nhân loại. Những vị giáo chủ, người khai sáng ra tôn giáo đó, tất nhiên là nhà truyền giáo đầu tiên về đạo của mình.

Trong lịch sử tôn giáo của nhân loại, vị giáo chủ, và cũng là nhà truyền giáo tích cực nhất, bền bỉ nhất, đơn giản nhất, từ bi nhất, không thể ai khác hơn là Đức Phật. Điều này không mơ hồ mà có thể chứng nghiệm, khi ngược dòng lịch sử qua tài liệu, kinh sách, biên khảo, nhận định v.v... từ hơn hai ngàn năm trăm năm nay.

Suốt bốn mươi chín năm, Đức Phật đi không ngừng nghỉ, từ nơi giàu sang tới chốn nghèo hèn. Đến đâu, Ngài cũng tùy duyên hóa độ, chỉ dẫn con đường tìm được sự giải thoát rốt ráo, chấm dứt khỏi sinh tử luân hồi.

Thượng Tọa Narada Mahathera, tác giả cuốn “The Buddha” có cái nhìn rất sâu sắc khi nhận định rằng, hình thức thành lập tăng đoàn qua óc sáng tạo tuyệt luân của Đức Phật, chính là mô hình lý tưởng của một xã hội bình đẳng ngày nay. Ngài thấu nhận đệ tử không phân biệt giàu nghèo sang hèn, chỉ có sự phân định giới phẩm để nhận lãnh trách nhiệm sinh hoạt trong Tăng đoàn. (The Buddha established a classless society by opening the gates of the Sangha to all deserving individuals, making no distinction between caste or class. The only distinction was in the seniority of the ordination). Để nhấn

mạnh rõ hơn điểm này, T.T Narada Mahathera đã dẫn chứng thêm lời phát biểu của học giả Lord Zetland, là nhiều người rất ngạc nhiên khi nhận ra hình thức hội chúng và thành lập Tăng đoàn mà Đức Phật đã thực hiện thời xưa, đang là những mô hình căn bản tại các nghị trường ngày nay (And, it may come as a surprise to many to learn that in the assemblies of the Buddhists in India two thousand years and more ago to be found the rudiments of our Parliamentary practice of the present day).

Ngài cũng là vị giáo chủ tạo nên lịch sử khi chấp thuận cho người nữ xuất gia. Bức tường bất công kiên cố không cho phép người nữ tại Ấn Độ được bước qua ngưỡng cửa nhà bếp, đã bị phá sập một cách nhẹ nhàng khi Đức Phật khéo léo và tế nhị đưa ra điều kiện Bát Kinh để phụ nhân Kiều Đàm Di có cơ hội trở thành vị ni trưởng đầu tiên của giáo đoàn tỳ-kheo-ni, mở đầu kỷ nguyên mới cho người phụ nữ được thăng hoa đời sống tâm linh.

H.T.Tiền sỹ K. Sri Dhammananda, tác giả cuốn “What Is This Religion?” thì lại bày tỏ lòng kính ngưỡng Đức Phật khi tôn xưng Ngài là Bạc Đạo Sư Vĩ Đại của nhân loại. Những lời dạy của Ngài từ hơn hai mươi lăm thế kỷ trước, vẫn được áp dụng một cách hài hòa, thực tiễn cho đến ngày nay, là minh chứng hùng hồn về giá trị của giáo pháp mà Ngài đã tìm ra. Một triết gia mà cũng là một nhà lãnh đạo tài ba của Ấn Độ là Tiền sỹ S. Radha đã không dấu diếm niềm hãnh diện khi khẳng định rằng, Đức Phật Cồ Đàm là vị tiêu biểu tuyệt kỹ nhất cho mẫu người vẹn toàn sắc thái tinh hoa của Phương Đông. Tư tưởng của Ngài ảnh hưởng sâu rộng vào đời sống nhân loại, dù người đó có là tín đồ của Ngài hay không. Vì sao? Vì giáo lý Ngài chỉ dẫn là con đường Trung Đạo, biểu trưng cho những hệ thống giáo dục và đạo đức căn bản, hành trì bằng tinh thần tự do để thực thi ba điểm chính là: Tránh điều xấu, làm điều lành và thanh tịnh tâm. (Middle-Way, a righteous way of life, an ethico-philosophical system and a religion of freedom and reason. It teaches us to do three main things, namely: Keep away from bad deeds, do good and purify the mind)

Một con người muốn hướng thiện, tất có thể biết trên lý thuyết là tránh ác, làm thiện nhưng nếu người ấy không biết thanh tịnh tâm thì không dễ gì kịp thời tránh ác hay nhiệt thành làm thiện. Chính vì thế mà Ngài luôn nhắc nhở, cảnh giác chúng sanh phải quán sát tâm hành. Hạnh phúc hay khổ đau đều do tâm tạo, nên bằng nhiều phương thức khác nhau, những bài pháp mà Đức Phật tuyên giảng đều khuyên dạy con người từ bỏ bản ngã vốn vị kỷ của mình để sống đời vị tha, vì ai biết cho, người ấy sẽ giàu có.

Khi viết cuốn “The Three Greatest Men in History”, nhà sử học nổi danh H.G. Well cũng đồng ý với giáo sư Joad rằng, trong ba vị đạo sư vĩ đại vào thế kỷ thứ sáu trước tây lịch thì Đức Phật Cồ Đàm chính là bậc vĩ nhân cao thượng nhất. Ấy thế mà Ngài lại luôn tiêu biểu cho những gì cực kỳ đơn giản, hòa nhã, dạy các đệ tử nhìn Ngài như một con người bình thường, tuyệt đối không được tôn sùng Ngài như một đấng thần linh, vì một đấng thần linh khó có thể gần gũi với khổ đau một cách hiện thực. Chính vì lời dạy “vô thần linh” này mà nhà văn Bertrand Russell phải thốt lên lời cảm khái không thể kìm giữ nổi khi ông tìm hiểu về Đạo Phật: “Ôi, Đức Phật Cồ Đàm, Ngài quả là nhà vô thần thánh thiện nhất của nhân loại dưới bất cứ thời đại nào” (The greatest atheist of all times)

Muốn cảm thông những lời ca ngợi này, chỉ cần nhìn tổng quát con đường Đức Phật đã đi chúng ta cũng thấy ngay những nét tuyệt hảo về một con người thực, tuy có mặt trên thế giới này mà vẫn như huyền thoại bởi vì người đó đã soi tỏ được những gì tối tăm nhất, hóa giải được những dị biệt hằn sâu nhất, an ủi được những gì khổ đau nhất, mở rộng được những cánh cửa ngục tù kiên cố nhất ... Hơn hai mươi lăm thế kỷ trước mà Đức Phật đã thành công trong cuộc cách mạng nhân quyền với bối cảnh lịch sử, xã hội khắc nghiệt thời đó.

Chỉ nhắc lại thôi, cũng khiến chúng ta rúng động. Một xã hội với những giai cấp như được phân chia từ muôn kiếp trước. Sinh ra trong nhà trưởng giả thì đương nhiên làm chủ, toàn quyền sinh sát những kẻ sinh ra trong kiếp tôi tớ, nghèo hèn, không gì có thể chuyển hóa, thay đổi được. Ấy thế mà, với lòng Từ Bi vô cùng, với Trí Tuệ vô song, với Dũng Cảm vô bờ, Đức Phật đã độ cho người gánh phân nhập Tăng đoàn. Một người ở giai cấp hạ tiện là thành phần không bao giờ được ngẩng mặt nhìn một người ở giai cấp khác, nói chi tới việc trở thành một vị sa môn là giai cấp mà vua quan cũng phải cung kính cúi chào.

Thực hiện điều này, Đức Phật đã sẵn sàng chò mọi phản ứng. Thì đây, tin đồn đã đến tai vua Pasenadi. Nhà vua không thể tin được lời đồn nên quyết định tìm Đức Phật mà hỏi cho ra. Các vị giáo chủ những giáo phái khác xin tháp tùng nhà vua vì họ cũng không thể chấp nhận một điều mà họ cho là sự sỉ nhục!

Tới trước Kỳ-Viên-tự, nhà vua muốn một mình vào trước nên bảo mọi người chờ bên ngoài. Lững thững tiến về hướng tịnh thất của Đức Phật, nhà vua thấy thấp thoáng đó đây, bóng dáng những vị tu sỹ nhẹ nhàng di động hoặc

tĩnh lặng tọa thiền. Dù trong tư thế nào, những đệ tử của Đức Phật đều tỏa sáng năng lượng đạo hạnh, an lạc khiến nhà vua vô cùng kính phục.

Khi vừa rẽ vào con đường có dòng suối nhỏ thì nhà vua nhìn thấy một thầy trẻ đang thuyết pháp trên một phiến đá lớn, xung quanh, khoảng hơn hai chục thầy khác đang lắng nghe với sự khâm phục và thích thú. Nhà vua cũng dừng lại dăm phút và bị lôi cuốn ngay bởi nhân dáng nhu hòa, giọng nói trầm tĩnh, lời pháp từ bi, xúc tích. Nhà vua tự nhủ, để gặp Đức Phật xong rồi sẽ trở lại đây cúng dường vị thầy trẻ đáng quý này.

Có ngờ đâu, khi hỏi tên người đang thuyết pháp trên phiến đá thì Đức Phật mỉm cười nhẹ nhàng:

- Đó là Sunita, là người gánh phân mới nhập Tăng đoàn không lâu đó.

Thành trì sụp đổ cũng không thể kích động nhà vua hơn, khi nghe Đức Phật xác nhận như thế!

Không tốn một thanh gươm, không đổ một giọt máu, mà sự bất công mọc rễ nhiều đời tự bật gốc trước ánh sáng của Bi Trí Dũng.

Nhưng, ai là người có đủ Bi Trí Dũng để là nhà-hiền-triết kỳ tài khi thuyết giảng những triết lý thâm sâu bằng sự đơn giản xúc tích cho người nghe nắm bắt được?

Là nhà đạo-đức-học cao trọng khi đưa ra những quy tắc nghiêm minh tột bậc nhưng với hình thức từ bi để người nghe noi theo được?

Là nhà xã-hội-học uyên thâm khi san bằng những bất công mà không làm xáo trộn xã hội?

Là nhà lãnh-đạo-tự-do đã tôn trọng tuyệt đối tự do của người khác khi luôn nhắc nhở những người đi theo mình, là chớ vội theo tôi khi chưa tự suy xét những điều tôi nói?

Là nhà-khoa-học lỗi lạc khi từng giảng nhiều lần về lý-duyên-khởi, về sự tương nhập, tương tức mà tới năm 1986, khoa học gia Alan Aspect mới chứng minh được sự tương dung?

Là nhà tâm-lý-học sâu sắc, nhìn Tâm như một họa sỹ tự vẽ mọi cảnh trí, để dạy chúng sanh biết rằng, con người là những hành động của chính họ?

Vân vân ... và vân vân ... Hằng hà sa số những điều mà không một vị giáo chủ của một tôn giáo nào có thể hội tụ đủ.

Vị giáo chủ tốt cùng cao thượng, tốt cùng trí tuệ như thế lại là người thường khuyến khích chúng sanh rằng: “Ta là Phật đã thành. Các con là Phật sẽ thành”.

Sự khiêm cung của Ngài song song với ân đức vô lượng Ngài đã ban cho nhân loại là điều chúng ta có thể hiểu, vì sao, đã hơn hai mươi lăm thế kỷ, giáo lý của Ngài vẫn rực sáng với mọi thời gian, không gian.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

(Cốc Thánh Thơi – Tháng Ba, 2008)

---o0o---

Đi tìm quê hương

Có lẽ trong đời, nhiều người đã từng nói, hoặc từng nghĩ tới câu này “Đi tìm quê hương”. Ai đi tìm quê hương? Chắc hẳn phải ngầm có chủ từ Tôi, Anh, Chị, v.v...

Khi lòng ta hướng về tâm trạng đi tìm quê hương thì không phải chỉ vì ta đang xa quê hương, đang nhớ quê hương mà ngay cả khi đang sống giữa lòng quê hương lại cảm thấy ta như khách lạ! Nên đi tìm quê hương không phải chỉ là đi tìm mảnh đất quê hương mà còn là tìm về quê hương tâm linh.

Vậy, tìm quê hương là đích thực tìm gì?

Mỗi người đều có cái nhìn khác nhau. Riêng tôi, quê hương đích thực là những phút giây tôi an lạc, tôi vững chãi, tôi thanh thoi, tôi biết yêu mình và yêu người.

Quê hương với ta phải là Một. Tìm quê hương ngoài ta sẽ chẳng thể thấy.
Tôi đã từng lạc quê hương.
Tôi đã từng lạc tôi.

Những khi ấy, tôi vô cùng hoang mang, sợ hãi vì tôi chưa biết cách tự vệ và chấp nhận sự bất xứng do lòng người thâm độc gây ra, nên nhìn cảnh cây cong nào cũng ngỡ là cung tên! Trong cơn hoảng hốt, tôi lại sai lầm khi cất

bước chạy trốn với ý nghĩ “Tôi phải đi tìm cho ra quê hương. Where’s my true home?”

Nói như thế, giống như TÔI là sự ĐÃ tìm ra rồi, trong khi tôi đang lạc tôi, tôi không biết tôi là gì, tôi là ai, mới để cho sự tuyệt vọng, sự sợ hãi lấn áp mình như thế! Khi tôi chưa tìm ra tôi thì tôi chỉ là VỌNG. Một cái đang còn là vọng lại khởi bước đi tìm một cái khác thì làm sao thấy được! Thật đáng tội nghiệp!

Người xưa thường nói “cùng tất biên”. Không biết cái vòng tội nghiệp mà tôi phải lăn trôi đã tới cùng chưa, nhưng khi chuỗi Bồ Đề 108 hạt, lần trên tay, bỗng đứt ở hạt thứ 99, đang trên câu niệm Đức Quan Thế Âm thì tôi đã biết.

Đây chính là lời tôi phát nguyện trước Đại Tôn Tượng Quan Thế Âm trong Lễ Hội Quan Âm lần thứ sáu tại chùa Việt Nam, Houston, Texas. Tôi đến trước ngày khai mạc Lễ Hội, quỳ rất lâu trước Tôn Tượng hiền linh và xin Đức Đại Từ Đại Bi chỉ cho tôi con đường tìm về Quê Hương qua bất cứ một hình thức nào khi tôi đang niệm danh hiệu Ngài. Đó cũng là thời gian đài khí tượng địa phương chính thức thông báo sẽ có giông bão và mưa đá trút xuống thành phố. Khi tôi bước qua chiếc cầu gỗ bắc ngang hồ Hương Thủy để đến quỳ trước Tôn Tượng thì gió bốn phía đang ào ạt thổi tới, làm nghiêng ngả hàng dứa cao vút, tưởng như những đám rễ dưới lòng đất đang hoảng sợ, rên xiết trước sức mạnh hung hãn của cuồng phong! Gió bão ngoài trời và gió bão trong lòng tưởng sẽ quật ngã một sinh linh vô minh yếu đuối như tôi. Nhưng lạ thay, khi tôi phải hết sức ngửa cổ ra sau mới có thể nhìn suốt tới vầng hào quang trên đỉnh đầu Tôn Tượng, thì lòng tôi bỗng bình lặng. Tôi nhìn thấy rõ ánh mắt Mẹ Quan Âm. Đó là ánh mắt của “Từ nhân thị chúng sanh”, mắt thương nhìn xuống chúng sanh khổ lụy.

Đại Tôn Tượng Mẹ Quán Âm hùng vĩ lắm, tưởng như chạm tới khung trời Đâu Suất. Vậy mà Mẹ đã nhìn thấy tôi, một sinh linh nhỏ bé đang quỳ dưới chân Mẹ. Quả thật, Mẹ không bỏ sót một ai thành tâm cầu khẩn Mẹ. Nếu không thế, giông bão trong lòng tôi sao bỗng nhiên êm ả khi tôi vừa chạm vào ánh mắt từ bi của Mẹ?

Rồi chẳng phải chỉ bão trong lòng lắng yên mà bão ngoài trời do những chuyên viên khí tượng đo lường và dự đoán cũng đứng ngoài hết mọi chương trình Lễ Hội, như một phép lạ mà những ai không có lòng tin sẽ chẳng thể hiểu nổi! Sự nhiệm mầu này, hàng ngàn Phật tử khắp nơi về dự Lễ

Hội Quan Âm lần thứ sáu, vào ba ngày cuối tuần của cuối tháng ba năm 2007 đều đã chứng kiến!

Từ ngày cầu nguyện trước Tôn Tượng Mẹ, tôi đã tụng niệm danh xưng Mẹ bao nhiêu ngàn lần trong suốt hơn một năm qua nhưng chưa thấy một biểu hiện nào rõ nét. Tôi biết, đó là vì nghiệp mình chưa dứt. Tôi chưa trả hết nợ đời, nợ người, cho đến khi râu chווồi lần trên tay đứt ở hạt thứ 99, đồng thời với mũi tên tẩm thuốc cực độc do lòng ích kỷ, dối trá của nhân thế bắn ra, thì tôi biết đã đến lúc tôi được lên đường.

Ngay lập tức, tôi nhìn thấy Quê Hương mình.

Bao nhiêu khổ đau phiền não bỗng tan biến, như phẩm Gánh Nặng trong kinh Tạp Hàm, có một người thường nhẩn nhục, gánh một gánh mà đi trong khổ nhọc. Nhưng khi người ấy nhận ra, cái gánh vẫn oằn vai khiêng vác bấy lâu chỉ là gánh nặng, người ấy liền bỏ gánh xuống, rồi đứng thẳng, nhìn con đường thênh thang trước mắt và mỉm cười, tiếp tục đi.

Những bước chân sau đó là những bước chân an lạc, thanh thoi. Chỉ cần biết buông bỏ gánh nặng, người ấy không cần nhọc công tìm cũng đã thấy Quê Hương.

Hôm nay, tôi nhận được một lá thư, đóng dấu bưu điện từ tiểu bang xa gửi tới. Lá thư của một đạo hữu thân thương, hằng theo dõi bước chân tôi. Mở ra thì đây không thuần túy lá thư mà là một bài viết được cắt ra từ một tờ báo, kèm theo năm chữ “Thân quý tặng sư cô”. Đạo hữu này biết là bấy lâu nay tôi không đọc báo, cũng không mở những website chỉ có những thị phi làm vẩn đục thân tâm, nên đã gửi cho tôi trang báo này. Đây là bài viết của một Phật tử trong lần ghé thăm Thầy Tuệ Sỹ tại Quảng Hương Già Lam ở Quận Gò Vấp. Chỉ vừa nhìn tám ảnh kèm theo cũng đoán được phần nào nội dung. Hình chụp Thầy ngồi trên chiếc võng, trước Thị Ngạn Am, tiếp người bạn trẻ đến thăm.

Hình ảnh Thầy và chiếc võng trên hành lang nhỏ hẹp dẫn vào Thị Ngạn Am là hình ảnh quá thân quen đối với Phật tử Việt Nam khắp năm châu, vì hình ảnh đó không hề thay đổi từ khi vị tu sỹ mang bản án tử hình, được đổi thành chung thân khổ sai, rồi quản thúc vô thời hạn tại tu viện Quảng Hương Già Lam cho đến ngày nay. Tất cả những từ ngữ “tử hình, chung thân, quản thúc ...” rồi bây giờ đang là “thân cộng, phản bội, chạy theo danh lợi v.v...” đều do tâm địa và miệng lưỡi thế gian đặt cho. Còn Thầy ư? Thầy vẫn lặng thinh như vạn hữu. Vạn hữu có nói gì đâu mà vẫn đủ bốn mùa mưa nắng!

Thầy có nói gì đâu mà tâm lượng Bồ Tát vẫn tỏa rộng năm châu! Chỉ có lòng người đổi thay, tự biến dạng thành những ngọn gió đen, làm ngã nghiêng hoa trái. Thầy vẫn ngồi đó, trên chiếc võng năm xưa, rồi công phu sớm tối ba thời, ngày ăn một bữa, đêm đắp một chăn đơn, chứ có lẽ Thầy cũng chưa tận dụng đủ tới ba Y một Bát!

Nhân nha đọc bài báo thì tôi cũng bật cười như Thầy đã cười vậy. Khi người phương xa ghé thăm, hỏi Thầy về những lời cáo buộc bên ngoài, rằng Quảng Hương Già Lam là “bản doanh của Hội Thân Hữu Già Lam, là đầu não những âm mưu lật đổ GHPGVNTN”! Kẻ phàm phu nào mà bị cáo buộc như vậy, chắc chắn sẽ có nhiều phản ứng ngoạn mục lắm. Nhưng Thầy Tuệ Sỹ chỉ mỉm cười nhẹ nhàng: “Thì quý vị đến thăm bất ngờ đó, quý vị cứ tham quan và nhìn xem có những ai và những gì nơi đây”

Thầy nói, có lẽ chỉ để đáp lòng khách, chứ nói như thế cũng như không nói! Chỉ có hương trà, hương thanh khiết từ những giò lan dọc hành lang hẹp và thanh âm thánh thót, lao xao từ những phong linh treo quanh vườn đang len nhẹ vào hồn, chuyển hóa uẩn khúc thế gian thành an lạc, mới là câu trả lời cho khách.

Tinh thần Hoa Nghiêm từng dạy một câu rất thâm sâu nhưng chỉ cần lắng tâm là có thể nắm bắt được. Đó là: “Khoảnh khắc chứa đựng thiên thu”. Mỗi phút giây là mỗi thách thức của ta qua sự hiện hữu ở cõi Ta Bà này. Ta phải nghĩ thế nào để có chánh niệm, thờ thế nào để có tỉnh thức, sống thế nào để có an lạc. Bước được một bước chân vào Tịnh Độ thì cần gì trăm năm?! Khoảnh khắc đó chính là thiên thu đấy.

Vị tu sỹ ngồi đó, tâm không lay động như thiết thạch vạn cổ, nhưng nụ cười nhẹ lại là vô lượng từ ái của phút giây hiện tại.

Nên tôi nhìn Thầy, dù chỉ qua tấm ảnh, mà thấy Thầy có mặt ở cả tích-môn lẫn bản-môn.

Không thờ không khí nhiễm ô thì tâm không ô nhiễm.
Không lụy nơi uế trược thì thân không vậy bản.

Nhìn hình ảnh Thầy, trước sau như một, xuất thế gian mà không rời thế gian pháp, tôi lại thấy cả một trời Quê Hương.

Với tôi, Thầy Tuệ Sỹ vẫn mãi mãi đồng nghĩa là Quê Hương Đích Thực.

(Cốc Thánh Thơi, Tháng Ba, 2008)

---o0o---

Bên kia sông

Chú mục đồng chậm rãi bước xuống sông. Bên cạnh chú, con trâu lớn nhất đàn ngoan ngoãn xuống theo, đôi mắt hiền lành của nó nhìn chú như mỉm cười, tin tưởng và thuần phục. Những con trâu bé hơn lại nhìn bước đi vững chãi, an lạc của con trâu đầu đàn mà nói nhau, cùng thong thả qua sông.

Đây là khúc sông cạn mà chú đã dọ dẫm kỹ lắm. Đáy sông lại không có những đá nhọn lởm chởm có thể làm chân trâu bị thương. Bên kia sông, qua khu rừng có những cội bồ đề râm mát là tới đồng cỏ rộng. Mùa này, sau những cơn mưa, cỏ non vươn lên xanh mướt, đàn trâu gồm bảy con mà chú có bổn phận chăm sóc tha hồ ăn uống no nê sau những giờ cực nhọc cây bừa ngoài đồng lúa.

Chú rất may mắn được có công việc chăn đàn trâu này cho ông trưởng giả trong làng để có bột mì, bắp khô và muối mè nuôi các em khi cha mẹ đều mất sớm. Mà chú nào đã lớn mạnh gì cho cam, mới mười tuổi đầu đã phải vừa làm cha, vừa làm mẹ! Chính tình cảnh này mới được ông trưởng giả thương tình, cho chăn trâu thử. Chú biết, công việc này rất quan trọng cho sự sống còn của mấy anh chị em nên chú hết sức cẩn trọng. Không chỉ chăm sóc trâu kỹ lưỡng ngoài đồng mà trước khi lùa trâu về, chú còn hái đầy hai sọt cỏ non để ban đêm trâu nhả nha ăn tiếp. Chỉ sau tuần lễ đầu, ông trưởng giả đã hài lòng, giao cho chú trọn công việc.

Cũng nơi đồng cỏ thuộc khu làng Uruvela, tây nam Ấn Độ, chú mục đồng đã nhìn thấy một vị sa-môn ngồi thiền dưới cội bồ đề bên kia sông. Qua dòng sông cạn, đàn trâu quen lối đã thong thả đi về cánh đồng cỏ mà chú còn đứng sững nhìn vị sa môn ngồi tĩnh lặng, khép mắt. Chú đã từng thấy nhiều vị sa môn đi qua làng, tu tập hay ngủ đêm trong rừng nhưng chưa thấy ai ngồi thiền đẹp và trang nghiêm, thanh thoát như thế.

Phút giây đó đã thành thiên thu.

Vì vị sa-môn ngồi thiền đẹp như tượng vẽ đó chính là Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Và chú mục đồng là Đại Đức Cát Tường trong tăng đoàn đầu tiên của Đức Thế Tôn.

Mười năm, sau khi đạt đạo, Đức Phật đã trở lại ngôi làng xưa, thực hiện lời hứa với chú bé chăn trâu, người bạn trẻ mỗi ngày đều cúng dường cỏ non để Ngài trải làm tọa cụ trong suốt thời gian thiền định ở rừng bồ đề. Thời gian mười năm là để đưa em trai kế của chú đủ sức thay anh chăn trâu, nuôi hai đứa em gái nhỏ.

Năm đó, Cát Tường vừa hai mươi tuổi, được nhập tăng đoàn, cùng lên đường hướng về thành Vương Xá.

Trong một buổi thuyết giảng ở tu viện Trúc Lâm, Đức Phật đã yên lặng, nhìn khắp đại chúng, rồi ánh mắt Ngài dừng lại nơi vị khát sỹ trẻ. Cát Tường cảm nhận nơi ánh mắt đó bao nhiêu là kỷ niệm thân thương của mười năm trước nơi cánh rừng bồ đề. Và rồi, Đức Phật cất giọng trầm hùng:

“Này các vị tỳ-kheo, hôm nay tôi muốn nói với quý vị về nghệ thuật chăn trâu. Một em bé chăn trâu giỏi có thể là một tu sỹ giỏi. Tại sao thế? Này, các vị hãy nghe đây:

Em bé chăn trâu giỏi biết nhận ra trâu của mình, cũng như người tu sỹ giỏi nhận ra được những yếu tố tạo nên sắc thân.

Em bé chăn trâu giỏi biết được hình tướng mỗi con trâu trong đàn, cũng như người tu sỹ giỏi thấy được những hành động nào của thân, miệng, ý là đáng làm hay không đáng làm.

Em bé chăn trâu giỏi biết cách cọ xát, tắm rửa cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết buông xả, gột rửa thân tâm khỏi tham dục si mê.

Em bé chăn trâu giỏi biết chăm sóc các vết thương cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết hộ trì sáu căn để sáu trần không lung lạc được.

Em bé chăn trâu giỏi biết cách đốt khói un trâu để trâu khỏi bị muỗi đốt, cũng như người tu sỹ giỏi biết đem giáo lý giải thoát trao truyền cho người xung quanh để họ khỏi khổ đau dần vặt.

Em bé chăn trâu giỏi biết tìm đường đi an toàn cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết tránh những lối đi dẫn tới danh lợi, sắc dục, sân hận.

Em bé chăn trâu giỏi biết thương yêu trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết quý trọng niềm vui thiền tập.

Em bé chẵn trâu giỏi biết tìm bến tốt cho trâu qua sông, cũng như người tu sỹ giỏi biết nương vào Tứ Diệu Đế.

Em bé chẵn trâu giỏi biết tìm chỗ có cỏ non và nước uống cho trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết Bốn Lãnh Vực là mảnh đất tốt để phát sinh giải thoát.

Em bé chẵn trâu giỏi biết bảo trì những vùng thả trâu, cũng như người tu sỹ giỏi biết cẩn thận khi tiếp xúc với quần chúng và nhận sự cúng dường.

Em bé chẵn trâu giỏi biết dùng con trâu lớn làm gương cho những trâu con, cũng như người tu sỹ giỏi biết nương vào đức hạnh và kinh nghiệm của những vị thầy đi trước.

Này các vị tỳ-kheo, một tu sỹ thực hành được mười một điều trên, có thể đạt quả vị A La Hán” (*)

Buổi pháp thoại này, sau đó, được đại đức Ananda trùng tuyên và cùng các trưởng lão trong tăng đoàn soạn thành bốn “Phật thuyết về nghệ thuật chẵn trâu”.

Hình ảnh đàn trâu nương nhau, vững tin, thanh thản và an lạc vượt sông để qua bờ bên kia, nơi có cỏ non, nước mát là một hình ảnh tuyệt đẹp. Nhưng để có niềm tin, thanh thản và an lạc đó, chúng ta phải được sự hướng dẫn phát xuất từ lòng thương yêu rộng lớn, sự tận tụy bền bỉ, tâm vị tha bình đẳng. Đức Phật là tiêu biểu tuyệt hảo về Từ, Bi, Hỷ Xả. Đó là Tứ Vô Lượng Tâm toàn bích, không một tỳ vết, thể hiện qua suốt cuộc đời thị hiện ta-bà của Ngài.

Suốt hơn bốn thập niên hoằng truyền đạo pháp, Đức Phật đã đến với mọi tầng lớp trong xã hội, từ vua quan, trưởng giả, cung tần mỹ nữ, tướng sỹ, thương buôn, tới nghèo hèn, nô lệ, kẻ ác người hiền, từ người lớn tới trẻ nhỏ, từ gia đình đông đúc tới kẻ hiu quạnh cô đơn ...

Tại sao Đức Phật phải mở trái tim từ bi rộng lớn đến thế? Vì sau bốn mươi chín ngày đêm thiền định dưới cội bồ đề, phá tan ma quân, tìm ra con đường thoát khổ, Ngài đã rõ cánh cửa ngục vô minh kiên cố từng giam hãm mọi loài đã không trừ một ai. Mọi hạng người trong xã hội đều có những khổ đau riêng, những khổ đau thường rất sâu kín vì họ phải che dấu để sống trong sự bình an giả tưởng. Cái gì giả tưởng, trước sau rồi sẽ tan vỡ; và che dấu càng

lâu, sự tan vỡ càng khốn đốn, nhưng không biết lối thoát nên nhân loại vẫn tiếp nối nhau lăn trôi trong trầm luân.

Sau khi nhìn rõ mặt mũi tên cai ngục Vô Minh, Đức Phật đã thiền hành quanh một hồ sen và quán chiếu. Có những bông sen còn hàm tiếu, có bông đã nở rộ, có lá vươn cao, có lá còn nằm trên mặt nước. Đức Phật biết, căn cơ thế gian cũng như thế. Muốn giáo hóa họ, Ngài phải tùy duyên mà độ. Đến với vua, phải hiểu cương vị và tâm trạng nhà vua; đến với dân, phải hiểu hoàn cảnh và nỗi lòng thứ dân; đến với người già phải thấu niềm đau người già; đến với trẻ nhỏ phải hòa đồng sự thơ ngây của trẻ nhỏ ...

Khó khăn như thế nên Ma Vương đã tới, yêu cầu Đức Phật nhập Niết Bàn. Vì thương tưởng chúng sanh, Ngài đã thắng thần từ chối.

Và Đức Phật cất bước.

Nhập thế.

Mang đạo vào đời.

Tới bất cứ nơi khổ đau nào có thể tới.

Độ bất cứ hạng người nào có thể độ.

Bổ thí tất cả những gì có thể cho.

Nói lên tất cả sự thật cần phải nói.

Con đường Trung Đạo cứu khổ đã vạch ra.

Chỉ có bước tới mà không lùi.

Chỉ có dũng mãnh mà không sợ hãi.

Trong sáng, an nhiên trước thị phi đối trá.

Bình thản, vững tin trước âm mưu lọc lừa.

Từ bi hỷ xả trước gian manh độc ác.

Bởi vì:

Kẻ thù là sự vô minh.

Con người là nạn nhân của sự vô minh.

Nạn nhân nào cũng đáng thương như nhau.

Nạn nhân nào cũng đáng được độ dưới cái nhìn từ bi của Đạo Phật.

Những Tăng Đoàn liễu nghĩa lời Phật dạy, Đã và Đang theo dấu chân Đức Thế Tôn, NHẬP THẾ ĐỘ ĐỜI chứ không chỉ làm Thanh Văn, Duyên Giác. Nhập thế bằng Trí Tuệ. Lặng thinh trước thị phi. Dũng mãnh đi trên đường Phật đi, mới thật sự là đèn on Chư Phật.

Những Tăng Đoàn đó, mang tinh thần vị tha bình đẳng, đã và đang mở rộng trái tim, bước những bước chân chánh niệm từ Âu sang Á, từ Đông sang Tây, độ hết những ai cầu được độ.

Những Tăng Đoàn đó, đã và đang noi gương Chư Phật, chỉ dùng thì giờ để độ đời, không gì đáng làm, đáng nói hơn nữa. Vì làm gì mà không hướng mục đích độ đời cũng chỉ là tham vọng vị kỷ ảo tưởng, là lâu đài trên cát; nói gì mà không là lời chỉ dẫn người thoát khổ cũng chỉ là vọng ngôn.

May thay, giữa bao lâu đài trên cát, giữa bao kẻ mê cuồng vọng ngôn vẫn còn những Tăng Đoàn, lặng-thinh-Bát-Nhã, bi-tráng-tâm-hương để HÀNH THEO HẠNH PHẬT.

NAM MÔ ĐỨC BỒN SƯ BỤT THÍCH CA MÂU NI

(Cốc Thánh Thơi, Mùa Phật Đản, PL 2552)

---o0o---

Hành trình về phương đông

“Hãy lên đường! kia, mặt trời rục rỡ!”

Lữ khách đã nghe theo tiếng gọi thâm thì tự thăm sâu tiềm thức, vững tin và vững tâm mà đi như thế.

Túi vải đã rách, áo đã sờn vai, đôi giày đã lủng, bàn chân bắt đầu sưng, nhưng lữ khách như không sờn lòng.

“Hãy lên đường! Kia, mặt trời rục rỡ!”

Lữ khách đã leo qua nhiều ngọn đồi, lội qua nhiều dòng suối, đi ngang nhiều phố thị, vượt nhiều khu rừng, ngủ dưới gốc cây, tắm bên sông cạn Lữ khách không nhớ cuộc hành trình bắt đầu từ đâu, càng không biết sẽ kết thúc ở đâu vì mỗi ban mai, mặt trời rục rỡ phương đông lại mời gọi lên đường.

Và, lòng tràn ngập tin yêu, hoan hỷ, lữ khách đeo túi vải lên vai, thanh thản cất bước.

Trên con đường thăm thẳm, lữ khách từng nghe bao tiếng rên siết của đau thân, bao tiếng nức nở của đau tâm, bao tiếng than thở của sinh ly tử biệt; cũng đã từng thấy bao đôi trá, ác độc ẩn hình dưới những bàn tay sắt bọc nhung; từng thấy những cho, rồi đòi lại, những nhận, rồi vô ơn ... tất cả quyện thành muôn sợi giây oan nghiệt vô hình, ràng buộc thống khổ nhân gian, đời này qua đời khác, kiếp này qua kiếp khác, không dứt, không thôi. Giòng đời vui ít, khổ nhiều luôn hiển lộ rõ ràng như vậy, nhưng dường như nhân thế vẫn hồn nhiên như đám thiêu thân theo nhau lao vào ánh đèn để quần quai, và để tiếp tục khóc than!

Lữ khách cũng từng gặp những vị sa môn ôm bình bát, lặng lẽ đứng bên lề nhân thế, hiện thân của nhẫn-nhục-bất-động trong an-lạc-tự-tâm; từng gặp những đoàn thiên hành áo nâu, bước thong dong chánh niệm, hiện thân của “Niệm vô niệm niệm. Tu vô tu tu. Đắc vô đắc đắc.”, tỏa năng lượng mạnh mẽ tới bất cứ ai nhìn thấy họ.

Lữ khách đã từng ghé nhiều cửa Phật, từng nghe giảng sư hỏi đại chúng: “Làm sao để thấy được bản-lai-diện-mục?” Đại chúng thưa: “Dạ, siêng lau gương tâm.” Giảng sư mỉm cười: “Gương vốn sáng, sao phải lau? Gương mờ là vì bụi. Lau bụi thì thấy gương thôi.”

Từ lần nghe được lời dạy đó, lữ khách tuân theo hạnh của ngài Châu Lợi Bàn Đặc, một hành giả tâm trí vốn u mê, được Đức Phật khai thị để trở thành một, trong những đại đệ tử, chứng quả A La Hán và biện tài thần thông qua hành trì câu kệ đơn giản: “Tẩy sạch bụi trần.”

Với chiếc khăn trắng tinh sạch của chánh niệm, lữ khách lau bụi tâm theo từng tờ lịch rơi:

“Tháng lạnh,
Em chưa về cuối đông
Hỏi thăm lối sỏi, bụi gai hồng
Sỏi ngậy ngô gọi sương đêm trắng
Mai, thấy trời xanh ngọn cỏ bông

Tháng mưa,
Em ngại hải nhung ướt
Bỏ mặc chim uyên dưới cội đào
Phiên kinh Bát Nhã ngân nga tụng
Ngỡ gặp tiên thân,
Tự thuở nào

Tháng nắng,
Em qua suối một mình
Soi nghiêng vành nón thấy lung linh
Bóng ai?
Như gã Trương Chi ấy!
Khua mái chèo,
Chôn chặt khối tình!...”

Không biết sau bao tháng, bao năm, bỗng một ngày, lữ khách hốt hoảng nhận thấy chiếc khăn đã lấm đầy bụi bân; bụi tham, sân, si của mong cầu, vay trả, oán hờn ...

Nhìn quanh, chợt thấy đang đứng bên bờ sông cũ, nơi từng nghe tiếng chuông mời gọi vọng tới từ một ngôi chùa.

Cũng như năm xưa, lữ khách nương tiếng chuông mà đi. Ngược nhìn bầu trời trong xanh, lữ khách thấy mặt trời đang đứng bóng, vàng rực.

Tiếng chuông và Phương Đông đang là một.

Phấn khởi, lữ khách bước nhanh, tâm không ngừng “tẩy sạch bụi trần.”

Tiếng chuông đã rõ ràng, lạnh lốt ngân vang khi lữ khách đứng trước chánh điện của ngôi chùa thuộc thành phố Biên Đài. Cũng cảnh trí năm xưa, đại chúng đông đảo gồm mọi thành phần nam phụ lão ấu đang được một vị Thầy còn trẻ hướng dẫn lễ lạy bộ sám pháp Lương Hoàng Sám:

“Chí tâm đánh lễ, Nam Mô Di Lặc Phật
Nam Mô Thích Ca Mâu Ni Phật
Nam Mô Pháp Thiên Kính Phật
Nam Mô Đoạn Thế Lực Phật
Nam Mô Cự Thế Lực Phật
.....
Nam Mô Vô Biên Thân Bồ Tát
Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát”(*)

Đã từng lễ lạy bộ sám pháp Lương Hoàng Sám, lữ khách biết, tới đây, đã đến phân Chúc Lũy, hành giả phát Bồ Đề Tâm, dầu trong cõi ta-bà có bị các quả báo khổ sở, không thể cứu chúng sanh, cũng xin đem các chúng sanh ấy mà phó thác cho:

Vô lượng vô biên tận hư không giới pháp thân Bồ Tát
Vô lượng vô biên tận hư không giới vô lậu sắc thân Bồ Tát
Vô lượng vô biên tận hư không giới phát tâm Bồ Tát

.....
Mười phương tận hư không giới Vô Biên Thân Bồ Tát
Mười phương tận hư không giới Quán Thế Âm Bồ Tát
Mười phương tận hư không giới Chư Đại Bồ Tát
Nguyện xin Chư Đại Bồ Tát Ma Ha Tát dùng bốn thể nguyện lực, thể độ
chúng sanh lực mà nhiếp thọ mười phương vô cùng vô tận tất cả chúng sanh
...”

Bỗng nhiên, lũ khách nghe thấy âm thanh một giọng nữ ngân lên.

Trời ơi, âm thanh này quen thuộc quá! âm thanh này như đang phát ra từ
chính buồng phổi mình, huyết mạch mình, hơi thở mình! Thân tâm lũ khách
run rẩy theo từng lời nguyện của sư-cô, mà đại chúng đang đồng tâm nhất
chí nguyện theo:

“Chư Phật, chư Đại Bồ Tát đã có phát thể nguyện không thể cùng tận, chúng
con hôm nay thể nguyện cũng như vậy, rộng như pháp tánh, cứu cánh như
hư không; cùng tận đời vị lai, tất cả số kiếp:

Chúng sanh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Thế giới không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Hư không không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Pháp tánh không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Niết-Bàn không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Phật ra đời không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Trí tuệ chư Phật không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Tâm tướng biết không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Trí sanh khởi không thể tận, chúng con nguyện cũng không thể tận.
Thế gian đạo-chúng, pháp-chúng không thể tận, chúng con nguyện cũng
không thể tận.
Nếu mười điều ấy có thể cùng tận, lời nguyện của chúng con mới có thể
cùng tận. Mười điều ấy không cùng tận, nguyện chúng con không bao giờ
cùng tận.” (*)

Tới đây, vị Thầy trẻ điềm một tiếng khánh. Đại chúng đồng đứng lên, cung
kính chấp tay, hướng về Tam Bảo.

Khi ấy, những cánh cửa đều đang mở rộng. Gió nhẹ thổi qua, làm lung linh những ngọn nến hồng và lay động nếp y vàng

Trời ơi! Gió đang bay lượn trên nếp y vàng của sư-cô vừa dẫn lời nguyện, hay gió đang bồn cọt trên áo lụa thuở nào!?

Thực hay mộng!? Quá khứ hay hiện tại!?

Đôi mắt lữ khách nhạt nhòa lệ ứa vừa chạm vào ánh mắt sư-cô đang ngược nhìn tôn tượng Di Đà.

Toàn thân lữ khách chợt cứng đờ, như hóa đá.

Tiền thân.

Phải,

Lữ khách vừa bắt gặp tiền thân!

TIỀN THÂN TÔI ĐÂY RỒI!

Đoạn cuối, bài thơ kiếp trước đã chấm dứt hành trình trở về Phương Đông của lữ khách miệt mài khổ lụy trong kiếp nhân sinh:

*“Tháng gió,
Hoa bay, phấn bụi vàng
Mong manh,
Áo lụa thoảng hương lan
Tơ thôi, mà buộc bao oan nghiệt
Cát bụi vùi nông,
Tuyệt lộ chàng!”*

(Cốc Thanh Thôi, tháng sáu 2008)

() Sám Pháp Lương Hoàng Sám, dịch giả: Thích Viên Giác*

---o0o---

Vá áo chếp kinh

Trong thời gian ở Houston dự Lễ Hội Quan Âm lần thứ bảy, chúng tôi cố thu xếp thì giờ ghé thăm tư gia cư sỹ Liên Hoa-Diệu Tịnh.

Ngôi nhà khang trang bên bờ hồ mà ngay từ cửa vào, khách đến thăm đã cảm nhận được tâm hồn của chủ nhân, những tâm hồn đẹp đẽ, đem sáng tạo mỹ thuật vinh danh Đạo Pháp. Nơi đây, tôi từng được chủ nhân ưu đãi, dành một phòng riêng mỗi lần đến Houston. Nhưng lần này, tôi được tháp tùng sư phụ, sư huynh, sư tỷ nên mấy thầy trò lấy phòng ở khách sạn, gần chùa Việt Nam để ban vận chuyển của chùa tiện đưa đón trong thời gian Lễ Hội.

Cuộc hội ngộ bất ngờ chiều chủ nhật đã thành buổi thiên trà đầy đạo vị vì có sự hiện diện của Thượng Tọa Thích Tâm Hòa. Thầy có giọng ngâm truyền cảm, lại thuộc rất nhiều thơ, từ những bài ngắn, thể năm chữ của thầy Tuệ Sỹ đến những bài dài, thể tám chữ của thi sỹ Vũ Hoàng Chương, thầy đều thoải mái, cất giọng ngâm dễ dàng.

Trong không khí thơ nhạc và hương trà ngát thơm, bất ngờ, thầy đọc hai câu đối của thầy Tuệ Sỹ mà trước khi đọc, thầy đã nói là “Hay lắm!”. Tôi sững sốt khi thầy đọc trọn tru hai câu đối khá dài, bằng cả chữ Hán lẫn chữ nôm.

Câu thứ nhất: Quảng mạc thiên hoang cô lý, nhi phê hưng cạnh tâu kinh đào, phiến điệp phù nang, quải nạp đằng la thử nại. Dịch nôm: Chón cũ dậm dài man mác, bởi phê hưng xô dậy sóng cồn, chiếc lá thuyền nang, vá áo chếp kinh đất khách.

Câu thứ hai: Đức hành thế khoác tham phương, tử triêu lộ hàm huy diệu cảnh, không hoa thủy nguyệt, huyền hà bích lạc thân châu. Dịch nôm: Đức tu mấy bước mù xa, tợ sương sớm nắng hồng đọng bóng, hoa trời trắng nước, ngân hà dằng dặc quê cha.

Thầy đọc lần đầu, tôi như kẻ phàm phu nghe chim thuyết pháp, nghe không kịp, mà cũng chẳng hiểu gì cả! Duy chỉ bốn chữ “Vá áo chếp kinh” bỗng dội vào cái đầu u tối của tôi, rồi chợt lóe như lần chớp, sáng rực hình ảnh Trưởng lão A-Na-Luật ngồi vá áo khi cả ba chiếc y của ngài đều cũ rách tả tơi!

Trong tăng đoàn của Đức Thế Tôn thời xưa, chắc không thiếu các vị tỳ-kheo từng phải ngồi vá áo nhưng không hiểu sao, chỉ hình ảnh ngài A-Na-Luật bật lên khi thầy Tâm Hòa vừa đọc tới 4 chữ “Vá áo chếp kinh”?

Lẽ dĩ nhiên, tôi nào biết dung mạo Trưởng lão A-Na-Luật ra sao, nên hình ảnh vị tăng ngồi vá áo, tuy tâm tôi khởi danh xưng ngài A-Na-Luật mà hình ảnh lại là hình ảnh tác giả hai câu đối, là thầy Tuệ Sỹ, là vị tu-sỹ đã đóng một triện son đậm nét trên trang sử Phật Giáo Việt Nam bằng sự im-lặng-sấm-sét trong cơn biến động lịch sử của dân tộc.

Tôi đã xin thầy Tâm Hòa viết cho hai câu đối này để bây giờ, ngồi trong Cốc Thánh Thơi, từng chữ đang như từng bài pháp cho tôi niềm hạnh phúc vô biên.

Tôi lại khóc.

Thánh thơi và sung sướng mà khóc.

Tôi khóc vì quá may mắn, có cơ duyên được nghe những lời nhắc nhở đầy Từ Bi, Trí Tuệ này.

“Chón cũ dậm dài man mác, bởi phé hưng xô dậy sóng còn”.

Thời gian như bóng câu qua cửa, bao trạng huống thịnh suy hưng phế đập dồn, mờ mịt quê xưa nghìn trùng cách biệt.

Chiếc lá thuyền nang, vá áo chếp kinh đất khách”.

Từ thưở lênh đên trên con thuyền mong manh tựa lá, lìa xa quê, trôi giạt xứ người, xin hãy an bản giữ đạo.

Có lẽ những gì thiết tha nhất mà thầy Tuệ Sỹ muốn nhắn gửi huynh đệ của thầy là ở nơi xứ lạ quê người, hãy nhớ “biết đủ” theo lời Phật dạy và giữ đạo tâm bền vững. “Vá áo” có phải là tượng trưng cho sự an bản và “Chếp kinh” là nhắc nhở một lòng giữ đạo?

Xưa, có lần Đức Thế Tôn hỏi tôn-giả Tu-Bồ-Đề:

- Bạc A-La-Hán có nghĩ tưởng là mình đã đạt đạo A-La-Hán không?

Ý ông thế nào?

Tôn giả Tu-Bồ-Đề cung kính thưa rằng:

- Bạch Đức Thế Tôn, con không nghĩ tưởng như vậy, con mới là bậc A-La-Hán.

Nhớ lại giai thoại này giúp tôi hiểu phần nào niềm ưu ái băn khoăn mà thầy Tuệ Sỹ gửi gắm trong câu thứ hai:

“Đức tu mấy bước mù xa, tựa sương sớm nắng hồng đọng bóng, hoa trời trăng nước, ngân hà dằng dặc quê cha”.

Dù đường tu có đạt tới đâu, cũng chỉ mong manh tựa sương, tựa nắng; sương mới đó rồi tan, nắng mới đó rồi nhạt, trăng lồng bóng nước, nào phải thật là trăng!

Ngay những bậc A-La-Hán còn chưa dám nhận là A-La-Hán, thế mới thực đặc A-La-Hán.

Đường tu thậm thâm vi tế như thế, nên xin hãy giữ tâm an trụ trong chánh định, chớ vì xứ người dư thừa phương tiện mà đắm chìm tự mãn, quên đi cội nguồn đất tổ vơi vợi phương xa. Có lẽ, chữ “Quê cha” ở đây, vừa có nghĩa là Quê Hương đời-thường, vừa ẩn nghĩa thâm sâu là Giác Ngộ, là Giải Thoát, là mục đích tối hậu trên đường cầu Đạo.

Ngồi bán già rất lâu trước bàn thờ Phật, vận dụng cái đầu u tối làm việc, tôi chỉ hiểu lơ mờ hai câu đối trên như vậy. Lòng bỗng khởi niềm mơ ước viễn vông “Phải chi được đánh lễ thầy Tuệ Sỹ, xin thầy chỉ giáo tận tường từ nghĩa cạn tới lý sâu thì thật là hạnh phúc!”

Tôi biết được một điều, là những gì thầy Tuệ Sỹ viết, phải nhìn từ nhiều lăng kính khác nhau mới mong thấy được phần nào tâm tư thầy gửi gắm. Nên những khi may mắn có được gì của thầy, từ dịch thuật kinh điển tới thơ văn, tôi thường lò dò tìm các vị thiện trí thức để xin chỉ dạy. Nhưng cơ hội này chẳng phải dễ, vì những vị tôi đặt niềm tin, lại thường luôn bốn ba hoảng pháp đó đây, gặp được quý ngài chỉ là tình cờ hy hữu!

Như buổi thiên trà đầy đạo vị mà Mẹ Hiền Quán Thế Âm đã vừa cho chúng tôi cơ hội.

Đa tạ Thầy Tuệ Sỹ, vị Thầy tôi chưa một lần được diện kiến nhưng Thầy đã là người dẫn dắt tôi từ những bước đầu chập chững tìm về cửa

Đạo. Thầy là niềm an ủi khi tôi gặp nghịch duyên do thế nhân lọc lừa, dối trá.

Thầy là bóng mát khi lòng tôi khô cạn niềm tin.

Chỉ cần nghĩ tới hạnh nguyện Bồ Tát của Thầy là bao nhiêu thất vọng trước thế nhân ác hiểm đều chuyển thành bụi mưa xuân làm xanh tươi đồng cỏ. Những phút giây ấy, tôi lại thấy niềm ước mơ được diện kiến Thầy là không cần thiết. Vì những gì tôi cảm nhận được trên bước đường Thầy đi, đã là quá đủ.

Cây tùng sừng sững, lặng thinh nhưng mạnh mẽ giữa sa mạc nắng cháy, chẳng là niềm khích lệ vô biên cho bao lữ hành đang nổi chìm trong gió cát ư?

Và tôi thấy triết gia D.W.Jerrold rất sâu sắc khi ông ta nói rằng: “Tôn giáo và lòng kính ngưỡng ở trong tim chứ không ở hai đầu gối”.

NAM MÔ TÁT ĐÀ BÀ LUÂN BỒ TÁT (*)

(Cốc Thành Thôi- Tháng Tư 2008)

() Vị Bồ Tát vì Đạo, quên mình.*

---o0o---

Viết trên cát

Tôi ngồi lặng lẽ, nhìn những lá phong vàng sậm và đỏ ối, âm thầm rơi trong không gian tĩnh mịch quanh khu nhà quán. Thấp thoáng vào, ra, là những người chít khăn tang trắng, gương mặt phờ phạc, buồn rầu.

Cả một trời thu im lặng, u hoài trùm phủ quanh tôi.

Ngồi trong lòng xe nơi bãi đậu, tôi đang chờ quý thầy, trên đường tới tụng kinh hộ niệm cho người quá vãng của một gia đình nghèo mà thầy tôi vừa tình cờ biết tin.

Gió nhẹ.

Lá thu rơi.

Người còn.

Kẻ mất.
Hợp rồi tan.

Ai cũng biết thế, nhưng dường như những lá thu rơi nhẹ nhàng, thanh thản hơn con người lúc ra đi. Lá lìa cành, theo gió, bay lượn êm ả như vẫy chào cây, rồi thâm lặng nằm trên mặt đất. Đất ân cần đón lá, lá an nhiên tiếp nhận nắng mưa, và lá biết rằng, rồi lá sẽ thành đất, để đất lại nuôi cây ...

Bỗng nhiên, những tiếng gào khóc bật lên từ bên trong nhà quàn, vang động, xé rách không gian đang lặng lẽ ! Tiếng khóc, tiếng kể lể, tiếng thảm thiết gọi tên người vừa chết làm xôn xao những người đang hiện diện.

Nhưng bên ngoài, nơi tôi vẫn ngồi yên trong lòng xe, gió thu vẫn thổi nhẹ, lá thu vẫn thong thả rơi, đất vẫn thâm lặng, nhẩn nhục, nhận những Đén và Đi ...

Những tiếng khóc khi người-mất-người có mang chút nào ân hận vì đã chẳng tử tế đủ, khi còn nhau hay không?

Có lẽ nhiều ân hận, người ta mới khóc than như thế ! Nếu sống với nhau mà tử tế, mà thủy chung như cây với lá thì sự ra đi chỉ là tạm biệt, là chuyển hóa.

Tử tế với nhau thì có gì ân hận lúc chia tay theo lẽ vô thường!

Tiếng gào khóc càng lúc càng bi thương. Phải chi tôi có thể kể cho người đang khóc nghe một câu chuyện ngắn mà tôi từng được nghe từ một vị giảng-sư.

Hai huynh đệ đồng tu, khá thân thiết, đang cùng đi trên sa mạc. Hai vị nói đủ các thứ chuyện quanh đề tài tu học, và ở một đề tài, có sự bất đồng đến mức huynh thẳng tay giáng cho đệ một bạt tai.

Đệ không nói gì, quỳ xuống trên cát, dùng ngón tay viết giòng chữ “Hôm nay bạn tôi đã tát tôi.”

Hai người tiếp tục đi, không ai nói gì với ai nữa.

Ngang qua một khu sinh lầy, người em hụt chân, lún xuống bùn. Lập tức, người anh đưa tay, kéo em lên. Không một lời cảm ơn, hai người tiếp tục đi, ra khỏi sa mạc, tới vùng đồi núi. Người em nhìn quanh, tiến tới một

tảng đá lớn, dùng những viên sỏi nhọn, vận dụng hết sức lực để viết trên đá giòng chữ “Hôm nay bạn tôi đã cứu tôi”.

Lúc đó, người anh mới lên tiếng hỏi:

- Sao lúc huynh tát đê, đê viết trên cát, mà lúc cứu đê, đê lại viết trên đá?

- Thưa huynh, những tàn nhẫn, đau buồn, hãy viết trên cát để cát bụi thời gian xóa nhòa đi; nhưng những tử tế, ơn nghĩa phải viết trên đá mà ghi tâm khắc cốt.

Câu chuyện chỉ có thế, nhưng nước mắt tôi đã lã chã rơi vì biết rằng, giữa cõi ta-bà chấp chùng những dối gian, bội phản, tàn nhẫn này, phải có bao nhiêu bãi cát để nhân gian viết đủ ?!

Nhưng may thay, cũng an ủi, là đứng trước tảng đá, căn ngón tay chảy máu làm mực, người con Phật còn lòng biết ơn sâu sa để viết xuống sáu chữ:

“NAM MÔ A DI ĐÀ PHẬT”

(Tạm biệt trăng thu- thành phố Biển Dài)

---o0o---

Sân khấu lịch sử

Lịch sử là một vở kịch mà trong đó các diễn viên luôn thay đổi và trình diễn không ngừng.

Trên sân khấu đó, cái nhìn của người thưởng ngoạn- cũng là diễn viên- được nhận diện khác biệt giữa Tây phương và Đông phương.

Người Tây phương quan niệm trái đất là trung tâm của lịch sử, là sân khấu của vũ trụ, nơi đó, những diễn viên là con người do Thượng đế tạo thành. Mọi nhân vật và diễn biến của vở kịch trường thiên bất tận này đều do ý muốn của Thượng đế. Thượng đế là ai? Ở đâu?, không biết! nhưng đức tin của người Tây phương về một Đấng Toàn Năng nào đó, rất mạnh mẽ. Đấng toàn năng vô hình họ đặt tên là Thượng Đế đó, phải có! chắc chắn phải có mới tạo ra trái đất muôn người, muôn loài này. Khi Thượng đế tạo ra cái gì thì chẳng phải vô tình mà là có chủ ý; nên dù vai trò trên sân khấu này là

hạnh phúc hay đau khổ, là cao sang hay nghèo hèn, các diễn viên thường chấp nhận như một sự tuân theo ý Thượng đế vậy!

Nhưng quan niệm của người Đông phương thì khác.

Người Đông phương không hề thấy có ai đó là Thượng đế đạo diễn; Và sân khấu lịch sử này không có lúc bắt đầu, cũng không có điểm kết thúc vì ở đó, không gian và thời gian chỉ là sản phẩm tạo tác từ TÂM.

Đó là đại cương một phần bài giảng trong một ngày quán niệm ở Xóm Mới mà Sư Ông Làng Mai đưa ra.

Những ý tưởng mới mẻ này khiến tôi phấn khởi gỡ lại những trang kính mà tôi thường tụng đọc.

Kinh Kim Cương nói, mỗi hạt cát bên bờ sông Hằng lại là một sông Hằng, và kinh Hoa Nghiêm còn nói rộng hơn, là nếu đem bóp nát thế giới này thành bụi thì mỗi hạt bụi đó lại là một thế giới, và trong những thế giới đó không phải chỉ có loài người mà còn có mọi loài khác nữa.

Những lời tuyên giảng này không còn hoang tưởng, mơ hồ, khi văn minh nhân loại càng lúc càng khám phá ra những hành tinh mà trước đây không ai có thể tin là có. Với kỹ thuật tân tiến, sự tìm kiếm không ngừng đưa tới những thành quả bất ngờ. Con người trên trái đất đang chứng minh còn nhiều thế giới khác mà với cái nhìn hạn hẹp khi xưa chưa thấy được.

Sự giao lưu giữa cái thấy về con người và vũ trụ của hai nền văn hóa Đông, Tây đang tiến dần đến lời Đức Phật từng chỉ dạy cách nay hai mươi lăm thế kỷ, là ngoài cõi Ta-bà còn có tam thiên đại thiên thế giới khác nữa.

Cùng trên một sân khấu lịch sử, vai trò của mỗi diễn viên Đông và Tây cũng được nhận diện khá khác nhau.

Người Đông phương, nói chung, và người Phật tử, nói riêng, được nhìn thấy những cánh cửa mở rộng, thực tế, có thể quán sát và cảm nhận trước khi vai trò này được chuyển sang vai trò khác. Trên sân khấu lịch sử đó, người Đông phương không hề thấy có ai là Thượng đế tham dự vào, mà chỉ do nghiệp tạo ra. Nghiệp khởi từ Ý Nghiệp, tức là Tâm. Tâm như một họa sỹ tự chọn màu sắc, tự vẽ và hoàn thành những họa phẩm theo ý mình. Ý-nghiệp đều do Tư-duy rồi hình thành Khẩu-nghiệp (lời nói) và Thân-nghiệp (hành động). Quán chiếu sâu thêm thì Tư bắt đầu từ cái Thấy. Thấy sai đã là

Nghiệp chứ không chờ tới Tư mới tạo nghiệp vì cái Thấy này sẽ rơi vào tàng thức Alaya, được sắp xếp là thức thứ tám trong Duy Thức Học, chứ không mất đi đâu cả. Nếu ta không kịp chánh niệm mà chuyển hóa thì cái Thấy Sai này sẽ nằm trong kho chứa đó, phục kích, chờ cơ hội là phát khởi ngay thành ác nghiệp!

Cái thấy này lại tùy đối tượng, như cá thấy nước là nhà, người thấy nước là sông suối, chư Thiên thấy nước là thủy tinh, quỷ đói thấy nước là máu v.v...

Chính cái thấy này của ta mà thực tại sẽ là thiên đường hay địa ngục.

Lãnh tụ Đức Quốc Xã thời xưa thấy người Do Thái là gì mà đày hơn sáu triệu người vào lò hơi ngạt ???!!!

Nếu lãnh tụ thời đó là một Phật tử thì chắc chắn thảm kịch kinh hoàng đó không bao giờ xảy ra, và biết đâu trong số sáu triệu người năm xưa không bị thảm sát đó, có người đã là Chúa Cứu Thế, là Phật Độ Đòi?

Sống để công hiến hoa trái, hạnh phúc cho đời là ước muốn của mọi người, nhưng do cái thấy khác nhau mà nơi này thiên đàng, nơi kia địa ngục.

Cũng trên sân khấu lịch sử đó, những diễn viên Tây phương tin ở sự sắp đặt của Thượng đế, là họ chỉ có hai con đường, khi vai trò của họ chấm dứt. Đó là, thiện thì lên thiên đàng và ác thì xuống địa ngục. Khi đã về nơi nào rồi thì vĩnh viễn ở đó, không có cơ hội thay đổi nữa.

Những diễn viên phương Đông có nhiều chọn lựa hơn.

Thiện nghiệp hay ác nghiệp đều do tâm tạo chứ không Thượng đế nào chỉ đạo việc này cả, nên khi chuông điểm Ngày Về, nghiệp nào nặng hơn sẽ dẫn ta đi. Thiện nghiệp cũng sẽ về cõi trên, cõi tịnh; ác nghiệp cũng xuống địa ngục, nhưng khác là, lên cõi trên mà không tiếp tục tu tập, hưởng hết phước cũng xuống cõi dưới. Ngược lại, kẻ ở cõi dưới mà biết sám hối, chuyển hóa thì khi hội đủ phước sẽ sanh lên cõi trên.

Cái nhìn của người Đông phương đặt trách nhiệm vào mỗi chủ thể vì Đường Đi, Lối Về do chính tâm của mỗi chủ thể tạo tác ra. Lỡ tạo bất-thiện-nghiệp mà tỉnh giác kịp, chuyển hóa thành thiện-nghiệp thì từ cõi này ta lại sang được cõi kia; có nghĩa là ta có thể dong chơi khắp cõi, tùy trí tuệ hay vô minh của tâm.

Điểm cốt lõi căn bản này chính là ánh sáng Vô-Lượng-Quang giúp người Phật tử hướng thượng, có lầm đường lạc lối mà cơ may gặp thiện-tri- thức nhắc nhở thì cũng biết vội vã sám hối quay về.

Chìa khóa sẵn trong tay mỗi chủ thể.

Mở cánh cửa nào là do chính ta nhận dạng giá trị của cánh cửa đó.

Bên cạnh khả năng tự quán chiếu, người Phật tử còn may mắn được nghe lời Đức Thế Tôn xác quyết rằng:

“Ta là Phật đã thành. Chúng sanh là Phật sẽ thành.”

Chúng sanh mà Đức Phật nói, chẳng phải riêng loài người mà là mọi loài. Ma-Ba-Tuần ở cõi trời Lục Dục là nơi cao quý, không biết tu tâm cũng đọa địa ngục; trong khi Rồng là loài súc sanh mà lên được đạo tràng vì chí tâm cầu nghe pháp, ngộ được đạo Bồ Đề.

Bông Sen cũng là chúng sanh.

Bông Sen có là Phật sẽ thành không?

Có chứ.

Một Bông Sen tươi mát, thanh thoi, đang tỏa hương thanh khiết đã là một vị Phật rồi.

Vì Bông Sen đó giúp ai chiêm ngưỡng phút giây toàn bích, toàn thiện của đóa hoa mãn khai, tâm kẻ ấy sẽ an lạc, thanh tịnh, ngát thơm và đẹp đẽ như Tâm Phật.

(Cốc Thành Thoi, tháng năm 2008)

---o0o---

Người đưa thư không trở lại

Túi vải đã sẵn trên vai, gã nhìn quanh căn phòng tạm trú, với tay, lấy chiếc mũ ni trong tủ áo, chụp lên đầu rồi khép cửa, bước ra đường.

Nắng buổi trưa như đổ lửa, nóng hừng hực. Gã đứng ngo ngác trước ngã tư, mắt định hướng, dù gã đã được cho biết nơi gã tạm trú là đường Vĩnh Viễn,

đi thẳng, sẽ gặp đường Lê Hồng Phong, rẽ trái không xa sẽ là Ngã Bảy. Ngôi nhà xưa ở trong một đường hẻm gần đây.

Những địa danh này từng quá quen thuộc, nhưng sau hơn ba mươi ba năm, gã đang là người khách lạ giữa lòng quê hương. Rừng xe gắn máy đủ loại, ngược xuôi hối hả, luồn lách tài tình quanh những xe tải, xe taxi, khách bộ hành. Người và xe đều thản nhiên chen lấn trên những con đường hẹp.

Gã đứng đó, nhìn xuôi, nhìn ngược một lúc, chợt bật cười khi có cảm tưởng đang lạc vào một hành tinh khác, chứ không chỉ lạc giữa lòng quê hương, vì những người đi xe gắn máy đều đội nón sắt, đeo khẩu trang, trừ hai con mắt, chẳng ai nhìn rõ mặt mũi nhau ra sao! Họ như đoàn người máy bận rộn, lạnh lùng. Lòng gã chợt nao nao bóng hình tà áo lụa Hà-Đông e ấp bay trong gió, tiếng guốc ai khoan thai gõ nhịp trên những hè phố thân quen ...

Gã giật mình khi một chiếc Honda, vừa ép sát lề đường, vừa hỏi trống không:

- Đi đâu?

Gã nhìn quanh, không chắc có phải người lái xe hỏi mình.

- Đi không?

Xe vẫn nổ máy, nhưng đã ngừng ngay trước mặt gã. Vậy, chắc là hỏi gã rồi. Gã cũng trả lời trống không, cho cùng một tần số:

- Đi.

- Đi đâu?

- Gò Vấp, đường Lê Quang Định. Có xa không?

Ngôn ngữ như phải xài tần tiện lắm nên thay vì trả lời, người lái xe đưa cho gã một chiếc nón an toàn. Loay hoay một lúc gã mới đội được chiếc nón sắt vẽ hoa lá đủ màu sắc lộn xộn, để cùng trở thành “người từ hành tinh khác” như gã vừa nghĩ dăm phút trước đây.

Chiếc Honda lao vào giòng xe cộ đông nghẹt. Đôi lúc, gã nhắm mắt, chò nghe một tiếng “rầm” vì không thể tưởng tượng có thể queo như thế, chạy

như thế, tránh như thế mà không va chạm nhau! Ấy vậy mà cũng tới được đường Lê Quang Định, quận Gò Vấp, còn đủ tứ chi!

- Xuống đâu? Khúc nào?

- Ở chùa Quảng Hương Già Lam ở khúc nào?

- Gần chùa Dược Sư phải không?

Gã đáp bừa:

- Ừ!

May quá, vừa qua chùa Dược Sư chừng hai trăm thước, gã nhìn thấy tấm bảng nhỏ treo trên cột đèn ngoài đầu hẻm: “Tu viện Quảng Hương Già Lam”. Gã rôi rít nói:

- Ngừng đây! Ngừng đây đi!

- Không vào tới chùa hả?

- Không, đây được rồi. Bao nhiêu?

- Cho bảy chục.

Gã móc túi vải, trả tiền, chờ chiếc Honda rồ máy, phóng đi, mới thở một hơi thật sâu, lững thững vào con hẻm nhỏ.

Gã bước chậm lắm. Bước mà như không bước. Gã muốn cởi giày, đi chân không, để nền đất này tiếp xúc với gan bàn chân, truyền ra từng tế bào, từng mạch máu. Gã nghe tiếng thổn thức không ngừng bên lồng ngực trái, nơi trái tim đang đập lạc nhịp.

Hôm đầu tiên, gã cứ tưởng gã sẽ khóc nức nở hay ít nhất, cũng thảm lặng rung động toàn thân khi máy bay đáp xuống sân bay, nơi hơn ba mươi ba năm trước gã đã hốt hoảng rời quê hương ra đi. Vậy mà lòng gã lạnh tanh! Gã thử cẩu mạnh vào cánh tay, xem còn cảm giác không. Còn chứ! Vết cầu trắng bạch vì máu bị chặn, rồi sau đó đỏ bầm! Hay vì chuyến bay khá dài, thần hồn chưa về với thân xác? Cũng không phải nốt, vì gã đã ăn uống, nghỉ ngơi, tắm gội tinh tảo thoải mái rồi mới bắt đầu “phiêu lưu ký.” Gã đã gặp dăm bạn cũ, đã thử đi trên vài góc phố xưa, nhưng lạ quá, lòng dửng dưng

trước người xưa cảnh cũ nên đi như chỉ để mà đi! Đi như kẻ độc hành trên con đường thiên lý mịt mù!

Đêm qua, trở về nhà trọ, gã nằm khóc vì sự mất mát bất ngờ này. Người đã lạ, cảnh đã đời, hay chính gã đã sẵn những chấn song vô hình vạch lẫn ranh oan nghiệt??? Có thể tất cả đã trộn lẫn với nhau thành sự hủy hoại vô tình, vốn là bản chất của tự thể vạn hữu!

Nhưng gã còn một sợi nắng để bám víu. Gã vẫn để dành sợi nắng này, như kẻ nghèo khó cẩn thận cất giữ vật quý giá cuối cùng, chỉ dùng khi đứng trước sự sống và cái chết. Bảo vật của gã là ngôi cổ tự mà gã đang tìm đến, một nơi mà trong trí tưởng và trong cả niềm tin, đẹp như tranh vẽ của vua Lý Thái Tôn:

“Hạo hạo Lãng-già nguyệt

Phân phân Bát-nhã liên”

Tạm dịch là:

“Lãng-già ngồi trăng tỏ

Bát-nhã ngát hương sen”

Nét tịch-lặng-như-nhiên không thể đến từ vết thương của những mưu toan tuyệt vọng, mà phải từ hạnh nguyện Bồ Tát “Hu không hữu tận. Ngã nguyện vô cùng”, là lời kinh Phổ Hiền Hạnh Nguyện, phát nguyện rằng “Hu không còn có thể đến chỗ cùng tận, nhưng tâm nguyện đại bi của ta thì vô cùng vô tận.”

Không thực hiện ý định cởi giày mà đi được nửa đường hẻm, gã bỗng cảm thấy gan bàn chân co giựt thật nhẹ. Những tế bào li ti đang kể cho nhau nghe cuộc điện đàm ngắn ngủi với một sư-cô, đã hỏi gã hơn một năm trước đây:

- Sư-phụ của em là ai? Có phải vị ân-sư trong ngôi cổ tự Già Lam không?

Gã im lặng.

- Có phải em đã về đó để xin Thầy xuống tóc?

Gã im lặng.

- Hay ngoài này có ai đại diện Thầy, xuống tóc cho em?

Gã im lặng.

Gã không có câu trả lời vì tự thể những câu hỏi đó đã thắp thoáng tinh thần Bát-Nhã “có mà không, không mà có.” Ấy thế mà do đâu, những câu hỏi đã thành hình? Có phải giữa bao hữu hình ngộ nhận còn có những vô hình chứng thực sự mâu nhiệm chân-như?

Hôm nay, những câu hỏi mà thực chẳng phải câu hỏi, lại đang xôn xao theo bước chân gã, đi tìm cái vô-hình-vô-hạn trong chật hẹp của cái hữu-hình-hữu-hạn!

Thầy ơi, con đang bước những bước đến rất gần Thầy. Con biết, con đang bước trên đường quê hương, vì quê hương đích thực chỉ có một. Người ta có thể không chấp nhận những dị đồng về chủ thuyết, ý thức hệ, nhân sinh quan ...v... v... nhưng làm sao chối bỏ được quê hương, khi những dị đồng đó đều sẽ thành rồi hoại, đến rồi đi. Lịch sử nhân loại có bao giờ ngừng chứng minh sự thăng trầm bất tận này đâu! Thực chất của giòng chảy đó chỉ mong manh như ngọn thu phong làm rụng những lá vàng, mà quê hương là ngút ngàn tuyết sơn thình lặn, trơ gan cùng tuế nguyệt. Theo biến chuyển của lịch sử, người ta cũng có thể có quê hương thứ hai, thứ ba, thứ tư, nhưng vẫn biết và biết rất rõ, từ mảnh đất nào người ta đã hiện hữu.

Có gì là tội lỗi trước sự thực này không? Con muốn tự chứng nghiệm nên đã về đây. Thời gian hơn một phần tư thế kỷ có thể là quá dài với một đời người, nhưng vẫn là quá ngắn với giòng lịch sử không ngừng đổi thay, hung phé...

Từng bước chậm, con đang tiến vào ngôi cổ tự, nơi có tôn tượng Quán Thế Âm Bồ Tát ở sân trước, có cầu thang xi măng bên trái, dẫn lên từng lầu một. Hết những bậc thang, bước thêm dăm bước sẽ thấy bên phải là tấm bình phong đan bằng tre đơn sơ, nhìn từ đó có thể thấy rõ hành lang hẹp, treo chiếc võng xanh, màu đã bạc, gai đã sòn, chiếc nón lá móc gần đây cũng đã cũ. Trên hành lang nền gạch đá hoa màu huyết dụ là chiếc bàn nhỏ, có một khay gỗ để dăm cái tách, chiếc bình thủy trắng và một ấm đất nung, để pha trà. Hành lang này chính là “phòng khách” in bao dấu chân khách vãng lai đến rồi đi, chỉ những giỏ phong lan là vẫn còn đó với tháng năm, qua bao mùa mưa nắng. Cảnh trí này từng phổ biến nhiều nơi, từ nhiều năm vẫn chỉ có bấy nhiêu nên tuy đến lần đầu mà con thấy quen thuộc quá!

Dừng lại trước tấm bình phong ngăn ranh giới đó, khách chỉ cần lên tiếng: “Thưa Thầy”, là giấy lát thoi, tấm màn trúc trước Thị Ngạn Am lay động, và vị thầy tu “mình hạc sương mai” bước ra.

Như thế đó, ngoài những giờ Thầy miệt mài với dịch kinh, với soạn bài cho các lớp học, thì ai có lòng viếng thăm, xin cứ đến. Cửa ngõ chẳng bao giờ đóng, mâm cao cỗ đầy chẳng bao giờ có để mời, nên ai đến thì cũng như ai; tâm chủ an nhiên tự tại rộng mở, tâm khách ra sao, tự khách biết, vì “Ai đem quán trọ mà ngăn nẻo về” (*)

Cổ trần tĩnh thể nào, gã cũng nghe giọng mình nghẹn ngào khi cất tiếng “Thưa Thầy”. Rồi tấm màn trúc lay động. Thầy bước ra.

Thầy đó.

Vẫn tấm áo nhật bình dài quá đầu gối mà khi xưa, các học tăng Phật học viện Hải Đức trên đồi Trại Thủy đã thăm thì với nhau: “Không ngờ giảng sư trẻ quá! Mà sao y phục Thầy giản dị thế!” Vẫn nhân dáng đó, phong cách đó, ánh mắt đó, nụ cười đó, trước sau như một, có phải là thể hiện của “Bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm” mới “viễn ly điên đảo mộng tưởng” như thế?

- Ai đó? Mời vào!

Tuy hỏi nhưng rõ ràng khách là ai, không cần biết. Điều đáng biết là tấm lòng khách đã tới đây thì xin mời vào!

Gã lách qua tấm vách tre, vừa thở chánh niệm, vừa cúi đầu, bước vào.

“Ôi mệnh mông một trời Bát Nhã.

Từ bi tâm hiển lộ liên hoa

Mở trang Kinh Ngọc, thơm ba cõi

Đánh lễ Thầy, sông núi chia xa” (+)

Gã đã quỳ xuống, đánh lễ Thầy. Lúc ngừng lên, Thầy nhìn gã bằng đôi mắt từ ái, rồi bất ngờ hỏi:

- Diệu Trân, phải không?

Trái tim gã như muốn rớt ra khỏi lồng ngực:

- Dạ, bạch Thầy, con đây ạ.

Chỉ có thể thôi. Cuối cùng thì cũng phải tới lúc gã đi tìm Thầy. Và Thầy đã nhận ra gã. Gã chỉ xúc động chứ không hề ngạc nhiên khi Thầy mỉm cười nhẹ nhàng hỏi, mà thực đã biết.

“Người đưa thư đã không trở lại.” Thầy nói như thế khi gã nhắc tới lá thư nhờ trao tận tay Thầy mấy năm trước đây. Trong thư, gã xin Thầy một pháp danh. Người đưa thư sẽ trở lại nhận hồi âm, nếu lời thỉnh cầu này được chấp thuận. Khi nhận được pháp danh thì từ phương xa, gã sẽ hướng về trời Nam, đánh lễ Thầy và xuống tóc.

Tâm là họa sỹ, tự sáng tác mọi họa phẩm theo hoài mong và trí tưởng. Tâm gã như thế, nhưng không được hồi âm nên bức họa dở dang. May thay, những nghịch duyên đời-thường lại là thuận duyên để gã quyết tâm đi tiếp cho bức họa hoàn thành, dù lời thỉnh cầu năm xưa không một âm vang vọng lại!

Thầy nhìn gã, ánh mắt vừa hoan hỷ, vừa xót thương rồi lẳng lẳng đứng lên, khuất sau màn trúc. Một lát, Thầy trở ra, ngồi xuống chỗ cũ. Vẫn ánh mắt vừa hoan hỷ, vừa xót thương, Thầy trao cho gã một tờ mộc bản. Trên nền giấy đã úa vàng, những nét chữ Hán vẫn bay bướm, vẫn thong dong. Gã đưa hai tay nhận, chăm chú nhìn. Thầy chỉ vào hai chữ chính giữa và hỏi:

- Biết chữ gì đây không?

Gã áp ứng:

- Dạ ... chữ ...

- Hạnh Chi.

Gã mừng rỡ vì đã ngờ ngờ nhận ra chữ “Chi”. Gã thưa:

- Bạch Thầy, phải chữ “Chi” ở đây là “cảnh”, như “Nhất chi Mai” là “Một cảnh Mai” không ạ?

- Phải, “Chi” này là “cảnh” chứ không phải “Tri” là “biết”, và “Hạnh” đây không phải “hạnh kiểm” mà là “cái Hạnh, nét đẹp của trí tuệ”. Tôi đã viết

hai chữ này ngay khi nhận thư. Nhưng người đưa thư không thấy trở lại. Tôi vẫn giữ đây.

Gã nhìn trần trời tờ giấy mỏng, lay động vì những nét chữ trên đó đang cùng nhẩy múa theo một cung bậc trầm bổng mơ hồ nào, mà hát ra lời giải tỏa nỗi mong chờ đặng đặng bao năm: “Người đưa thư đã không trở lại. Người đưa thư đã không trở lại. Oi ... Ồ ... Oi. Người đưa thư đã không trở lại Oi Ồ Oi ... Oi ... Ồ ... Ồi ...”

Không kèm lòng nổi, gã đã nấc lên “Trời ơi!”

Phong linh treo trên những giò lan chột lao xao trong gió. Âm thanh quyện với hương trà Thầy tự tay pha, đãi trò, khiến gã rung rung khi nâng tách. Không còn thấy ranh giới nào của quá khứ, hiện tại, vị lai, chỉ là sự kỳ diệu của vô thi vô chung, không nơi bắt đầu, không chỗ kết thúc.

Tách trà nằm yên mãi trên tay.

Thầy lặng thinh, như đang nghe hương lan thẩm thấu trong hương trà.

Phút giây, gã vụng về để những giọt nước mắt thôn thức rơi xuống tách. Những giọt nước mắt muộn màng, lạnh lẽ hóa thân thành những câu thơ tưởng đã chôn vùi sau lớp bụi thời gian:

“Hỡi ơi! Một buổi hoa râm
Trời chưa nắng đại, tóc dầm sương khuya
Nụ cười, rồi một chuyến đi
Còn e năm tháng đã về trước ta
Môi in nửa bóng trăng tà!” (*)

(Cốc Thanh Thơi – Mùa Trăng, 2008)

(*) *Thơ Thầy Tuệ Sỹ*
(+) *Thơ DT*

---o0o---

Lòng sông cạn

Tình cờ, lật một trang sách, bắt gặp hai câu thơ của thi sỹ Seamus Heaney, người đoạt giải Nobel văn chương năm 1995:

“The riverbed, dried up, half full of leaves,
Us, listening to a river in the trees”

Không biết hai câu này trích từ một bài thơ nào của ông, hay đây là bài thơ ngắn đã thừa sức trải dài tới mức điểm giá trị văn học cao quý, được thế giới công nhận?

“Nửa lòng sông cạn, lá rơi đầy,
Ta nghe sông chảy xiết trong cây”

Ngay khi đọc hai câu thơ nguyên bản bằng Anh-ngữ thì lạ thay, không suy nghĩ gì mà trong tôi bỗng bật ra hai câu phỏng dịch Việt-ngữ, tưởng như những giọng chữ này đã nằm sẵn trong tàng thức tự bao giờ!

Và cũng lạ thay, tôi chợt nhìn thấy tôi là lòng sông cạn, là đám lá khô; đồng thời, cũng là con sông thâm lặng chảy trong cây cao, trong lá chết.

Nên tôi xúc động vô cùng trong buổi sáng ngày đại lễ của xứ sở tôi đang dung thân. Ngày Lễ Độc Lập của Hoa Kỳ.

Tôi cứ tưởng hôm nay sẽ náo nhiệt, ồn ào lắm nên đã thu xếp để chỉ ngồi yên trong Cốc Thành Thoi.

Nhưng bên ngoài có vẻ im lặng. Tôi mở rộng cửa sổ. Nắng vàng ủa vào, tràn ngập căn phòng nhỏ. Trên kệ thờ, chân dung Đức Phật A Di Đà sáng rực hào quang. Từ ánh quang minh đó, tôi lại mơ hồ “Ta nghe sông chảy xiết trong cây”.

Có ai cùng đi với tôi tới Lòng Sông Cạn của thi sỹ Seamus Heaney không?

Chúng ta không cần nói gì cả. Chỉ im lặng đi bên nhau thôi, vì còn được đi bên nhau đã là quá hạnh phúc, trong khi ngoài đời-thường kia, người ta ruồng bỏ nhau, né tránh nhau, hành hạ nhau.

Chúng ta im lặng đi bên nhau để tới nơi mà chúng ta cùng muốn tới. Trong ý niệm đó, chúng ta đang nói với nhau ngàn lời.

Nói gì ư?

Nói bằng tiếng chim đang riu rít trên những vòm lá xanh. Âm thanh mang thông điệp của sự hiện hữu cộng đồng mà ta thường nghe bằng tâm hơi hợt, nay, bạn có cảm nhận gì khác không?

À, bạn nhận ra những rung động mới mẻ, kỳ diệu là tiếng chim không Ở NGOÀI bạn, mà đang Ở TRONG bạn vì bạn đang nghe âm thanh đó bằng TÁNH NGHE chứ không bằng nhĩ căn. Nghe bằng tánh nghe, nhìn bằng tánh thấy sẽ thực chứng cho ta những phép lạ nhiệm màu mà khi tâm ta tắt bật, ta từng chẳng nhận ra.

Phép lạ đó là: “Trong giây phút hiện tại này đây tôi đang thở nhẹ nhàng. Tôi biết tôi đang hít vào, thở ra. Bàn chân tôi đang chạm mặt đất. Tôi đang nghe tiếng chim hót. Tôi đang thấy bầu trời xanh. Tôi đang có tôi. Tôi đang sống. Hôm nay tôi trẻ hay ngày mai tôi già, mỗi phút giây hãy nhận biết sự hiện hữu của tôi, chính là nhận diện sự bất sinh bất diệt, sự chuyển hóa hài hòa trong vạn hữu. Cái này ra đi để cái kia tiếp nối thì Đi hay Ở đồng một nghĩa mà thôi”

Bước đi bằng phép-lạ-bình-thường, thì con đường tưởng là thiên lý sẽ lập tức đến ngay điềm muốn tới.

Lòng Sông Cạn của thi sỹ Seamus Heaney đây rồi.

“Nửa lòng sông cạn, lá rơi đầy
Ta nghe sông chảy xiết trong cây”

Không có gì huyền bí, khó hiểu nữa. Sông nay đã cạn, với những con mắt vô tình, chỉ thấy lá khô phủ đầy lòng đất. Nhưng con sông vẫn biết nó là sông. Nó chỉ chuyển hóa nên tự thân, nó vẫn nghe được mạch nước thầm lặng chảy trong cây, trong lá, trong cả tia nắng lẫn hạt sương. Như áng mây chiều nay không còn nữa, nhưng ai thấy được bóng mây ấy trong cơn mưa chiều mai?

Ai tin và nhận lời Phật dạy, rằng chúng sanh chính là tổ tiên, ông bà, cha mẹ chúng ta nhiều đời nhiều kiếp?

Thì phút giây Seamus Heaney đứng trước lòng sông cạn, phủ ngập lá khô rơi mà nghe được con sông vẫn tuôn chảy trong cây, hẳn là phút giây ấy, Seamus Heaney đã thấy giọng tiếp nối của tổ tiên, ông bà, cha mẹ.

Thấy được như thế là thấy chính mình.

Nhưng phút giây này hiện hữu bao lâu?

Ta thấy ta được bao lâu, để rồi lại đánh mất ta vào giòng đời vô thường?

Thôi thì, bạn ơi, dẫu chỉ phút giây chạm tới vĩnh hằng cũng đủ ân sủng nghe được tiếng sáo của Đức Thế Tôn khi Ngài dùng nghệ thuật âm thanh để cảm hóa những công tử giòng dõi quyền thế đang tham đắm trong hạnh phúc giả tạo.

Cũng tiếng sáo này, ngày xưa, thái tử Tất Đạt Đa chỉ dành tặng công nương Da Du Đà La mỗi khi nàng ân cần đốt một lư trầm hương nhỏ, mang ra vườn ngự uyển.

Nay, tiếng sáo ấy cất lên cho chúng sanh, vì chúng sanh, dù ở không gian nào, thời gian nào, tiếng sáo vẫn phảng phất hương trầm tri kỷ vì tự thân người nâng sáo trúc đã gặp được bản tâm.

Nhìn dấu vết cây ngọc-lan trên nền sân rêu cũ.

Vẫn ngào ngạt hương của trăm hoa.

Dù cây ngọc-lan không còn đó.

Cây ngọc-lan đã đi xa!

Nên tôi không còn thôn thức khi thấy mình chỉ là lòng sông đã cạn.

Và hoan hỷ nhận những lá chết phủ lên tôi.

(Cốc Thanh Thơi - July 4th/2008)

---o0o---

Người giao hàng cần mẫn

Trong những sinh hoạt hàng ngày, không ai trong chúng ta không từng phải đi mua sắm những nhu yếu phẩm, những vật dụng cần thiết để phục vụ cho cái thân sống lâu, sống mạnh. Có những món ta tự đi, có những món người bán sẽ đến giao tận nhà. Có những món giao đột suất, có những món giao định kỳ ... Những người giao hàng định kỳ đó, trông thì có vẻ siêng năng, đều đặn, nhưng thế nào chả có lúc trái gió, trở trời hay có việc gia đình bất thường mà người đó đã không thể giao hàng đúng hẹn! Nhưng có một người giao hàng không bao giờ trễ hẹn và món hàng người ấy giao không bao giờ suy suyển chất lượng. Chẳng phải người ấy chỉ giao hàng cho một nhà, một

phố, mà người ấy giao khắp nơi, khắp chốn, bất cứ nơi nào, dù nơi đó có sự hiện diện của nhân loại hay không. Người giao hàng này không có tên gọi, chẳng có hình dung nhưng không ai có thể chối bỏ công năng tận tụy, bền bỉ, cần mẫn của người đó. Món hàng được giao có tên là “hai mươi bốn giờ”.

Từ hừng đông khi mở mắt thức dậy, dù ta muốn hay không, người-giao-hàng-không-chân-dung đã đứng ngay bên giường, trao cho ta món hàng hai mươi bốn giờ. Món hàng đó, chất lượng đồng đều như nhau, từ Âu sang Á, nhưng cách xử dụng thế nào là tùy từng người nhận.

Thức dậy miệng mỉm cười
Hăm bốn giờ tỉnh khôi
Xin nguyện sống trọn vẹn
Mắt thương nhìn cuộc đời (*)

Sống thế nào để được coi là sống trọn vẹn? Tất nhiên, đi vào chi tiết, cái nhìn của mỗi người mỗi khác, nhưng cũng có những điểm chung khó có thể phủ nhận. Đơn giản, đản cử ngũ giới trong đạo Phật. Khi một người Phật tử thọ tam quy ngũ giới thì năm giới này sẽ là thành trì giúp người đó xử dụng món hàng hai mươi bốn giờ một cách xứng đáng. Năm giới đó là:

Không sát sanh
Không trộm cắp
Không tà dâm
Không nói dối
Không uống rượu

Năm giới rất đơn giản, rất dễ hiểu này chính là cái NHÂN căn bản để làm người.

Ta sơ ý đứt tay, đau thế nào thì con sâu cái kiến khi bị thương tích cũng đau thế ấy. Người con Phật, ý thức được những đau đớn này phải thể hiện lòng đại bi, tránh sát hại sinh linh.

Ta mất cửa, tiếc rẻ và xót sa thế nào thì người bị ta lấy món chi cũng cùng trong tâm trạng đó. Người con Phật phải đem lòng đại từ mà tôn trọng tư hữu của người khác.

Ta bị phản bội, phụ bạc, đau khổ thế nào thì người khác cũng rơi vào tuyệt vọng như thế. Người con Phật phải lấy đạo lý làm trọng, không xâm phạm vào hạnh phúc người khác.

Ta nói dối để đạt điều mình muốn, tất sẽ tác hại ngược lại tới người nghe. Người con Phật phải biết tôn trọng sự thật, không thêu dệt nói lời sai trái.

Rượu là chất có thể làm ta rơi vào tình trạng mất tự chủ, mắt sáng suốt, kéo theo bao tác hại vô lường do không còn tỉnh táo. Người con Phật phải biết tránh trước, bằng cách không sử dụng rượu và các chất độc tố.

Chỉ cần tỉnh giác và tuân theo ngũ giới, ta đã sử dụng món hàng hai mươi bốn giờ một cách rất xứng đáng rồi. Nếu ta siêng năng thêm chút nữa, quán chiếu và tu tập Bát Chánh Đạo là con đường cao quý Đức Thế Tôn từng chỉ dạy thì ta còn còn làm đẹp biết bao cho đời sống. Mỗi bài pháp Đức Thế Tôn tuyên giảng đều có thể dẫn giải qua mọi trình độ từ cạn đến sâu, tùy căn cơ chúng sanh. Ở đây, chỉ tạm nhìn bằng khía cạnh đơn giản nhất để dễ giúp ta an lạc qua mỗi giây, mỗi phút.

Vậy Bát Chánh Đạo là gì?

Đó là: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Nói một cách dễ hiểu hơn thì tám điều đó là: Nhận thức chân chính, Suy nghĩ chân chính, Lời nói chân chính, Hành động chân chính, Sinh kế chân chính, Chuyên cần chân chính, Niệm lực chân chính và Định lực chân chính.

Nhận thức chân chính được xếp đứng đầu Bát Chánh Đạo vì điểm này rất quan trọng. Khi cái thấy biết của ta được suy lường cẩn trọng thì bấy điểm sau sẽ được nuôi dưỡng bằng chánh niệm để tưới tẩm hạt giống lành thiện trong từng ý nghĩ, từng hành động. Theo đạo lý duyên khởi thì cái nọ vì cái kia mà có. Tất cả mọi hiện tượng đều là Nhân và đồng thời cũng là Quả, không có cái gì thuần túy chỉ là nhân hay quả. Được sắp đặt đứng đầu Bát Chánh Đạo, với tư cách là Nhân, Nhận thức chân chính nuôi dưỡng bấy phần kia; nhưng với tư cách là Quả thì bấy phần kia lại nuôi dưỡng Nhận thức chân chính. Như quan sát chiếc lá, tưởng lá chỉ sinh ra nhờ cây, lá là con của cây, nhưng nhìn sâu sắc hơn thì lá cũng là mẹ của cây vì ngay thời gian lá đang ở trên cây, lá đã góp phần biến những nhựa nguyên thành nhựa luyện để không chỉ nuôi lá mà còn trở về nuôi cây. Sư Ông Làng Mai đã đưa ra hình ảnh rất hay này.

Khi khởi niệm, Nhận thức chân chính chỉ là những kiến thức có tính cách khái niệm bên ngoài nhưng khi có Suy nghĩ chân chính cùng làm việc thì Nhận thức chân chính bắt đầu có sự phát triển sâu sắc ở bên trong. Tiếp tục như thế, ta sẽ hiểu rằng việc sử dụng Lời nói chân chính chẳng những làm đẹp ta mà còn là gạch nối cần thiết để làm đẹp người...

Sau khi đã dựng được nền móng như thế, làm sao ta lại không tiến tới những điểm son tiếp nối của bài pháp được mệnh danh là Bát Thánh Đạo Phần?

Một người Phật tử, chỉ cần nương chùng đó pháp màu thôi cũng có thể giúp ta sống đời đáng sống. Huống chi Đức Thế Tôn còn để lại bao lời dạy vàng ngọc qua những bài pháp khác như Tứ vô lượng tâm, Thất giác chi, Tam giải thoát môn, Lục độ ba la mật v.v...; bao tư tưởng uyên áo qua rừng kinh điển như Bát Nhã, Hoa Nghiêm, Viên Giác, Pháp Hoa, Duy Ma Cật v.v... để những ai có đủ duyên bước sâu vào cửa Phật mới thấy được lòng đại từ đại bi của Đức Thế Tôn sau bốn mươi chín năm thuyết pháp không ngừng nghỉ.

Hiện tại, rồi sẽ là quá khứ và sẽ thành tương lai. Thế nên, hãy sống thế nào cho xứng đáng ở hiện tại thì đó chính là quá khứ và tương lai.

Hai mươi bốn giờ mỗi ngày đang có trước mắt, đang có trong tay mà không làm chủ được thì nói chi tới quá khứ đã qua, tương lai chưa tới? Mỗi con người bình thường đều có tuệ giác, có khả năng đạt tới Định, Niệm, Tuệ, nghĩa là, mỗi chúng sanh đều có Phật trong tâm, vô minh dày thì Phật khuất, vô minh mỏng thì Phật mờ, vô minh diệt thì Phật tỏ. Tu là siêng năng quét bụi vô minh để ông Phật trong ta hiển lộ

Siêng năng quét đất Bụt
Cây tuệ nảy mầm xanh (*)

Hãy tự thành thật với mình khi mỗi ngày, kiểm điểm đã sử dụng món hàng hai mươi bốn giờ như thế nào, ta sẽ biết ta có đang sống không, hay ta chỉ có mặt mà mỗi hai mươi bốn giờ trôi qua, chẳng làm gì có ích cho mình, cho người thì có thực là ta đang sống?

Chớ nói sống như thế là sống như cỏ cây, sẽ oan cho cỏ cây lắm! vì mỗi hơi thở của cỏ cây cũng góp phần làm trong lành không khí.

Trong khi uế nhiễm từ tâm địa sân hận đang làm khô héo bao tình người!!!

(Cốc Thành Thơi - Tháng Ba, 2008)

() Thi kệ nhật tụng Làng Mai*

---o0o---

Cây lá và con người

Theo Phật-luật, hàng năm, giới xuất gia, tùy hoàn cảnh và môi trường, phải cầu hội về một nơi để cùng thúc liễm thân tâm, trau giồi giới đức. Thời gian đó được gọi là mùa An Cư Kiết Hạ.

An là giữ thân nơi tịnh mặc tĩnh lặng. Cư là trụ, là ở. Kiết là giữ tâm lại một chỗ. An Cư Kiết Hạ là thúc liễm thân tâm vào nơi an tịnh trong mùa Hạ. Trong tinh thần đó, trường Hạ là nơi quy tụ giới xuất gia cùng về.

Ấy thế mà, khi xưa, có trường Hạ chỉ độc nhất một người. Trường hạ đó là rừng cây Sala thuộc một quận lỵ nhỏ nằm hướng đông bắc, tả ngạn sông Hằng. Và người về an cư kiết hạ ở đó chính là vị đã ban luật an cư, là người đã đạt Giác Ngộ, là Đức Thế Tôn.

Sao lạ vậy?

Dường như những gì xảy ra thời Đức Phật còn tại thế đều không hoàn toàn ngẫu nhiên, mà tiềm ẩn sâu xa là cơ duyên để Đức Phật chỉ dạy cho chúng sanh thấy những mầm mống tạo ra khổ đau phiền não.

Năm đó, tại tu viện Ghosira thuộc tỉnh Kosambi, phía đông nam Lộc Uyển xảy ra một vụ tranh chấp nội bộ giữa một vị kinh sư và một vị luật sư. Nguyên nhân rất nhỏ, nhưng vì tự ái lớn nên huynh đệ bên nào thì đứng về phía thầy của mình bên đó. Khi Đức Phật biết tin, Ngài lên tiếng khuyên cả hai bên dẹp bỏ bản ngã, trở về với mục đích tối hậu là tu học thì mọi người đều thỉnh cầu Đức Phật đứng ngoài. Có lẽ vì họ đã quá lạm sâu vào sân hận, không ai có thể nhường nhịn ai nữa!

Biết thế, Đức Phật tĩnh tọa giây lát rồi lẳng lặng đứng dậy, ôm bình bát, ra khỏi tu viện.

Đại chúng nghĩ là Đức Phật chỉ đi khất thực rồi trở về.

Nhưng không.

Đức Phật biết rằng, với những tâm sân hận đã hằn sâu như thế, chẳng phải chỉ lời nói có thể đưa họ trở về chánh đạo mà phải cho họ thực chứng bằng sự đau khổ, sự thiệt thòi mới giúp họ tỉnh ngộ. Như trong gia đình, có đứa con, cha mẹ chỉ dùng lời nhẹ nhàng khuyên bảo cũng hiệu quả, nhưng có lúc, nó bỗng ương ngạnh, lại phải dùng roi vọt mới xong.

Với cuộc xung đột ở Kosambi cũng thế.

Mùa An Cư Kiết Hạ năm đó, Đức Thế Tôn không có mặt với tăng đoàn. Sự thiếu vắng vị Thầy khả kính, không được hướng dẫn, không được nghe pháp đã tạo nên khoảng trống bất an rất lớn lao trong lòng từng vị khát sĩ khiến những tranh chấp trước đây đối với họ như không thể vượt qua được, nay trở thành quá nhỏ bé.

Nhưng đã trễ. Họ phải thấm thía đủ sự hồi hận mới có thể học bài học Lục Hòa mà Đức Phật sẽ tuyên giảng.

Rời tu viện Ghosira, Đức Phật ra khỏi tỉnh Kosambi, theo hướng bờ sông mà đi đi mãi Tới sẩm tối, Ngài tìm bụi cỏ nghỉ ngơi. Hôm sau, vừa hừng đông, Ngài xuống sông tắm gội rồi nhắm phía bắc, tả ngạn sông Hằng mà đi tiếp. Trưa hôm đó, sau khi ôm bát vào làng khát thực, Ngài tìm thấy một rừng cây êm mát, có suối nước trong, có nhiều trái rừng đang ửng chín, nhiều chim muông và những con sóc nhỏ hiền lành.

Và Đức Phật quyết định sẽ một mình An Cư Kiết Hạ tại khu rừng im vắng đó.

Chính nơi đây, Ngài đã làm bạn với voi chúa, thường dẫn đàn voi con xuống suối uống nước. Bên bờ suối đó, sau khi uống nước, đàn voi thường phủ phục trước vị Đạo-sư tọa thiền tĩnh lặng và hùng tráng dưới cội tùng. Voi chúa cũng thường hái trái rừng cúng dường Đức Phật, cùng với muôn chim liú lo trên cây, thỏ và sóc chạy nhảy quanh Ngài. Tất cả tạo thành bức tranh hài hòa trong tinh thần hòa bình tuyệt đối.

Trên thực tế, vì tham sân si luôn luôn chế ngự nên thế gian không bao giờ có hòa bình lâu dài. Những ai mơ ước điều đó đều bị nhìn như kẻ mộng du!

Nhưng, có ai từng quan sát những tàng cây xum xuê cành lá không? Chiếc lá nào mọc ra ở đâu thì tăng trưởng ở đó, tuy ngày càng rậm rạp nhưng không

thấy sự tranh giành, xô đẩy. Trái lại, càng tăng trưởng thì dường như chúng càng hòa hợp để mang lại sự lớn mạnh cho cây.

Con người thì khác.

Tâm lý con người thường sẵn mồm muốn chinh phục kẻ yếu hơn mình nên trong bất cứ xã hội nào cũng có kẻ quyền thế hiếp đáp người cô thế, kẻ giàu khinh chê kẻ nghèo, xứ lớn luôn rình rập chiếm đoạt xứ nhỏ để lớn hơn. Làm sao mà thế giới ta-bà không tràn ngập khổ đau vì chiến tranh, chết chóc?

Con người không thành thoi, hài hòa và an nhiên đồng góp phần lớn mạnh cho đất mẹ quê cha của mình, như muôn lá đã sống cho cây, muôn cây mạnh mẽ xanh tươi đã sống cho rừng.

Một lần, vua Pasenadi, quốc vương xứ Câu-Tát-La tìm đến Đức Phật để xin chỉ dạy về hoài bão xây dựng hạnh phúc cho dân chúng và nền hòa bình với các xứ lân bang.

Đây là những điều tưởng như đơn giản vì thường xuyên được nhân gian đề cập tới; nhưng thực tế chẳng đơn giản, bởi từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, không một vị vua nào không nghĩ tới, mà chẳng mấy ai thực hiện được. Dân chúng đâu đâu cũng đầy rẫy đau khổ vì phân chia giai cấp, các xứ láng giềng thì luôn có mối nghi ngờ, hiềm khích, như hỏa diệm sơn âm ỉ, bùng nổ bất cứ lúc nào!

Buổi viếng thăm lần đó, vua Pasenadi được Đức Phật tiếp trên chiếc chõng tre, trước tịnh thất. Người im lặng lắng nghe nhà vua than thở, kể lể những ưu tư khắc khoải đó. Và khi Đức Phật lên tiếng thì vua Pasenadi sùng sốt, bàng hoàng.

- Bệ hạ có thương yêu dân chúng của mình không?

- Thưa Đức Thế Tôn, trăm thương yêu dân chúng của mình như các hoàng tử, công chúa vậy.

- Khi gửi những người trai trẻ ra trận mạc, bệ hạ có lo lắng cho tính mạng của họ không?

- Thưa Đức Thế Tôn, khi gửi những người trai trẻ ra trận mạc, trăm đau khổ, lo lắng như gửi các hoàng tử đi xa vậy.

- Khi chiến tranh giữa hai nước xảy ra, ngoài sự lo lắng cho những người trai trẻ của bốn quốc, bệ hạ có thương xót và lo lắng cho những người trai trẻ của nước đối nghịch hay không?

- Thưa Đức Thế Tôn, khi chiến tranh xảy ra, trăm thực tình thương xót và lo lắng cho tất cả những người trai trẻ đang lâm trận vì họ đều phải trực diện sự nguy hiểm, sự đau đớn.

- Đúng thế. Tôi tin rằng các quốc vương xứ khác cũng cùng tâm trạng như bệ hạ. Không ai muốn đẩy con cái của mình vào chốn hiểm nguy nhưng chiến tranh luôn xảy ra là bởi sự khác biệt về ý thức hệ mà do bản ngã tự tôn đã không chấp nhận nhau; là do lòng tham, xứ nọ muốn thôn tính xứ kia để giàu mạnh, rộng lớn hơn; là bởi sự nghi kỵ về những âm mưu thôn tính đó nên nhân danh sự tự vệ mà ra tay trước ...v...v... Khi suy nghĩ và hành động như thế thì lòng thương yêu dân chúng như bệ hạ vừa nói, nằm ở đâu? Lòng thương yêu đó đã bị che lấp mất rồi! Nếu những nhà lãnh đạo đều yêu thương dân chúng xứ khác như dân chúng của mình thì nền hòa bình thịnh vượng đương nhiên có mặt trên khắp trái đất này, vì bao nhiêu tài nguyên, kinh phí, sinh mạng thay vì đổ vào chiến tranh sẽ được dùng để vun bồi, phát triển sự lớn mạnh về cả hai phương diện vật chất lẫn tinh thần cho đất nước mình. Đây không phải là điều quá lý tưởng. Đây là điều có thể thực hiện được nhưng nó không xảy ra chỉ vì những người nắm vận mạng quốc gia đã không đồng thời cùng suy nghĩ và tin tưởng như thế.

Trong khi vua Pasenadi xúc động, mở lớn mắt thì Đức Phật nhẹ nhàng kết luận:

- Lịch sử nhân loại chứng minh một sự thật bất di bất dịch mà người đời vẫn cố không tin. Đó là, sự giàu có và an lạc của quốc gia này không bao giờ bền vững do được tạo nên bởi sự nghèo khó và chết chóc của quốc gia khác. Nếu mọi vị lãnh đạo đồng dẹp được tham sân và nghi kỵ thì mỗi quốc gia vẫn tự phát triển trong hạnh phúc mà không cần tới bạo động.

Nghe những lời dạy thực tiễn và từ bi đó, vua Pasenadi đã quỳ xuống, lạy tạ Đức Phật.

Không biết, trên đường về lại hoàng cung, nhà vua có tình ngờ dừng lại dưới tàng cây râm mát của một đại thụ để thấy những lời vàng ngọc đang an nhiên, dễ dàng thể hiện trên đời sống của cây, của lá.

Con người, với trí tuệ sung mãn sao lại không thực hiện được???

(Cốc Thành Thoi, tháng bảy/2008)

---o0o---

Đi ngang trời thái không

Kho tàng kinh điển, thi kệ của Đạo Phật truyền lại cho nhân gian biết bao châu ngọc để suy ngẫm, tu tập, thưởng thức, mài giũa ... tùy căn cơ, nhu cầu và cảm quan nhận thức của mỗi người.

Có hành giả đang thối chí, tụng một bản kinh đúng tâm trạng mình, bỗng như chạm được vào bàn tay phải, luôn buông thõng xuống của Đức Phật A Di Đà trong ngụ ý sẵn sàng cứu vớt, độ những ai cầu được độ. Hành giả ấy bỗng lấy lại sự tinh tấn, khiến tiếng chuông ngân vang lạnh lớt hơn, nhịp mõ khoan nhặt rộn rã hơn, phiến muện như lớp vỏ sần sùi vừa lột sạch, trái ngon, hạt chín thơm tho hiển bày.

Có kẻ đang khổ đau, tình cờ nghe, hay đọc một câu kệ, bỗng cảm thấy như câu kệ này Chư Phật, Chư Bồ Tát nói cho riêng mình vì rất đúng với những khổ đau đang vò xé tâm can. Kẻ ấy chợt như tỉnh cơn mộng dữ, như được Phật xoa đầu thọ ký, ân sủng vô bờ, liễu ngộ ngay một giai thoại mà trước đây đã khó tin. Kẻ ấy từng được nghe, khi xưa, tại tu viện Trùng Các trong rừng Mahavana, có lần Đức Phật cúi nhặt một hòn đất nhỏ, rồi hỏi các đệ tử của Ngài:

- Này các vị tỳ-kheo, hòn đất này so với ngọn núi thì cái nào lớn hơn?

Đệ tử của Ngài đều thưa:

- Bạch Đức Thế Tôn, hòn đất này thật chẳng đáng gì được mang so với ngọn núi vì nó quá nhỏ.

Đức Phật điềm đạm chỉ dạy:

- Đúng thế, này các vị tỳ-kheo, sự khổ đau của người có trí tuệ, có tu tập so với sự khổ đau của kẻ vô trí cũng giống như mang so sánh hòn đất và ngọn núi. Người có trí tuệ, có thiên định, quán chiếu về sự giác ngộ, nếu trên đường đi mà gặp phải chông gai, phiến nảo thì sự khổ đau đó cũng nhờ năng

lượng tu tập mà dễ dàng vượt qua, vì nó quá nhỏ, như hòn đất. Trong khi, cũng những phiền não, chông gai đó, đối với kẻ vô trí, không từng tu tập, sẽ to như ngọn núi, chẳng bao lâu sẽ bị ngọn núi đó đè bẹp.

Lại có những người chẳng ác, chẳng thiện, tuy không làm hại ai nhưng cũng chẳng chia sẻ, chẳng giúp ai, chỉ lo riêng mình. Ấy thế mà suốt đời tất bật, chỉ “chạy” mà chưa từng biết “đi” vì cái tâm vị kỷ, vun vào cho mình bao nhiêu cũng sợ là không đủ, như một văn hào Pháp từng nói: “Kẻ có quyền lực lớn nhất lại chính là kẻ không bao giờ cảm thấy mình có đủ quyền lực!”. Loại người này, nếu đủ duyên, tình cờ trong lúc “chạy” lại lạc vào một thiền viện, thấy trên những thân cây có giòng chữ “Bộ bộ thanh phong khởi” nghĩa là, mỗi bước chân chánh niệm sẽ khởi lên ngọn gió mát. Kẻ ấy sẽ chạy chậm lại, và thắc mắc “Bước chánh niệm là bước thế nào? đã lỡ lạc vào đây thì cũng thử xem sao” À, bước chánh niệm là biết mình đang bước, chân mình đang chạm đất, mắt đang nhìn mây bay, tai đang nghe chim hót, mình đang thở, mình đang sống, mình đang có phút giây hiện tại này để nhận biết như thế. Mình bước rất thanh thoi, mây rất trong xanh, chim hót rất hay, hơi thở mình rất điều hòa, khỏe mạnh. Lạ thật, trước đây mình cũng bước, cũng thấy, cũng nghe, cũng thở nhưng sao mình không cảm nhận sự an lạc này? À, thì ra, mình chỉ vác quá khứ, chạy đuổi tương lai mà không biết bước đi thông dong trong hiện tại ! Trong khi, hiện tại này rồi sẽ là quá khứ và cũng chính là tương lai. Có người từng nhắc mình là Thiền-sư Lâm Tế đã nói “phép lạ là biết mình đang đi trên mặt đất chứ phép lạ có là gì ghê gớm đâu!”

Thật là mâu nhiệm, khi ta không cần gián đoạn sinh hoạt, chỉ cần nhận biết giây phút hiện tại ta đang làm gì, nói gì, nghe gì, thấy gì, rồi sẽ hành xử thế nào với những hiển hiện trong phút giây hiện tại ấy. Khi đã biết dừng lại, ta mới nhận diện được những sai lầm đối với mình, với người mà trước đây, vì chỉ nhắm mắt chạy, ta đã chẳng nhận diện được chúng!

Khi những tri thức sai lầm đã được nhìn ra rồi, ta sẽ biết thương mình, thương người, vì vô minh che lấp mà để tâm vị kỷ, sân hận dẫn dắt đi, khiến chúng ta tưởng là thương yêu nhau mà thực ra đang tạo nghiệp, gây đau khổ cho nhau!

Khi biết đủ thì chén cơm hẩm cũng no; mà không biết đủ thì mâm cao cỗ đầy cũng vẫn đói!

Thật là mâu nhiệm, khi những câu thơ ngày xưa đã thuộc vì đến trường thì phải học, chứ chẳng hưởng được gì từ ý nghĩa sâu sa:

“Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá
Sur cụ nằm chung với khói mây
Chuông trưa vắng tiếng, người không biết
Trâu thả sườn non, ngả gốc cây” (*)

Ngôi chùa là vật vô tri, còn thanh thảo ở lẫn cùng cây đá, huống là Sur Cụ, đã buông xả hết vướng bận thế gian, tâm-từ nhẹ hẫng mới có thể “nằm chung với khói mây”. Hạnh phúc này, tâm ai có chiều cảm thì đều nhận được, chẳng phân biệt giàu nghèo sang hèn. Vua trong cung mà tham sân, tất bật cũng chẳng thấy, nhưng chú bé mục đồng nhận được thì chăn trâu dù nghèo hèn vất vả nhưng tâm thức thênh thang “trâu thả sườn non, ngả gốc cây”, đánh một giấc ngủ nam-kha ấy, nào ai biết chú mục đồng đã lên tới cung trời Đao Lợi?

Nếu cứ quán chiếu từng bước như thế, nhân gian tất bật, sân si sẽ trở thành hành giả lúc nào không hay! Thảng hoặc như tôi, kẻ vô minh lần mò trong bóng tối sân hận, đọc lại câu kệ từng đọc nhiều lần, bỗng lóe chút ánh sáng từ một NIỆM chân thực, nên chợt hình dung rõ chữ Niệm của Hán-tự gồm chữ Kim ở trên và chữ Tâm ở dưới. Niệm là mang tâm mình về với phút giây hiện tại. Phút giây này, thật thấm thía khi tôi niệm bài kệ đã từng thuộc mà trước đây chẳng hiểu gì! Bài kệ như sau:

“Bồ Tát thanh lương nguyệt
Du ư tất cảnh không
Chúng sanh tâm cầu tận
Bồ Đề ảnh hiện trung”

Bài kệ rất phổ biến nên đã có nhiều bản dịch từ nhiều dịch giả.

Trong phút bất chợt chiều cảm này, tôi để lòng mình thanh thảo, buông lời và bắt gặp nhân dáng nhu hòa, lời giảng nhẹ nhàng, thâm trầm nhưng rất uyên bác của vị giảng sư tôi từng quý trọng. Đó là Thượng Tọa Thích Phước Tịnh.

Khoanh chân ngồi bán già trước bàn thờ Phật, tại Cốc Thánh Thôi, tôi hình dung rất rõ vị giảng sư hiền hòa đang từ bi đọc bài kệ bằng Hán-tự, rồi giảng bằng bài dịch của thiền sư Nhất Hạnh:

“Bụt là vàng trắng mát
Đi ngang trời- thái- không

Hồ tâm chúng sanh lặng
Trăng hiện bóng trong ngần”

Chỉ thế thôi! Như-thị, như-thế thôi! “Bụt là vàng trắng mát. Đi ngang trời thái không” Nếu “ Hồ tâm chúng sanh lặng” để đi theo được bước chân Bụt, nghĩa là “Đi ngang được trời thái không” thì sẽ bắt gặp bản tâm trong sáng của chính mình.

Vậy, làm thế nào để tâm thế gian xuẩn động như tôi đi ngang được trời- thái-không? Chắc chắn, trời-thái-không trong bài kệ này không phải là bầu trời mà nhục nhãn thế nhân vẫn thường nhìn thấy vì bầu trời đó vẫn còn cái giới hạn mơ hồ gọi là “chân trời”, hàm ý, tới cái điểm chân trời đó là hết bầu trời!

Trời còn có điểm tới là chân trời, vậy, biển cả mênh mông chắc là rộng lớn hơn? Không đâu! Biển, tưởng là vô bờ bến nhưng vẫn còn nơi gọi là “Góc biển”.

Chỉ những phương trời trăng sao đến không chờ, đi không hẹn mới vô thi, vô chung, không có bắt đầu, không có kết thúc. Cuối đêm là đầu ngày, hay ngày là đêm không tận? Phương trời đó sẽ hiển hiện khi tâm thế gian không còn hận thù, nợ nần, vay trả ... Nhưng Phật dạy, còn chúng sanh là bởi vòng luân hồi còn quay, nghiệp thiện nghiệp ác do chúng sanh tạo ra còn theo nhau như bóng với hình nên chẳng thể hết tìm nhau để ân đền oán trả; trừ khi, do việc lành tích tụ, phước đức vun bồi, tin và nhận là có nhân có quả, biết sợ nghiệp báo mà hết lòng sám hối, gạn lọc thân tâm để được tâm như tâm Phật, hạnh như hạnh Phật mới mong độ mình, độ người, vượt thoát khỏi luân hồi sanh tử.

Vậy, đi tìm trời-thái-không là đi đâu để tìm?

Chắc chắn, muốn đến khung trời này không thể đi bằng đôi chân mà phải đi bằng tâm nhiệt thành, ý phát nguyện, tìm cầu hướng thượng, không thôi không nghỉ, thế nào cũng có phút cảm nhận an lạc tràn đầy, như căn nhà triển miên tẩm tới, bất chợt, một ngọn nến rực rỡ thấp lên, bóng tối lập tức bị đẩy lui, biến mất.

Khi ấy, đâu cũng là trời-thái-không vắng vặc bóng trăng soi tỏ nơi hồ tâm chúng sanh đã trong veo, tĩnh lặng.

NAM MÔ THƯỜNG-TINH-TẤN BỒ TÁT MA HA TÁT

(Cốc Thành Thơi, tháng năm 2008)

(*)Nguyễn Khuyển

---o0o---

Ngát hương mùa khai hạ

California mới đầu tháng sáu mà nắng hè đã vội vã vàng rực, như chẳng thể đợi chờ, khi những cơn mưa nhẹ còn sót lại từ mùa xuân muộn, cứ nấn ná, nuối tiếc chưa đi.

Chúng tôi, tăng ni và Phật tử chùa Phật Tổ lái xe lên, xuống từ Long Beach tới chùa Phật Đà, San Diego để thỉnh ý Thượng Tọa viện chủ về hình thức trang trí hoa quả trong khóa An Cư Kiết Hạ sẽ được tổ chức tại chùa Phật Đà từ ngày 16 tháng 6 tới 22 tháng 6 năm 2008.

Tháng sáu, tại Ấn Độ là mùa mưa, các loài côn trùng phải trồi lên mặt đất để tìm sự sống, trong khi các tăng sỹ vẫn không ngừng đi khắp đó đây hoằng pháp. Chính tình trạng này đã khiến Đức Thế Tôn khởi lòng từ bi lân mẫn muốn cứu sự sống của bao côn trùng bé nhỏ, khởi bị dẫm đạp, đồng thời, ấn định thời gian nghỉ ngơi cho tăng đoàn, mà An Cư Kiết Hạ đã trở thành Luật Phật.

Sự nghỉ ngơi của các trưởng tử Như Lai, tất nhiên không phải là sự nghỉ ngơi của đời thường. Sự nghỉ ngơi này quý từng phút giây vì đây chính là thời gian để tăng đoàn thúc liễm thân tâm, kiểm điểm quá trình tu tập và trao đổi những phương thức giúp nhau vượt qua nghịch duyên, khi gặp phải.

Qua hơn hai mươi lăm thế kỷ, truyền thống đẹp đẽ này đã được các trưởng tử Như-Lai nghiêm chỉnh thực hành, dù dưới bất cứ hoàn cảnh nào.

Năm nay, chùa Phật Đà thuộc thành phố San Diego miền Nam California do Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu trụ trì đã nhận lãnh vinh dự này, với sự bảo trợ của Như-Lai thiên tự, chùa Vạn Hạnh, tịnh xá Ngọc Minh và chùa Phổ Quang ở cùng thành phố.

Một ngày, trước khi khai hạ, chúng tôi đã hoàn tất trách nhiệm được giao phó, là hoa lan và trái cây được trang trọng trưng bày khắp nơi. Thầy trụ trì rất hoan hỷ, ân cần bắt chúng tôi phải ăn cơm rồi mới cho ra về. Riêng tôi,

không thể không hỏi Thầy một điều băn khoăn từ khi biết trường hạ năm nay sẽ ở chùa Phật Đà.

- Thưa Thầy, Chư Tôn Đức Tăng Ni về nhập hạ sẽ nghỉ ở đâu?

Câu hỏi có vẻ ngờ ngẩn vì nhập hạ ở đâu thì nghỉ ở đấy, sao phải hỏi! Nhưng tôi vẫn thường đến thăm chùa Phật Đà nên biết là ít phòng ốc lắm!

Thầy nhìn tôi, mỉm một nụ cười an nhiên tự tại:

- Con nhớ phẩm “Hóa Thành Dụ” trong kinh Pháp Hoa không?

Thầy chỉ nói thế.

Vâng, tôi nhớ. Đó là Phẩm Thứ Bảy trong kinh Pháp Hoa.

Khi đoàn hành giả quá mệt mỏi trên đường cầu đạo, họ nản chí, sắp bỏ cuộc thì vị Đạo-sư hướng dẫn, có nhiều sức phương tiện đã an ủi rằng “Cố gắng đi, sắp tới một thành phố rộng rãi mát mẻ, có đầy đủ đồ ăn thức uống rồi.” Và, để biến lời an ủi thành sự thật, đi thêm một đoạn ngắn nữa thì Đạo-sư đã phương tiện mà biến hóa ra nơi chốn lý tưởng đó. Tuy thành phố đó chỉ hiện ra nhờ phương tiện, nhưng vì lòng tin sẽ được nghỉ ngơi mà đoàn lữ hành hăng hái đi tiếp.

Biết đâu, vị Đạo-sư năm xưa cũng đang trên đường tới chùa Phật Đà. Và ngày mai, phòng ốc sẽ đầy đủ để tiếp đón Chư Tôn Đức Tăng Ni khắp nơi về nhập hạ.

Sáng thứ hai 16 tháng 6 năm 2008, khi chúng tôi trở lại chùa Phật Đà thì mặt trời đã đứng bóng. Từ trước hai block đường, cư dân địa phương đã cảm nhận không khí của một ngày hội lớn. Từng đoàn xe nối nhau, quần quanh tìm chỗ đậu, từng nhóm Phật tử áo lam hơn hờ chào nhau, cùng tiến về cổng chùa. Rồi những tình nguyện viên đi đón quý Chư Tôn Đức ở xa tới, tấp nập ngừng xe để quý ngài xuống, mang đến bao tiếng reo vui mừng rỡ của Phật tử khi được gặp lại những vị tôn túc khả kính.

Vốn không xa lạ với chùa Phật Đà, chúng tôi tự đi tìm xem chỗ nghỉ ở đâu.

Thì đây.

Sân sau đã được căng thành lều và giường sắt 2 tầng được sắp khít khao trong đó. Tôi nhắm đêm cũng có đến hơn 50 giường.

A! thì ra “Hóa Thành Dụ” là đây rồi. Hôm qua mới là cái sân sau khiêm nhường, trơ trụi; hôm nay đã thành dãy “nhà lầu” tươm tất.

Sau đó thì tôi được biết, những ngôi chùa và tự viện nhận lời tiếp tay chùa Phật Đà tổ chức trường hạ năm nay đều đã chuẩn bị chu đáo để tiếp đón một số Chư Tăng Ni về nghỉ ngơi, sau mỗi ngày sinh hoạt tại chùa Phật Đà, và sáng sớm hôm sau lại đưa quý ngài về lại trường hạ.

“Hóa Thành Dụ” cũng lại là đây! Thật là màu nhiệm.

Danh sách Chư Tôn Đức Tăng Ni về nhập hạ, khởi đầu là 175 vị. Con số này tăng lên từng giờ, trong mấy ngày cuối, trước khi khai hạ. Và hôm nay, ngày đầu tiên của khóa hạ An Cư 2008 thì con số đã là 202 vị, gồm 16 Chư Hòa Thượng, 17 Chư Thượng Tọa và 169 Chư Đại Đức Tăng Ni.

Buổi chiều, sau khi được thực thi buổi họp tăng Cung An Chúc Sự đã được Chư Đại Tăng điều hợp ngay tại trai đường.

Chúng tôi ghi nhận kết quả sơ khởi:

Thiền chủ: H.T thượng Thắng hạ Hoan

Phó thiền chủ: H.T. Thích Trí Chơn, H.T. Thích Phước Thuận, HT Thích Minh Tuyên

Tuyên luật sư: HT Thích Trí Chơn

Hóa chủ: TT Thích Nguyên Siêu, HT Thích Minh Hồi

Chúng trưởng Tăng: TT Thích Hạnh Tuân

Chúng trưởng Ni: NS Thích nữ Minh Huệ

Ban Nghi Lễ: HT Thích Phước Thuận (trưởng ban)

Ban Giáo thọ: HT Thích Thắng Hoan, HT Thích Trí Chơn, HT Thích Tín

Nghĩa, HT Thích Nguyên An, HT Thích Nguyên Trí, HT Thích Minh

Tuyên, TT Thích Minh Mẫn, TT Thích Hạnh Tuân, TT Thích Minh Hạnh.

Tác bạch cúng dường: ĐĐ Thích Hạnh Đức, ĐĐ Thích Tín Mẫn.

Đặc biệt, Thượng Tọa Thích Nhật Trí đã được Chư Đại Tăng đề cử làm Điều Hợp Viên, hầu như trong mọi chương trình của toàn khóa an cư.

Đồng thời, tất cả các Tiểu Ban cũng đều được Chư Tôn Đức Tăng Ni phối hợp trong tinh thần Lục Hòa nên đã đúc kết nhanh, gọn và vô cùng vui vẻ.

Ngày đầu tiên của khóa An Cư Kiết Hạ 2008 đã được toàn chúng tuân hành nghiêm chỉnh theo lịch trình tu học từ 4:30 sáng đến 10:00 tối với pháp thực sung mãn như tọa thiền, công phu, thảo luận Phật pháp, Lạy Hồng Danh, tụng Thủy Sám, thảo luận của Chư Tôn Đức Tăng Ni; và đặc biệt, theo lời thỉnh cầu của Phật tử, mỗi tối, lúc 8 giờ, Chư Tôn Đức sẽ thuyết pháp với những đề tài giúp người con Phật nhận ra bản tâm, chuyển hóa nghiệp chướng để tinh tấn, dũng mãnh đi trên Đường Trung Đạo.

Trước những giờ Quá Đường, Tụng Kinh, Tọa Thiền v...v... dân chúng địa phương lại sùng sốt, chúng kiến khung trời Phật Đà bỗng rực vàng vì những tà y Như-Lai tung bay trong gió. Phật tử thì chấp tay cung kính, tưởng đến phẩm “Tùng Địa Dũng Xuất” là phẩm đẹp nhất trong kinh Pháp Hoa khi các vị Bồ Tát phát nguyện trước Đức Thế Tôn là các vị sẽ tình nguyện ở lại Ta Bà để truyền thừa Kinh Pháp Hoa. Lời phát nguyện này chính là cơ duyên để Đức Thế Tôn cho chúng sanh biết là Ngài có mặt ở cõi Ta Bà chỉ là thị hiện; thực chất, Ngài bất sanh bất diệt nên hàng Bồ Tát mà Ngài đã giáo hóa từ vô lượng kiếp nhiều không thể tính đếm, nên không cần thêm nữa. Để chứng minh lời xác quyết này, Ngài đã dùng thần lực làm mặt đất rung động, nứt ra; vô vàn vị Bồ Tát thân rực rỡ như vàng ròng từ đó trời lên, trụ trên hư không, phát lời vi diệu tán thán Đức Thế Tôn.

Kinh Phật thường dạy “Giữ ý, buông lời”. Nếu biết nhìn bằng tuệ nhãn, có lẽ chúng ta cũng có thể thấy không ít Bồ Tát quanh ta vì Bồ Tát luôn vì khổ đau chúng sanh mà thị hiện.

Với sự hiện diện của hơn hai trăm Chư Tôn Đức Tăng Ni và đông đảo Phật tử khắp muôn phương vân tập về trường hạ, thì thời gian bấy ngày sắp tới tuy ngắn ngủi nhưng chắc chắn sẽ làm sống dậy tinh thần An Cư Kiết Hạ mà Đức Thế Tôn đã tuyên thuyết, để hàng trưởng tử Như Lai thể hiện tinh thần Lục Hòa, trưởng dưỡng đạo tâm, trang nghiêm giới đức và thể hiện tình thương nuôi lớn muôn loài.

NAM MÔ THÍCH CA MÂU NI PHẬT
NAM MÔ THƯỜNG TINH TẤN BỒ TÁT
NAM MÔ CÔNG ĐỨC LÂM BỒ TÁT

*(Trường Hạ chùa Phật Đà – San Diego
16 tháng 6/2008 – 22 tháng 6/2008)*

---o0o---

Món quà của vua Ma-kiệt-đà hiến tặng đức Phật

Kính tri ân trường hạ, chùa Phật Đà, San Diego

Suốt cuộc hành trình trong cõi ta-bà, nhân gian có không biết bao nhiêu cơ hội để tặng quà cho nhau. Tất nhiên, mỗi món quà ở mỗi thời điểm đều có giá trị đẹp để đổi với cả người tặng lẫn người nhận. Nhưng đóa hoa tươi rồi cũng tàn, viên kim cương lóng lánh cũng chỉ là vật trang sức trên thân tứ đại vô thường, chẳng chiếu sáng xa hơn lòng tự mãn ảo tưởng.

Nhưng cách nay hơn hai mươi lăm thế kỷ, có một món quà không ngừng được nhắc tới với lòng trân quý. Đó là món quà của vua Tần-Bà-Xa-La, quốc vương xứ Ma-Kiệt-Đà đã hiến tặng Đức Phật khi Đức Thế Tôn và tăng đoàn viếng thăm hoàng gia tại thành Vương Xá, như lời hứa năm xưa.

Với nguyện vọng tìm sự giải thoát cho bao đau khổ của nhân loại, Tất Đạt Đa, vị thái tử con vua Tịnh Phạn, dòng họ Thích Ca đã rời cung vàng điện ngọc, trở thành một vị sa-môn. Người đã tìm tới bao đạo tràng, đã đánh lễ bao vị đạo sư tuổi cao đức trọng, đã thực tập bao môn phái nhưng không nơi nào thỏa mãn được những thao thức sâu thẳm có thể mang lại sự giác ngộ rốt ráo là vượt thoát sinh tử.

Trên con đường thiên lý đó, một buổi chiều, sa-môn Gotama vượt sông Hằng, tiến vào xứ Ma-Kiệt-Đà vì nghe tin là vương quốc này có nhiều vị cao tăng ẩn sĩ. Chính nơi đây, sa-môn đã gặp bạn tri kỷ là vua Tần-Bà-Xa-La. Một lần, rời hoàng cung thăm dân, nhà vua tình cờ nhìn thấy vị sa-môn phong thái an nhiên đĩnh đạc, đang ôm bát vào thành khát thực. Vua truyền ngừng xa giá và cảm thấy bị khuất phục ngay bởi dáng đi khoan thai, thanh thản nhưng lại cực kỳ nghiêm túc của vị sa-môn trẻ. Nhà vua bèn truyền lệnh đem thức ăn cúng dường rồi theo dõi để biết nơi sa-môn trú ngụ.

Sau đó, vua Tần-Bà-Xa-La đích thân đến gặp sa-môn Gotama tại khu rừng sồi mà sa-môn thường tọa thiền. Tình tri kỷ nảy nở từ những lần gặp gỡ đó. Nhà vua quý mến vị sa-môn đến mức ngỏ lời mời về hoàng cung, dành riêng một cung điện để sa-môn tĩnh tu, nhưng sa-môn Gotama đã nhẹ nhàng từ chối, chỉ hứa là, nếu tìm ra Đạo Cả, sẽ không quên về thăm hoàng gia.

Lời hứa đó đã được thực hiện.

Dân chúng thành Vương Xá tràn ra đường chiêm bái Đức Phật và tăng đoàn khi các vị khất sĩ khoan thai đi về hướng hoàng cung. Vua Tần-Bà-Xa-La đích thân dẫn hoàng gia ra tận cửa thành nghênh đón.

Sau khi thọ trai tại vườn thượng uyển và được Đức Phật ban pháp về ngũ giới cho hoàng gia và hơn sáu ngàn quan khách của triều đình, vua Tần-Bà-Xa-La đã quỳ trước Đức Thế Tôn, thành tâm kính cẩn ngỏ lời xin cúng dường công viên Trúc Lâm để tăng đoàn làm trụ sở tu học. Đó là một công viên tọa lạc ở phía bắc thành Vương Xá, chỉ cách kinh đô chừng hai dặm. Công viên này rất yên tĩnh, đẹp đẽ và xanh tươi vì rừng tre bát ngát quanh công viên, bên những con suối trong veo, ngọt mát. Nếu được chấp thuận thì nhà vua sẽ cho thợ khởi công xây cất tịnh xá rải rác khắp công viên để tăng đoàn có chỗ nghỉ ngơi.

Đây là một duyên lành vì Đức Thế Tôn cũng vừa nghĩ đến việc ấn định thời gian an cư cho tăng đoàn trong mùa mưa để tránh dẫm đạp các loài côn trùng trời lên mặt đất trong mùa ấy; đồng thời cũng là thời gian để các tăng lữ thức liễm thân tâm, trau dồi đạo hạnh.

Món quà của vua xứ Ma-Kiệt-Đà hiến tặng đã được Đức Phật chấp nhận.

Đây cũng chính là địa điểm An Cư Kiết Hạ đầu tiên của tăng đoàn, có hình thức rõ nét cho một lịch trình trải dài suốt hơn hai mươi lăm thế kỷ.

Quà tặng thiết thực, mang mục đích cao đẹp như thế, làm sao mà địa danh Trúc Lâm không đi vào lịch sử Phật Giáo.

Truyền thống An Cư Kiết Hạ đã trở thành Phật-luật. Trong mùa an cư, thời khóa và nội dung tu học sẽ được các vị trưởng lão đạo cao đức trọng, đồng hội ý biên soạn và toàn chúng sẽ tuân hành nghiêm túc để đạt được sự gạn lọc cấu trần, thanh tịnh thân tâm, trao truyền năng lượng và kinh nghiệm cho nhau để sau thời gian an cư có thêm hành trang vững chãi trên đường tiếp tục hoằng hóa.

Hàng năm, không phải chỉ giới xuất gia nao nức vân tập về các Trường Hạ mà hàng Phật tử tại gia cũng hoan hỷ không kém vì đây là dịp thể hiện sự cúng dường trong tinh thần bình đẳng theo lời Phật dạy. Một củ khoai của người nghèo khó hay trăm lượng bạc của nhà giàu, nếu dâng cúng bằng tâm chí thành như nhau thì có đồng công đức như nhau. Lời dạy từ bi này đã đem đến biết bao an ủi, hạnh phúc cho giai cấp nghèo khó, giúp họ vững tin nhìn lại bản tâm để tìm ra giá trị đích thực của hạt giống Bồ-Đề đã được gieo

trong tâm thức mỗi người, không phân biệt giàu nghèo, sang hèn. Chỉ khác, bụi vô minh dày hay mỏng mà thôi.

Làm sao phủi lớp bụi nghiệt ngã này để nhận ra Phật-tánh? Phải từng bước tu tập, từ cạn tới sâu, kiên trì, đồng mãnh và tự tin.

An Cư Kiết Hạ cũng là thời gian tối thắng cho giới xuất gia, được diện kiến đánh lễ những bậc trưởng-thượng, được nghe lời giáo huấn trực tiếp từ quý ngài, được đồng tu đồng học với các bạn đạo gần xa, được chia xẻ, vun bồi năng lượng, giúp mỗi cá nhân tự kiểm điểm chặng đường đang đi.

Cùng với nắng hè, Trường Hạ đang được khai pháp khắp năm châu bốn biển, bất cứ nơi nào có người biết chấp tay, niệm đôi tiếng đơn sơ: “Nam Mô Phật”, nơi đó, tinh thần An Cư Kiết Hạ sẽ được thể hiện. Ở làng xóm xa xôi thì vị thầy nơi ngôi chùa mái tranh vách lá sẽ giảng pháp; ở thành thị thì các chùa sẽ phối hợp, thỏa thuận một địa điểm để cùng câu hội về. Tùy theo hoàn cảnh địa phương, người con Phật tuân lời Cha dạy, để Trường Hạ nào cũng phảng phất hương-đạo-vị của vườn Trúc Lâm khi xưa.

Riêng chúng tôi, những người Việt tha hương cư ngụ tại miền Nam California Hoa Kỳ, vừa được hưởng tràn đầy ân triêm công đức qua bảy ngày An Cư Kiết Hạ tại chùa Phật Đà, thành phố San Diego, do TT Thích Nguyên Siêu trụ trì.

So với một vài ngôi chùa ở vùng Orange County thì chùa Phật Đà khá khiêm nhường, nhưng với lòng dũng cảm và niềm tin ở sự nhiệm mầu, TT viện chủ chùa Phật Đà đã đứng ra nhận trách nhiệm tổ chức Trường Hạ năm nay trong thời gian từ 16 tháng 6/2008 tới 22 tháng 6/2008, khi trong tay chưa có đủ tài vật và nhân sự cho một lễ hội mang tầm vóc như thế. Chính tinh thần bi dũng này mà chùa Phật Đà đã lập tức được các chùa trong vùng nhận lời bảo trợ, trong đó phải kể đến Như-Lai thiền tự, chùa Vạn Hạnh, tịnh xá Ngọc Minh và chùa Phổ Quang đã tận tình cùng chung lo trong mọi nhu cầu cần thiết. Khi mọi việc đã thành hình, được thông báo rộng rãi thì sự chia xẻ Phật-sự của các chùa khắp nơi và phát tâm cúng dường của đông đảo Phật-tử xa gần đều quy hướng về Phật Đà, như những con sông nghe tiếng gọi mầu nhiệm đều chảy về biển cả để cùng hòa thành đại dương mênh mông

Trường Hạ ở chùa Phật Đà đã mãn, sau lễ Tự Tứ và truyền giới ngày 22 tháng 6/2008 nhưng âm vang trầm hùng của chú Thủ Lăng Nghiêm mỗi công phu sáng, lời nguyện chí thành khi tụng Thủy Sám buổi chiều, hình ảnh rực vàng pháp phục Như-Lai khi lạy Hồng Danh Chư Phật, chư Bồ Tát,

không khí thân thương và đạo vị trong những buổi học tập và thảo luận Phật pháp, nghiêm túc và im-lặng-hùng-tráng khi thọ trai Quá Đường, nhẹ nhàng an nhiên khi thiền hành niệm Phật v.v... vẫn áp ủ tâm tư và theo bước chân từng người, trên đường trở về trú xứ.

Với hơn hai trăm Chư Tôn Đức Tăng Ni của 50 tự viện tham dự, dọc từ Washington State, ngang từ Texas, xa từ Canada ... đều một lòng câu hỏi về chùa Phật Đà giữa tình huống khắc nghiệt và đau thương của Phật Giáo Việt Nam tại hải ngoại bấy lâu nay, đã là câu trả lời hùng hồn, xác quyết rằng, cấu uế thế gian dù dàn dựng tinh vi đến đâu cũng không có chỗ bám vào tâm-thiết-thạch của những ai thực sự là trưởng tử Như Lai.

Ngàn lần tri ân cũng không đủ, đối với Chư Tôn Đại Lão Hòa Thượng, với TT viện chủ chùa Phật Đà, với chư Thượng Tọa, Đại Đức Tăng Ni, với tấm lòng hộ pháp của Phật tử muôn phương đã cùng góp công sức để mùa An Cư Kiết Hạ tại Trường Hạ chùa Phật Đà, thành phố San Diego viên mãn thập phần tốt đẹp trong tinh thần “Nhất tức thị đa, đa tức thị nhất”, một là tất cả, tất cả là một.

NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT

(Trường Hạ chùa Phật Đà, 22 tháng 6/2008)

---o0o---

Mặc

(tường thuật buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật
của Tuệ Sỹ tại Houston, Texas ngày 04.11.07)

Tựa bài viết này, đáng lẽ phải khá dài, chẳng hạn như: “Tường thuật buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật của Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ tại Houston, TX, ngày 04 tháng 11 năm 2007”.

Cái tựa khá dài, khi được thay thế lại quá ngắn. Chỉ còn một chữ “Mặc!”

Chữ này của diễn giả đầu tiên trong chương trình là triết-gia Phạm Công Thiện, người được ban tổ chức mời giới thiệu về tác giả và tác phẩm Huyền Thoại Duy Ma Cật.

Vâng, đây chỉ đơn giản là bài tường thuật một buổi ra mắt sách. Nếu nó được nhìn không đơn giản dưới nhãn quan nào thì đó chỉ vì tác giả và thời điểm ra mắt đang ở trong một bối cảnh đặc biệt, dưới nhãn quan đó.

Buổi ra mắt sách do Hội Dharma Wheel Corporation tổ chức. Hội trưởng là Thượng Tọa Thích Nhật Trí, trụ trì chùa Pháp Vũ, Florida, với sự đóng góp tham gia của các cư-sỹ đồng quan điểm với hội là yểm trợ và phát huy bốn lãnh vực Giáo dục, Văn hóa, Hoằng pháp và Từ thiện.

Địa điểm ra mắt là nhà hàng Kim Sơn, từng nổi tiếng về sự rộng rãi, khang trang. Phục vụ lịch sự, chu đáo.

Chúng tôi tưởng chỉ mình tới đúng giờ ghi trong thiệp mời là 5 giờ chiều chủ nhật 04 tháng 11, 2007. Ấy thế mà sau khi đậu xe, nhìn quanh bốn phía, hướng nào cũng có những giòng xe đang tiến vào và chủ nhân những chiếc xe đó, đa số là khách đến tham dự buổi ra mắt sách.

Trước công vào nhà hàng Kim Sơn không chỉ là những người Việt đứng chờ thân hữu mình để cùng vào mà chúng tôi còn thấy thập thoảng dăm cảnh sát bảo vệ an ninh. Tôi hỏi nhỏ đạo hữu cùng đi:

- Ra mắt sách của một tu sỹ về một cuốn kinh Đại Thừa mà cần cảnh sát bảo vệ ư?

Câu trả lời là một nụ cười nhẹ:

- À, đó là sự cẩn trọng của ban tổ chức vì nhận được những cú điện thoại cho biết sẽ có biểu tình trước chùa Việt Nam, chống việc Hòa Thượng viện chủ sẽ tham gia, rồi sau đó kéo đến nhà hàng Kim Sơn phản đối buổi ra mắt sách. Ban tổ chức mượn an ninh chỉ để phòng hờ có sự can thiệp hợp pháp nếu những sự việc đáng tiếc này xảy ra.

Nụ cười nhẹ của đạo hữu vừa trả lời, quả là đầy ý nghĩa!

Phòng được chọn cho buổi ra mắt sách ở trên lầu. Bước vào phòng mới biết rằng, không chỉ chúng tôi đến đúng giờ mà nhiều người đã đến trước giờ. Sáu mươi bàn, dự trừ mời sáu trăm quan khách, không bàn nào không đã có người ngồi. Và thật ngạc nhiên, chưa đầy ba mươi phút sau, sáu mươi bàn, dường như không còn ghé trống. Với bốn bàn trước sân khấu dành cung thỉnh Chư Tôn Đức Tăng, Ni, chúng tôi ghi nhận có Hòa Thượng

Thích Tín Nghĩa (viện chủ chùa Từ Đàm, Dalas, Texas), Hòa Thượng Thích Nguyên An (trụ trì chùa Cổ Lâm, Seattle), Hòa Thượng Thích Nguyên Trí (Trụ trì chùa Bát Nhã, Nam Cali), Hòa Thượng Thích Trí Đức (Trụ xứ chùa Việt Nam), Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh (Trụ trì chùa Việt Nam, Houston), Thượng Tọa Thích Linh Quang (Nepal), Thượng Tọa Thích Nguyên Siêu (Trụ trì chùa Phật Đà, San Diego, Nam Cali), Thượng Tọa Thích Hạnh Tuấn (Trụ trì chùa Trúc Lâm, Chicago), Thượng Tọa Thích Tâm Hòa (trụ trì chùa Pháp Vân, Canada), Thượng Tọa Thích Nhật Trí (Trụ trì chùa Pháp Vũ, Florida), Thượng Tọa Thích Thông Hải (Thiền viện Chân Không), Thượng Tọa Thích Chơn Lễ, Đại Đức Thông Đức, Đại Đức Tâm Bình, Đại Đức Minh Phước, Đại Đức Quảng Kim, Đại Đức Quảng Minh, Đại Đức Thiện Nhân, Đại Đức Nhuận Thành ...

Chúng tôi cũng nhận thấy sự hiện diện của Quý Ni thuộc các ni-viện Hương Nghiêm, Hương Lâm, Huệ Lâm ...

Về giới văn nghệ sĩ, ngoài hai diễn giả là nhà văn Doãn Quốc Sỹ và triết gia Phạm Công Thiện, còn có nhà thơ Tô Thùy Yên, nhà thơ Vũ Tiến Lập, nhà văn Vĩnh Hảo, nhà văn Liên Hoa, nhà văn Quỳnh My v.v... cũng có mặt, trong đó khá nhiều văn nghệ sĩ mà chúng tôi không nhớ hết tên. Các cơ quan truyền thông, truyền thanh, truyền hình, báo chí, chúng tôi ghi nhận sự hiện diện của tuần báo Việt Tide, bán nguyệt san Thế Giới, tạp chí Xây Dựng, chương trình phát thanh Tiếng Chuông Tỉnh Thức, đài phát thanh Saigon-Houston; cùng các Hội đoàn như Hội Văn Hóa Khoa Học, Hội ái hữu cựu nữ sinh Gia Long, An Giang, Sương Nguyệt Ánh... Chúng tôi phải xin lỗi, vì không thể nào ghi hết ra đây.

Theo đúng chương trình, sau phần chào cờ và giới thiệu thành phần tham dự, Thượng Tọa Thích Nhật Trí, Hội Trưởng Hội Dharma Wheel Corporation (DWC) đã long trọng khai mạc buổi ra mắt sách Huyền Thoại Duy Ma Cật (HTDMC) của TT Tuệ Sỹ và tiệc chay gây quỹ cho những chương trình hoạt động của DWC qua hình ảnh nhập thế đầy Trí Tuệ và Từ Bi của hành giả Duy Ma Cật.

Diễn giả đầu tiên được mời lên giới thiệu về tác phẩm và tác giả HTDMC là triết gia Phạm Công Thiện. Ngôn ngữ của một triết gia có thể có đôi chút xa lạ với số đông quần chúng nhưng nhân dáng thì gần gũi, thân thương với chòm râu bạc, mái tóc thưa phơ phất. Ông chậm rãi chia xẻ: “Đứng trước khung cảnh rất tinh túy nghệ thuật, rất tinh túy thi ca này, nhìn xuống là Quý Thầy, Quý Ni và đông đảo đồng hương, tôi cảm thấy như mình đang ở chùa,

những ngôi chùa tôi từng thấp thoáng thấy bóng dáng hai chú tiểu cực kỳ thông minh, mới trên hai mươi tuổi đã nghiêm túc đứng trên bục giảng các giảng đường Đại Học. Hai chú tiểu đó chính là Hòa Thượng Thích Nguyên Hạnh đang có mặt trong buổi này, và Thượng Tọa Thích Tuệ Sỹ ở bên trời Quê Hương. Thầy Tuệ Sỹ, với đôi mắt rực sáng từ thuở ấu thơ cho đến tuổi già xé bóng không chỉ là sự rực sáng của nhân quan mà phải là sự rực sáng từ Tâm Bồ Tát. Nên khi Thầy Tuệ Sỹ viết HTDMC, với tôi, là cuốn sách tuyệt vời nhất. Cuốn Kinh Đại Thừa này, tôi chỉ tóm gọn trong một chữ. Chữ MẶC.”

Tiếng vỗ tay không dứt khi triết gia kết luận như vậy. Ông buông lửng cho mỗi người tự cảm nhận.

“Mặc”, phải chăng là sự tĩnh mặc Vô Ngôn của Bạc Đại Trí Duy Ma Cật khi Ngài Văn Thù hỏi về Pháp Bất Nhi?

Diễn giả Doãn Quốc Sỹ đã rất khiêm nhường khi trích dẫn Kinh Pháp Cú để nói về ý vị cao siêu của Duy Ma Cật trong cuộc đời. Đó là hình ảnh đóa sen nở giữa bùn nhơ, là hình ảnh Đại-sỹ đứng thẳng giữa phàm phu sân, uế.

Diễn giả thứ ba bước lên sân khấu trong tiếng vỗ tay nồng nhiệt, và những búp tay thâm lặng chấp lại, biểu tỏ lòng tôn kính. Đó là H.T. Thích Nguyên Hạnh, trụ trì chùa Việt Nam, Houston. Với nhân dáng nhu hòa, điềm đạm, giọng nói nhỏ nhẹ, chậm rãi nhưng ẩn chứa âm thanh của đường gươm Bát Nhã Vô-Úy, H.T đưa ra hình ảnh vị Tăng-sỹ tài hoa thông tuệ 1600 năm trước đã viết Bát Nhã Vô Tri Luận khi mới hai mươi tuổi; và nhiều luận khác, tập thành Triệu-luận mà người sau coi như Trung Quán Luận của Trung Hoa. Vị Tăng-sỹ trí tuệ tuyệt luân đó đã hơn một lần ngẩng cao đầu trước bạo quyền, bình thân nhìn lưỡi gươm sẽ chém xuống đầu mình chẳng khác chi gươm chém ngọn gió Xuân!

Hòa Thượng đã mượn hình ảnh Ngài Tăng Triệu để nói về Thầy Tuệ Sỹ, mà theo H.T. nói về Thầy Tuệ Sỹ là nói về một Tăng-sỹ đã mang Đại Bi Tâm vào đời với hạnh Vô Úy.

Con người đó cũng đã bất khuất trước bạo quyền, đôi mắt sáng rực nhìn thẳng tử thần không chút nao núng.

Con người đó cũng là nhà tư tưởng, luôn nhìn sâu vào tận cùng nỗi thống khổ nhân gian nên tư tưởng đó không phải là son phấn điểm trang cho đời mà là những hoài bão gắn liền với khổ đau dân tộc.

Con người đó, vượt trên mọi tư duy Đời-Thường, đã lặng lẽ ngồi trong góc tối, trong cõi-riêng đời mình để hoàn thành Huyền Thoại Duy Ma Cật, chạm tới vỹ cửu ngay trong khoảnh khắc ta-bà, tựa câu kinh Pháp Cú:

“Nhu tảng đá kiên cố

Không gió nào lay động

Cũng vậy, giữa khen chê

Người trí không giao động”

Diễn giả thứ tư là lời nhà xuất bản cuốn HTDMC, T.T Thích Nguyên Siêu. Thượng Tọa khẳng định rằng, con đường Giáo dục Phật-Việt là thành trì bảo vệ và tài bồi nền Văn hóa của dân tộc Việt Nam suốt mấy ngàn năm qua, và sẽ còn mãi mãi ngàn sau. Cũng theo TT, sự tham dự nồng nhiệt, đông đảo của Chư Tôn Đức Tăng, Ni và đồng hương, Phật tử hôm nay nói lên niềm ưu tư chung về trọng điểm phát huy nền Văn hóa tự trị.

Tới đây thì nhân viên nhà hàng đang tuần tự mang tới những món chay tinh khiết, được trình bày mỹ thuật. Đây cũng là thời điểm bước sang phần hai của chương trình. Đó là phần Thơ Nhạc đạo vị.

Đêm nay, người nghệ sỹ mà đại đa số khán thính giả mong được thưởng thức tài nghệ là nam danh ca Tuấn Ngọc. Cảm nhận như thế nên anh là người mở đầu phần Thơ Nhạc.

Người nghệ sỹ nào cũng mang theo hành trang là những tác phẩm đặc ý quen thuộc và thường trình diễn, hoặc được yêu cầu những tác phẩm đó. Thật bất ngờ và thật cảm động khi Tuấn Ngọc tiết lộ rằng, bản nhạc đầu tiên anh sẽ trình bày là một bài thơ trong thi phẩm Giác Mơ Trường Sơn của Thầy Tuệ Sỹ. Đó là bài Tống Biệt Hành mà nhạc sỹ Hoàng Quốc Bảo đã phổ thành ca khúc. Anh cũng xin phép khán thính giả cho anh được nhìn vào bản nhạc vì anh mới tập với ban nhạc có... mấy tiếng đồng hồ trước.

Âm thanh bát đũa im bật khi người ca sỹ cất tiếng vút cao, chuyên chở giọng thơ bi tráng của một Người-Việt-Nam-Bất-Khuất:

“Một bước đường thôi, nhưng núi cao
Trời ơi mây trắng đọng phương nào
Đò ngang neo bến đầy sương sớm
Cạn hết ân tình, nước lạnh sao?
Một bước đường xa, xa biển khơi
Mấy trùng sương mỏng nhuộm tơ trời
Thuyền chưa ra bến bình minh đó
Nhưng mấy nghìn năm tống biệt rồi ...”

Nói là mới tập, nhưng Tuấn Ngọc trình bày như đã từng trình bày từ muôn kiếp trước.

Phần ngâm thơ cũng xúc cảm vô cùng với giọng ngâm cô Bạch Hạc trong bài “Những năm anh đi”, giọng ngâm anh Vĩnh Tuấn trong bài “Phố trưa” và “Một bóng trăng gầy” giọng ngâm GS Kim Oanh trong bài “Tóc huyền” qua phần phụ họa đàn bầu, đàn tranh của Hải Yến, Kim Oanh và tiếng sáo réo rất Hoàng Nhật Thành. Tất cả những bài thơ này đều trích từ thi phẩm GMTS của Thầy Tuệ Sỹ.

Trong khi khán thính giả còn bùi ngùi với âm thanh diễn tả như tiếng nấc của anh Vĩnh Tuấn ở câu thơ cuối, bài Phố Trưa “Người yêu cát bụi quê mình là đâu?” thì loáng thoáng đó đây có tiếng yêu cầu Thầy Tâm Hòa ngâm bài thơ Khung Trời Cũ, bài thơ mà ai biết đến thi phẩm GMTS không thể không thuộc dăm câu.

Tiết mục ngoài chương trình này là điều ngạc nhiên đối với tôi vì Thầy Tâm Hòa ngâm thơ “tuyệt” quá! (Thưa thầy, nói thế không phải vì con tưởng thầy ngâm không tuyệt, mà ngạc nhiên vì thầy đa tài quá). Muốn tận dụng sự thấu nhận của nhĩ căn nên tôi chỉ nghe mà không nhìn Thầy trình diễn. Chỉ nghe thôi, đã cho tôi nghe thấy tiếng mái chèo khua nhẹ trên dòng sông Nhị của thiền-sư Pháp-Thuận đời vua Lê Đại Hành, vị thiền-sư đã hóa thân làm ông lái đò đưa sứ Tàu qua sông, đem lại niềm ngưỡng phục của Bắc phương đối với đất phương Nam nhỏ bé.

Mái chèo khua nước năm xưa đang vỗ lên những đợt sóng bụi ngùi lịch sử:

“...Đếm tóc bạc tuổi đời chưa đủ

Bụi đường dài gót mỏi đi quanh

Giờ ngó lại bốn vách tường ử rữ

Suối nguồn xa ngược nước xuôi ngàn”

Trong khi khán thính giả đang bâng khuâng với hồn thơ bất tận thì Thầy Tâm Hòa kéo về thực tế hiện thực bằng cách giơ cao bao thư đã cầm sẵn trên tay. Đây là số tịnh tài mà Chư Tôn Đức hiện diện vừa đóng góp để yểm trợ vào quỹ sinh hoạt của Hội DWC. Kẻ viết bài không nhớ hết chi tiết “mạnh thường quân” nhưng hầu như Chư Tôn Đức đều đồng lòng yểm trợ. Con số có thể nhớ là mười lăm ngàn mỹ kim từ Hòa Thượng Nguyên Trí, chùa Bát Nhã. Bao thư “khá nặng” được trao thẳng tới tay thủ quỹ của DWC. Phía dưới, đồng hương Phật tử cũng noi gương, xôn xao ký tên yểm trợ vào những bì thư để sẵn trên mỗi bàn rồi tùy tâm, hoan hỷ bỏ vào.

Thầy Tâm Hòa bước xuống, nhưng sân khấu đã không bỏ trống một giây nào. Và đây lại là một tiết mục bất ngờ. MC thưa rằng, có một vài vị xin nêu đôi lời thắc mắc về tình trạng Phật Giáo Việt Nam. Ban Tổ Chức chấp nhận ngay, chỉ xin giới hạn thời gian vì chương trình còn dài. Không những chấp nhận ngay, BTC còn mời những vị muốn hỏi, lên sân khấu cầm micro, hỏi trực tiếp, và cung thỉnh HT Thích Nguyên Hạnh từ bi trả lời cho. HT cũng hoan hỷ nhận lời ngay. Sự việc xảy ra quá nhanh, sắp xếp quá gọn gàng trong tinh thần trong sáng, thẳng thắn, minh bạch khiến toàn hội trường đồng loạt vỗ tay.

Hỏi: Gần đây, dư luận có thư nặc danh thắc mắc rằng, trong Đại Hội Phật Giáo năm 2006 tại Việt Nam, tại sao HT Nguyên Hạnh lại gửi bài về tham dự?

Đáp: Không phải là Đại Hội Phật Giáo mà là cuộc Hội Thảo Quốc Tế về Phật Giáo trong thời đại mới. Ban tổ chức đã gửi thư mời nhiều tu sỹ, học giả, giáo sư trên khắp thế giới về tham dự. Tôi cũng nhận được thư mời nên chỉ gửi lá thư cảm ơn và xin lỗi không thể tham dự được. Nhưng trong thư này, tôi cũng góp vài ý kiến. Một, trong những ý kiến đó là, một tôn giáo gắn bó với dân tộc trong 2000 năm mà không có được cơ cấu Giáo Hội độc

lập để nói lên tiếng nói của mình thì đó là điều mà người Phật tử Việt Nam khó có thể cam tâm chấp nhận. Vì vậy, tôi hy vọng qua cuộc Hội Thảo này, quý vị sẽ cởi bỏ những sợi giây oan nghiệt từng trói buộc Phật Giáo bấy lâu nay.

Những lời nói như thế, CSVN không chống thì thôi, chứ những người nhân danh chống Cộng ở xứ Tự Do này lại chống là chống cái gì?

(Tiếng vỗ tay kéo dài, dù câu hỏi tiếp đã cất lên)

Hỏi: Xin Thầy cho biết về Đại Hội Phật Giáo Về Nguồn ở Canada. Có dư luận cho rằng quý Thầy là Đại Hội quốc doanh, họp để chống đối GHPGVNTN ở quê nhà.

Đáp: (cười nhẹ) Không có cái gì gọi là ĐHPG Về Nguồn cả, mà chỉ có Ngày Về Nguồn được tổ chức lần đầu ở Trung Tâm Văn Hóa Phật Giáo Pháp Vân Canada. Ngày này cũng đã được sự đồng thuận của Chư Tôn Đức tham dự, là sẽ tiếp tục tổ chức hàng năm, tuần tự ở mỗi nơi trên khắp thế giới vì đây là niềm hoài vọng của Tăng lữ VN nói riêng, và đồng bào Phật tử, nói chung, từ khi lưu lạc xứ người, chưa định được một ngày cùng nhau trở về hàn huyên.

Đó là ngày về, cùng quỳ dưới chân Chư Phật, cùng ôn lời Phật dạy để soi sáng, sách tấn cho nhau. Đó là ngày về, cùng quỳ dưới chân Chư Tổ, cảm niệm ơn ân sư bao đời đã diu dắt, che chở ta trên giòng nghịch lưu. Đó là ngày về của những đứa con trong gia đình, lưu lạc muôn nơi, hẹn nhau về ngôi Từ-đường để cùng ôn lại ơn đức Tổ Tiên, Ông Bà

Tôi thực không hiểu nổi, những việc làm như vậy, sao gọi là quốc doanh, là CS? Mình sống không có cội nguồn, Tổ Tiên, Ông Bà ư?

(Hội trường thỉnh lặng mấy giây khi Thầy nghẹn ngào, hỏi như thế, rồi tiếng vỗ tay mới đồng loạt vang lên)

Hỏi: Thưa Thầy, con đã đọc hầu hết những văn thư cùng các dữ kiện quanh vấn đề khủng hoảng trong GHPGVNTN. Trước thực trạng tả tơi như vậy, phải làm gì để hàn gắn, xóa dị biệt, hầu giúp Phật tử có niềm tin vào Giáo Hội?

Đáp: Cuộc khủng hoảng trong GHPGVNTN, xin để GH trả lời. Ngay tại Houston này, quý vị có thể đến hỏi HT Hộ Giác. Còn câu hỏi làm sao hàn

gắn đồ võ thì theo tôi, người con Phật hãy trầm tĩnh lắng nghe lời Phật dạy. Phật từng dạy rằng:

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó đã được truyền tới cho hàng ngàn người nghe.

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó được nói ra từ người quyền uy tột đỉnh.

Hãy đừng vội vàng tin vào bất cứ điều gì, dù điều đó được loan truyền từ ngàn xưa.

Hãy thận trọng quán chiếu, gạn lọc, xét suy trong trạng thái sáng suốt của tâm rồi hãy lần tìm cho mình câu giải đáp.

Quả thật, ngay những lời Phật dạy, Phật cũng ân cần nhắc nhở, là chớ vội tin ta, hãy tự suy ngẫm đi đã.

Để chấm dứt phần thắc mắc, Thầy từ bi dặn dò, là Phật tử, hãy giữ niềm tin ở nơi Phật Pháp vì thế gian dù có điên đảo đến đâu, dù những khủng hoảng hôm nay có làm đổ vỡ đến như thế nào thì Phật Pháp vẫn là Giáo pháp chân thật của muôn đời; là Phật tử hãy nên phát nguyện, xin cho chúng con không bao giờ đánh mất Bồ Đề Tâm, vì có Bồ Đề Tâm thì làm việc gì cũng là việc của Phật. Không có Bồ Đề Tâm thì việc nào cũng là việc của ma.

Thầy Nguyên Hạnh bước xuống trong sự cảm kích của cả hội trường. Những người đặt câu hỏi cũng chấp tay, cung kính.

Phản văn nghệ tiếp nối với một ngạc nhiên nữa cho người thưởng ngoạn là nhạc sỹ Duy Thành, vừa phổ bài thơ Nhớ Dương Cầm trong thi phẩm GMTS và vừa đàn, vừa hát, diễn tả trọn vẹn tinh thần giòng thơ:

“...Thôi huyền tượng xô người theo cát bụi

Vùng đất đỏ, bàn chân ai bồi rôi

Đạp cung đàn, sương ứa đọng vành môi ...”

Xen giữa chương trình thơ nhạc là những bao thư tới tập gửi lên BTC. Vô danh, hữu danh, con số yếm trợ có khác từ hàng chục, hàng trăm,

tới hàng ngàn, nhưng tấm lòng thì như MỘT. Giữa chương trình mà con số được loan báo đã lên tới hơn ba mươi bảy ngàn. Trong khi nam danh ca Tuấn Ngọc “cúng đường” tất cả những bài được yêu cầu thì chị thủ quỹ túi bụi làm toán cộng, nâng con số lên gần năm mươi ngàn.

Tôi không nghĩ cần tường thuật thêm gì nữa. Những diễn tiến đêm nay đã tự nói lên những gì đáng nói.

Chỉ khi ra về, thấy mấy nhân viên bảo vệ an ninh còn lảng vảng quanh khu phố, tôi mới nhận ra là suốt chương trình, tôi đã quên hẳn họ. Vì như lời chị Viên Minh, đại diện BTC cảm tạ quan khách “Suốt mấy tiếng đồng hồ qua, không gian này đã tưới tẩm đầy ắp hương Đạo Vị ...”

Hẳn là sau khi nhận thù lao mà chẳng phải làm gì, trên đường về, mấy nhân viên bảo vệ an ninh đều nghĩ “Sao những người Việt Nam này dễ thương thế!”

(Houston 04 tháng 11/2007)

---o0o---

Thiên nhị bá ngũ thập

Mỗi sáng ra vườn sớm
Tâm nở một bài thơ
Hăm lăm (25) câu dài, ngắn
Mênh mang lời kinh thư.

50 ngày thi sỹ
50 bài thơ hoa
Trời bỗng dung rất nắng
Vàng rực áo ca-sa

50 bài lấp lánh
Ngàn hai năm mươi (1250) câu
Đoàn Tỳ-kheo theo Phật
Thơ từng nụ đi sau

Đi sau, thơ tĩnh lặng
Nở từng búp sen thơm

Ngàn hai năm mươi đóa
Cúng đường Đức Thế Tôn

“Thiên nhị bá ngũ thập
Dữ đại Tỳ-kheo tăng”
Từng bước chân an lạc
Mầu nhiệm tự ngàn năm

Thơ trong mặt trời lặn
Thơ nơi vầng trăng treo
Thơ trụ tâm chánh niệm
Thơ,
Và đoàn Tỳ-kheo.

(Cốc Thánh Thơ- Tháng Tư 2008)

---o0o---

Dòng sông và giọt nước

Được sư phụ gửi qua Làng Mai tu học ba tháng trong khóa An Cư Kiết Đông, đối với tôi là một sự bất ngờ mầu nhiệm. Bất ngờ, vì khóa tu vừa bắt đầu rồi, tôi có thu xếp hỏa tốc lăm cũng trễ ít nhất từ một tuần đến mười ngày. Vậy mà, qua một vài điện thư, tôi đã được sư cô Chân Không chấp thuận. Mầu nhiệm, vì niềm đau nỗi khổ đang đến với tôi như những thử thách. Tôi đã quán chiếu, nhận diện đau khổ như những thực thể có mặt chứ không hòa đồng mình với đau khổ. Nhưng vì năng lực còn yếu nên con chim trúng thương đang cố vỗ cánh tìm một nơi an toàn trú ẩn.

Thì đây, sư phụ cầm phong thư đã viết sẵn, và truyền: “Con thu xếp ngay để qua Làng Mai. Trình lá thư này lên Sư Ông. Hãy chuyên cần, tinh tấn trong ba tháng đó.”

Ôi, sư phụ có tha-tâm-thông hay không mà đọc được sự mong mỏi trong lòng tôi như thế!

Sau ba ngày xoay như chong chóng, tôi mới có vé bay để một tuần sau đó, rời miền Nam California đầy nắng ấm của Hoa Kỳ, lên đường sang Paris đang lạnh dưới năm độ.

Tôi đã từng qua Pháp, xuống phi trường Charles De Gaulle vài lần, nhưng khi thì có thầy có bạn, khi thì có người thân cùng đi; và xuống phi trường là

tôi luôn an tâm vì có người chờ đón. Lần này, một mình đeo túi vải lên vai, chẳng phải tới Charles De Gaulle (CDG) là xong, mà từ đó, phải chuyển máy bay đi Bordeaux. Tới Bordeaux mà không có ai đón thì phải tìm cách ra ga xe lửa mới về Làng được. Trong những điện thư trao đổi với sư cô Chân Không, có một cái “hãi hùng” như thế này: “Nếu vé bay về Bordeaux mắc quá thì em cứ bay tới Paris, phi trường CDG, rồi hỏi đường tới ga xe lửa về Bordeaux. Nhưng em phải xuống ga Libourne là một chặng trước Bordeaux để đổi sang xe lửa khác đi Sainte Foy La Grande. Tới đây thì mới có người trong Làng ra đón em được”.

Với những người đã từng có kinh nghiệm về Làng thì có lẽ những lời chỉ dẫn này là quá rõ ràng và đơn giản. Nhưng với con đế mèn phiêu lưu ký như tôi mà lò dò từ tàu bay sang tàu hỏa thế này, không chừng tôi sẽ tới ... Tây phương!

Nhưng tôi biết, cơ hội này rất quý nên vừa xếp hành lý, vừa lảm nhảm bài kệ: “Đề Bụt thờ, đề Bụt đi. Minh khởi thờ, minh khởi đi. Bụt đang thờ, Bụt đang đi. Minh khởi thờ, minh khởi đi ...” Thế là sự mâu nhiệm lại đến với tôi qua điện thư của sư cô Chân Không: “May quá, sư cô đã nhờ được người đón em tại phi trường Bordeaux và đưa em về thẳng Làng. Đó là anh Guy Pasteur, một người Việt Nam trưởng thành tại Pháp”.

Thế đó, nên đôi khi tôi có ý lại vào Bụt cũng chẳng là vô cơ. Và nhiều lần, tôi đã từng là cô Tấm, ngồi gọi Bụt rồi khóc bên bờ ao khi con cá bống thân yêu của mình bị cô Cám bắt làm thịt!

Được sư cô Chân Không cho biết anh Guy Pasteur chỉ nói bập bẹ tiếng Việt nên tôi cố ôn lại chút tiếng Pháp (cũng bập bẹ) của mình. Suốt dọc đường từ phi trường Bordeaux về Làng, hai ngôn ngữ bập bẹ trao đổi với nhau đầy thân thương vì chúng tôi còn có chung một ngôn ngữ nữa. Đó là ngôn ngữ Tình Thương với hai chữ “T” cùng viết hoa.

Cơ duyên tôi được tham dự An Cư Kiết Đông ở Làng Mai do bao nhiêu tình thương hội tụ lại như thế, tôi phải đền đáp thế nào cho đủ!

Y phục và vật dụng linh tinh tôi mang theo do cảm quan và trí tưởng tượng của mình. Đến nơi mới biết chỉ dùng được 50%. Nhưng tôi chẳng có gì phải lo lắng, cái gì sai, cái gì thiếu, đều được sư cô trụ trì ân cần cho mượn. Điều bồi rồi khá lý thú là các sư cô trẻ đều giống nhau quá! Cô nào cũng nhỏ nhắn, xinh xắn, dịu dàng, đi đứng, nói năng, làm việc ... lúc nào cũng khoan thai, nhẹ nhàng, nhất cử nhất động khá giống nhau; cố nhớ tên các sư cô

cùng đội với mình đã vất vả, làm sao nhớ nổi cô nào là Khiết Nghiêm, cô nào là Triệu Nghiêm, cô nào là Nhân Nghiêm ... Lúc nào bí quá, tôi lại lầm nhảm đọc kệ: “Chỉ có thờ, chỉ có đi. Không người thờ, không người đi ...”

Rồi mỗi ngày qua là mỗi dễ dàng hơn khi đã tạm quen với chương trình tu học và làm việc, thay đổi từng ngày trên bảng. Những sinh hoạt từ 5 giờ sáng đến 9 giờ tối được sắp xếp rất hài hòa để mang lại đủ năng lượng nuôi dưỡng thân tâm và khai mở trí tuệ.

Giờ tọa thiền 5 rưỡi sáng, những ngôi sao ngủ muộn còn lấp lánh trên nền trời sẫm tối nhưng sương sớm đã phủ mờ lối cỏ. Ngày tinh khôi thoảng hương gió thơm nhẹ từ những thân bách điệp quyện hương tinh khiết của rừng thông xanh mượt đã đủ tưới tẩm chất thiền trên những bước chân về thiền đường.

Một lần, ở Xóm Hạ, Thầy giảng về đề tài, làm sao đạt được an lạc, vững chãi khi thiền hành. Hôm đó, Thầy giảng pháp mà như đang làm thơ. Thầy nói, khi thiền hành, nếu ta đặt được chánh niệm vào bước chân thì ta có thể đi bằng bước chân của Bụt, dù ta đang có khổ đau trong lòng, ta vẫn có thể đi như quốc vương, như nữ hoàng. Có chánh niệm thì nỗi đau cũng là bạn đồng hành chứ không còn là đối tượng làm ta đau khổ nữa. Đừng cố ngăn giữ niềm đau, cũng đừng xua đuổi chúng. Hãy ôm lấy niềm đau mà đi, đồng thời mời gọi thiên nhiên vào trong ta. Thiên nhiên sẽ là dược liệu xoa dịu niềm đau.

Trong khi nghe những lời giảng như vậy, tôi nhìn thiên nhiên qua khung cửa kính. Trời đang sáng dần, lờ mờ đã thấy rừng phong trụi lá, im ửng trong màn mưa sương đục. Những bụi trúc xanh mượt mang hình ảnh tu viện Trúc Lâm hơn 2500 năm trước, là bức tranh tĩnh mặc lột tả trọn vẹn sự thanh khiết, tươi mát và an nhiên tự tại của thiên nhiên.

Chỉ lắng tâm, thở sâu và nhẹ để nhìn thiên nhiên qua một không gian, một thời gian thôi mà còn cảm được cái bao la từ ái, như những bàn tay lương y, thì niềm đau nỗi khổ nào mà không được xoa dịu. Nếu tiếp tục lắng tâm, thở sâu, tiếp tục mời gọi vạn hữu về cùng ta thì chiếc lá phong đang rơi, bông hoa đại vừa nở, ngọn cỏ non rụt rè bên lối sỏi đều có thể trở thành lời ru êm của mẹ, sự âu yếm của cha. Có niềm đau nào còn mung mủ được trong những nôi hồng thương yêu đó nữa không?

Con mưa sớm đã tạnh, và ánh dương đang rực rỡ phương đông. Tôi thực tập lời giảng, mời gọi mặt trời, và bỗng nghe mặt trời hát bài thơ Bát Nhã:

“Nắng là lá cây xanh
Lá cây xanh là nắng
Nắng chẳng khác lá xanh
Lá xanh chẳng khác nắng
Bao nhiêu hình sắc kia
Cũng đều như vậy cả”.

Không biết Thầy làm bài thơ này lúc nào mà khi tôi mời gọi mặt trời thì thơ đã cùng về với nắng để nói cho tôi biết: “Bao nhiêu khổ đau kia. Cũng đều như vậy cả”.

Bằng tinh thần Bát Nhã thì khổ đau kia là gì?

Lòng tôi bỗng vỡ òa niềm vui. Nắng, lá cây, mặt trăng, mặt trời, sương, mây, gió, mưa ... tất cả đều ở trong nhau và ngoài nhau, tương dung và tương tức để thành cái bất sinh bất diệt. Vậy mà, tôi đã vô minh, tự trói mình vào niềm đau! Trong khi, nếu tôi biết thở thì “Khổ đau là hạnh phúc. Hạnh phúc là khổ đau”. Thư pháp trong phòng ăn Xóm Mới chẳng từng nói thế ư: “Les larmes que je versais hier, sont devenues pluie” Giọt lệ tôi nhỏ xuống hôm qua, nay đã thành cơn mưa”.

Những điều này, tôi cũng đã biết ít nhiều qua lý thuyết nhưng thực tập áp dụng được thì chưa bao nhiêu. Những gì chưa cảm nhận đủ, tôi thường ý lại, đồ thừa “Tại chưa đủ duyên!” Thật ra, tại mình chưa quyết tâm hạ thủ công phu. Chẳng phải Thầy từng nhắc trong những bài giảng: “Sự màu nhiệm phải được tự ta thực chứng chứ không phải qua sách vở hay kinh nghiệm của người khác”.

Tôi đang được thở trong một môi trường quá tốt đẹp để thực tập giáo pháp vì quanh tôi, không gì ngoài đoàn lũ hành quyết tâm đi chung một con đường. Đó là con đường giải thoát khổ đau cho mình và cho người. Cùng đi chung với đoàn lũ hành đó là thiên nhiên tinh khôi, rục rờ. Xóm Thượng qua Xóm Hạ; Xóm Hạ về Xóm Mới; Xóm Mới đi bộ tới Phương Khê. Thầy tới xóm nào giảng pháp thì các xóm kia cùng về đó. Tôi mới ở Xóm Mới có hai tuần mà đã hai lần Thầy xuống đây, hai lần chúng tôi lên Xóm Thượng, Xóm Hạ và một lần tôi được tới Sơn Cốc, nơi Thầy còn gọi bằng cái tên thơ mộng là Phương Khê, là dòng suối thương. Thầy tới xóm nào thì đội nấu ăn của xóm đó lo việc ăn uống cho tất cả mọi xóm. Lần đầu Thầy xuống Xóm Mới nhằm đúng ngày đội chúng tôi nấu ăn. Tôi hoảng quá, nấu làm sao cho kịp, cho đủ! Ấy thế mà đội chỉ cần tăng cường thêm người xắt gọt, và các sư

cô vẫn làm việc thông thả, nhẹ nhàng. Tôi biết, đây là sự tu tập làm việc trong chánh niệm.

Tôi bỗng nhớ tới một đoạn trong cuốn Đường Xưa Mây Trắng, Thầy kể khi Đức Thế Tôn trở về ngôi làng nhỏ có rừng cây êm mát nơi Ngài đã giác ngộ, để giữ lời hứa với chú bé chăn trâu năm nào. Chú bé được nhận vào tăng đoàn, cùng lên đường hướng về thành Vương Xá. Chú cảm thấy các vị sa môn đi chậm quá! cứ từng bước, từng bước thế này thì bao giờ mới tới?! Vậy mà, ngày đi, trưa ghé thôn xóm khát thực, đêm tìm rừng cây ngủ, chỉ mười ngày sau, chú đã thấy phố thị tấp nập, đông vui, khác hẳn miền quê nghèo của chú.

Tôi chứng nghiệm được điều này khi thực sự sống trong sinh hoạt của Làng Mai. Với chương trình tu tập luôn đan kín như tọa thiền, tụng kinh, nghe pháp, thiền hành, pháp đàm, các lớp học về Phật pháp căn bản, thể dục ...v...v... hài hòa với sự làm việc như nấu ăn, dọn dẹp, liên lạc khắp nơi, đều được phân công nhíp nhàng và tất cả mọi sinh hoạt đều làm trong chánh niệm.

Làm như không làm mà mọi việc đều hoàn tất gọn gàng, trang nghiêm, tĩnh lặng. Nếu mắt không thấy, tai không nghe, chân không bước ở nơi này thì tôi thật không thể tin nổi.

Nhìn vườn rau xanh mướt đủ loại rau cải, rau thơm, từng luống thẳng tắp vươn lên khỏe mạnh như ở những nông trại chuyên nghiệp, mà nơi đây, hoa trái này chỉ là kết quả của những giờ chấp tác, làm việc trong chánh niệm.

Vì công việc được luân phiên tuần tự nên cũng tới ngày tôi được ra vườn rau. Tri vườn rau là sư cô Bảo nghiêm, từng theo Thầy nhiều năm, và đi tới đâu là sư cô gieo hạt, trồng rau tới đấy. Nơi đây hoàn toàn không dùng chất bón hóa học để tránh tối đa sự độc hại cho côn trùng. Chất bón chính là những lá rau úa, những lõi cải, những vỏ trái xanh cắt bỏ, được gom lại, ủ nơi góc vườn.

Tôi lại được nhìn thấy tận mắt sự hiển lộ của lý duyên khởi. Hạt gieo xuống đất thành cây, cây góp phần thành đất, đất lại giúp hạt nảy mầm để cây trở lại. Có phải bất sinh bất diệt là thế?

Vừa mang những cây con mới nhô lên trong chậu nhỏ để trồng thẳng hàng theo những luống đất mới sỏi, tôi vừa miên man nghĩ tới ông bà, cha mẹ. Những điều mơ hồ từng được nghe như “Ông bà cha mẹ có trong ta, ta cũng

luôn có trong ông bà cha mẹ” hình như đang mở chút ánh sang kỳ diệu cho tôi khi một sư cô tình cờ nhắc: “Đừng bỏ cây cải này. Nó nhỏ xíu nhưng nhìn kỹ thì cũng có rễ rồi đây. Cái hạt nhỏ đã nảy mầm, mọc rễ, em cứ trồng xuống đi, nó sẽ tự biết tiếp nhận mặt trời, mưa, nắng để thành cây cải xanh tươi”.

Nghe sư cô nói một cách rất tự tin như thế, tôi thậm chí xin lỗi cây cải quá nhỏ mà tôi suýt bỏ đi; rồi ân cần vén đất, đặt nó xuống. Nó là một, trong hàng trăm hạt li ti của cây cải mẹ đã được cất đi từ mùa trước. Cây cải mẹ, tưởng không còn nữa, nhưng tôi đang được thực chứng bằng những công việc rất bình thường mà khi quán chiếu sâu sắc thì có thể vỡ ra những nghĩa lý thâm sâu.

Cây cải con còn có thể có mặt cho cải mẹ, sao tôi lại chẳng thể cảm nhận có cha mẹ trong tôi? Cái thú viết lách này chẳng phải từ cha ư? Và cái sự nghiêm túc với mình về gọn gàng ngăn nắp chẳng là thừa hưởng từ mẹ sao?

Trong những buổi thiền tọa, trời mùa đông thường còn tối lắm. Thiền đường hàng trăm người ngồi tĩnh lặng trong ánh nến lung linh đã là nguồn năng lượng kỳ diệu truyền lẫn cho nhau. Nhưng vẫn còn nữa, vì trong không gian trầm lắng đó sẽ vọng lên tiếng nói rất êm nhẹ của Thầy:

“Con mời Đức Thế Tôn thở bằng lá phổi của con. Con thỉnh mời Đức Thế Tôn ngồi bằng lưng của con. Con mời cha trong con thở với con. Con mời mẹ trong con thở với con ...”

Lời thỉnh mời của Thầy cực kỳ tha thiết, cực kỳ thành kính, dẫn dắt hàng trăm hơi thở cùng thỉnh mời, tha thiết và thành kính như thế, nên không phải chỉ có hàng trăm hơi thở mà dường như hàng ngàn, hàng trăm ngàn làn hơi đang hít thở trong chánh niệm như thế.

Buổi thiền hành sau đó, tôi cố nuôi dưỡng những cảm nhận quý báu mà mình thấp thoáng có được. Hôm đó lại là ngày giỗ cha tôi. Với tôi, cha không chỉ là bậc sinh thành dưỡng dục mà còn là người bạn tri kỷ. Câu thơ đầu đời, tiếng hát thơ ngây, cha luôn là người đầu tiên tôi chia sẻ, nên khi cha mất đi, tôi hụt hẫng như Bá Nha mất Tử Kỳ! Rất nhiều năm qua, tôi vẫn còn tâm trạng này. Thường, những ngày giỗ cha, tôi làm mấy món chay thanh đạm mà khi xưa cha ưa thích, rồi tắm gội sạch sẽ, khăn áo chỉnh tề, tôi tọa thiền trước bàn thờ Bụt, để mặc lòng mình tha hồ nhớ tưởng đến cha, và sau đó, tụng một thời kinh A Di Đà.

Ngày giỗ cha năm nay, tôi đang được sinh hoạt với tăng thân Làng Mai, tôi đang thiền hành cùng tăng thân và đại chúng nên tôi không thể hoàn tất mâm cỗ chay để cúng cha. Một ý tưởng ngộ nghĩnh chợt khởi lên trong tôi: “Bước chân này là những miếng đậu hũ. Bước chân này là những trái cà chua. Bước chân này là những lá dưa muối ... Con sẽ có đủ vật liệu để nấu những món cha ưa thích”. Năng lượng của bao bước chân xung quanh lập tức tiếp trợ tôi. Tôi đã có thật nhiều đậu hũ, thật nhiều dưa cải.

Tôi nhìn lên phía trước. Trong dáng đi chậm rãi, an lạc và vững chãi cố hữu, Thầy đang bước những bước chân mời gọi, bước cho tổ tiên, ông bà, cha mẹ ... Tôi hoan hỷ nương theo: “Đậu hũ đã chiên vàng, canh dưa cải đã sôi, con xin dọn lên mâm, mời cha về, mời mẹ về. Con đang bước cho cha. Con đang bước cho mẹ ...”

Trời lạnh lắm! mà bàn chân tôi như bồng ảm, ảm vô cùng.

Trời ơi! Bàn chân cha đang ủ lên chân tôi. Đúng thế. Chắc chắn như thế. Tôi không thể làm lẫn lộn hơi ấm này.

Tôi tưởng mình sẽ òa lên khóc, nhưng lạ thay, tôi không khóc mà bình tĩnh thở. Thở vào, tôi biết mình đang thở vào. Thở ra, tôi biết mình đang thở ra. Tôi “nhìn” được hơi thở của mình như đang quan sát hơi thở của con ếch bên bờ giếng. Con ếch không chỉ thở bằng lá phổi. Nó thở bằng cả thân mình. Tôi cũng đang thở bằng cả thân mình vì trong hơi thở của tôi có cả cha và mẹ.

Buổi thiền hành hôm đó, sau khi Thầy rời tàn cây vừa tọa thiền dăm phút, để lại tiếp tục hướng dẫn đại chúng xuống đồi, tôi đã cúi nhặt ba chiếc lá phong thật đẹp bên gốc cây ấy. Vế phòng, tôi ép lá vào cuốn sách. Đây là ba bước chân quá khứ, hiện tại, vị lai đã vừa hội tụ về để chúng nghiệm sự vô sinh bất diệt. Hình như bài pháp Thầy đang giảng về Sư Tử Vàng (Kinh Kim Sư Tử Chương) cũng rất gần điều này. Mỗi sát na đều có đủ quá khứ, hiện tại và vị lai. Khi quán sát sư tử vàng, nếu sư tử là hữu vi thì vàng là vô vi. Nhưng nếu vàng là một sát na vô vi thì sư tử hữu vi cũng ở trong đó.

Tôi có đang đi tìm cái Thường trong Vô Thường không đây?

Năm giờ sáng, đường lên Sơn Cốc còn đầy sao.

Đây là ngày-quán-niệm đầu tiên tôi được cùng đi với tăng thân, chỉ những người xuất gia chứ không có cư-sỹ. Thiền đường nhỏ, nhưng ấm cúng. Thầy

bước vào cùng thị giả, thân thương và giản dị. Thầy nói về sự chọn lựa giữa đạo và đời. Xuất gia là một hành động cách mạng khi buông bỏ hết những cám dỗ của danh vọng tầm thường để tiến tới lý tưởng thanh cao là độ mình rồi độ người.

Sau buổi pháp thoại, tôi ngỏ lời cảm ơn sư cô Chân Không đã cho phép tôi dự ngày-quán-niệm ở Sơn Cốc. Sư cô nhìn tôi, mỉm cười, rồi bảo: -Em theo cô xuống đây.

Sư cô chia xẻ với tôi niềm hạnh phúc được sống mấy năm với mẹ, cho đến ngày cụ mất, nơi căn phòng tự tay sư cô trang trí. Rồi tôi theo sư cô ra hành lang nhỏ, dừng lại hai, ba nơi thì tới trước một cánh cửa khép hờ, và gõ nhẹ. Tôi theo sư cô bước vào, như vừa theo sư cô bước vào những căn phòng trước.

Vị ngồi bên chiếc bàn nhỏ, quay đầu ra. Trời! Đây là phòng Thầy.

Sư cô nói:

- Con đưa cô Huệ Trân vào thăm Thầy.

Thầy dợm đứng lên, nhưng tôi đã vừa quỳ xuống, vừa nói:

- Con kính đánh lễ Thầy.

Tôi lạy thật sâu, năm vóc sát đất. Khi ngừng lạy, Thầy nhẹ tay ra dấu:

- Lạy Bụt đi.

Tôi vụng về quá! bây giờ mới nhìn thấy bàn thờ Bụt. Tôi lại sụp xuống, lạy thật sâu. Thầy và sư cô Chân Không im lặng chứng minh. Rồi Thầy rời bàn viết, ra trước bàn thờ Bụt, ngồi xuống bồ đoàn và chỉ nệm đối diện, bảo tôi:

- Ngồi xuống đi con.

Tôi vâng lời. Vừa vén áo ngay ngắn xong thì sư cô trở vào với ba tách trà. Đặt khay xuống, sư cô thân ái ngồi bên tôi. Tim tôi đập lạc nhịp khi thấy chỉ có ba tách trà. Hạnh phúc này bất ngờ quá, làm sao xứng đáng để nhận tách trà này đây? Thầy nâng tách trước, bảo chúng tôi:

- Uống trà đi.

Rồi quay sang tôi, Thầy hỏi:

- Con thấy sáng nay thế nào?

Tôi đáp lời Thầy bằng cảm nghĩ tự đáy trái tim:

- Bạch Thầy, sáng nay con đã được thờ.

Thầy mỉm cười. Sư cô cũng mỉm cười. Còn tôi, biết rằng những giây phút hiếm quý này không biết bao giờ có nữa, nên, như những phong linh chẳng thể ngăn âm thanh lao xao khi gặp gió, bao nhiêu khổ đau trong tôi cũng tuôn trào như thế. Và Thầy từ bi lắng nghe. Lòng tôi vui dần khi Thầy nhắc khẽ: “Uống trà đi!” như Thầy từng nhắc anh Steve, một học trò của Thầy trong những năm đầu thập niên 70: “Ăn quýt đi!” dù anh đang được ngồi ăn quýt cùng Thầy mà tâm trí thì lại lan man ở tương lai xa thẳm.

Tôi vội vàng quay về giây phút hiện tại. Hơi ấm từ tách trà ngậm nga trong tôi những câu thơ của Thầy viết, có lẽ từ hơn bốn mươi năm trước:

“Sáng hôm nay
tới đây
chén trà nóng
bãi cỏ xanh
bỗng nhiên hiện bóng hình em ngày trước
bàn tay gió
dáng vẫy gọi
một chồi non xanh mướt
nụ hoa nào
hạt sỏi nào
ngọn lá nào
cũng thuyết Pháp Hoa Kinh”

Sáng hôm nay, tôi được lên Sơn Cốc, được Thầy cho một tách trà nóng, được thiền hành trên những bãi cỏ xanh; và bài thơ xưa như một cảm ứng nhiệm mầu cho tôi thấy tôi ngày trước. Ngày trước đó, chẳng phải là thời gian hạn cuộc hai mươi, ba mươi, hay bốn mươi năm trước, mà ngày trước đó chỉ là nét thảo mơ hồ của lúc mặt trời mọc hay khi trăng lên. Ngày trước đó, tôi từng là giọt nước, mãi mê đùa cùng những hạt sương tan nên đã không nghe thấy tiếng mời gọi của dòng sông:

“Hãy thôi là giọt nước nhỏ cô đơn
Hãy là dòng sông để cùng chảy ra biển lớn”

(Xóm Mới-LàngMai, An cư kiết đông 11/ 2007-02/2008)

---o0o---

Trăng sao xóm mới

Mùa đông, dù ở trời Âu hay Á, ông mặt trời cũng thường làm biếng, thức trễ lắm! Hôm nay, cũng là ngày làm biếng trong tuần, theo lịch trình tu học khóa An Cư Kiết Đông ở Làng Mai nhưng chúng tôi vẫn thức dậy rất sớm, vì đã quen rồi. Gọi là ngày-làm-biếng, chỉ có nghĩa là không phải theo thời khóa nhất định chứ chẳng ai làm biếng cả vì chúng tôi trân quý từng phút giây hiện tại. Tối hôm qua, sư cô Chân Khé Nghiêm rủ tôi sáng sớm nay đi bộ lên đồi nhỏ, đi và về khoảng hơn một tiếng đồng hồ. Đây là vòng nhỏ, còn vòng lớn thì đi gần hai tiếng mới trở về lại xóm. Các sư cô đi vòng lớn đã khởi hành trước nửa tiếng rồi. Chu vi này được hoạch định nằm trong phạm vi giới trường của thời gian khóa tu.

Tôi ra điểm hẹn là phòng điện thoại thì thấy có thêm sư cô Chân Đăng Nghiêm, đang đeo bao tay. Sư cô đến từ tu viện Lộc Uyển, California Hoa Kỳ. Tôi đã từng được gặp sư cô trước đây khi đưa người bạn từ tiểu ban khác, tới thăm Lộc Uyển. Sư cô từng là bác sỹ y khoa, nhưng khi được gặp Thầy Nhất Hạnh, cô nhận ra con đường cứu khổ mà sư cô có thể thực hiện, vượt xa ngoài phạm vi phòng mạch, thì sư cô đã quyết định xuất gia, mang Đạo Phật dần thân để trị liệu cả thân và tâm cho đời.

Sáu giờ sáng mà trời còn tối như đêm ba mươi, đêm giao thời giữa năm mới và năm cũ đối với người Tàu, người Việt chứ người Tây phương luôn nhanh chân, đón năm mới trước rồi. Những dấu mốc thời gian này do quan niệm và cái nhìn của mỗi phương. Dân tộc nào đặt ra cái gì thì trân quý cái đó. Thời gian lặng im, có nói gì đâu! Ấy thế mà có khi thì được trọng, được coi là vô cùng thiêng liêng, người người cùng nao nức chờ đón; có khi bị hất hủi rửa xả, sao không qua mau đi! Nếu thời gian có thể lên tiếng, có lẽ không thiếu chuyện để nói về sự tức cười này.

Chúng tôi cùng bước ra khỏi cổng xóm. Tôi nghe tiếng cô Đăng hỏi cô Khé:

- Có đèn pin không, sư em?

Tiếng cô Khế dịu dàng:

- Không cần đâu, mình vẫn đi vậy mà.

“Mình”, ý nói các sư cô ở Xóm Mới thường đi bộ như thế. Dù từ xa tới, nhưng với tư cách là sư chị, cô Đăng nhắc nhở:

- Tuy quen đường, nhưng trời còn tối quá, lần sau phải mang đèn cho an toàn nhé.

Cô Khế khẽ “Dạ”.

Cô Khế đi trước, tôi chậm bước, để cô Đăng đi giữa, mình theo sau cho chắc ăn.

Trời lạnh lắm! Tôi đã độ mũ len, còn phải kéo mũ áo khoác phủ lên và đeo găng tay. Tạm ổn. Nhưng trời tối mà không đèn thì chỉ còn cách vừa bước, vừa niệm Quan Thế Âm. Từ xóm lên đồi nho phải băng qua chặng đường nhỏ khá dài, giữa hai hàng cây cao. Ban ngày thì chẳng có vấn đề chi, nhưng trời tối mù thế này, rừng cây hai bên bỗng mang vẻ bí hiểm đáng ngại. Đây là với kẻ từ xa đến và nhát cáy như tôi mà thôi. Tôi không hề nhìn thấy mặt đường, cứ nương theo tiếng chân của hai sư cô mà bước theo thôi. Tôi biết, hai sư cô đang bước trong chánh niệm nên cũng giữ im lặng, quay về hơi thở, quán sát tâm hành và cảm giác an lạc đang chậm rãi đến với tôi. Bóng tối của rừng cây không còn bí hiểm nữa. Tôi băng qua đoạn đường đó không chút khó khăn.

Bỗng tôi có cảm tưởng cô Đăng đang bước chậm lại. Hình như cô chờ tôi. Quả đúng thế. Khi tôi cùng bước ngang với cô thì cô lại bước chậm hơn nữa. À, tôi hiểu rồi. Cô muốn tôi đi giữa để cô có thể canh chừng cho tôi. Trước khi rẽ vào khúc quanh của rặng cây cuối, chợt có tiếng xe hơi đang tới, rồi ánh đèn loang loáng quét nhanh trong bóng tối. Cô Đăng bước nhanh hơn, tới ngang tầm tôi, cô đẩy nhẹ tôi vào lề cỏ, và cô ở phía mặt đường. Phản ứng của cô nhẹ nhàng nhưng rất nhanh.

Cô đã làm rào cản, che chở cho tôi, nếu có gì bất trắc xảy ra.

Khi chiếc xe đã chạy qua, cô bước chậm, để lại là người đi sau.

Ba chúng tôi vẫn tiếp tục bước và hoàn toàn im lặng. Phải, chúng tôi không cần nói gì, bởi ngôn ngữ vong thân. Tình thương thể hiện dễ dàng khi lòng

đã sẵn từ bi; gào thét và hì hục đánh bóng tình thương bằng ngôn ngữ suông thì tình thương đó chẳng bao giờ có mặt. Đó chỉ là vị kỷ, giả dối!

Cám ơn sư cô Chân Đăng Nghiêm qua bài học tình thương thâm lặng mà tràn đầy, như bầu trời lóng lánh trăng sao khi chúng tôi vừa vượt qua bóng tối của rặng thông cuối.

Ừa, sao giờ này mà trăng chưa về ngủ? Nãy giờ trăng cùng đi bộ với chúng tôi đó ư? Trốn đâu kỹ mà tôi không thấy?

Từ hôm về Làng, tôi bỗng có một cái đồng hồ báo thức trong đầu, nghĩa là, dù ngủ say hay ngủ mệt, khi tôi bấm đèn pin xem giờ, đều là bốn giờ rưỡi sáng, thế mới lạ! Nhưng một lần, tôi vừa mở mắt, chưa bấm đèn mà đã thấy ánh sáng. Đó là ánh trăng dịu nhẹ len qua những ô vuông cửa kính, đang bước rất êm đềm trên sàn gỗ, lên thành giường, qua lò sưởi Tôi khe khẽ xoay đèn pin, nhìn đồng hồ. Kim chỉ đúng bốn giờ.

Tôi nằm thật im, không dám nhúc nhích, sợ trăng tan! Hai phần ba cửa kính được che bằng màn vải mỏng. Từ đầu giường tôi nằm nhìn lên, tầm mắt ở ngay một phần ba những ô kính không che màn nên không phải điều chỉnh gì mà tôi được chiêm ngưỡng ánh trăng hiện ra toàn vẹn, toàn bích ngay đó. Tôi chỉ cần nằm im trong tư thế thiền-buông-thư là thấy trăng, có trăng ngoài trời và cả trăng trong lòng.

Không cần một ngón tay nào chỉ cả.

Liên tục một tuần lễ, trăng đến với tôi như thế. Tôi cũng có ý đợi trăng nên khi mở mắt, nằm im lặng trong bóng đêm, không cần coi đồng hồ, tôi cũng biết đã bốn giờ sáng.

Khi những đối tượng thật lòng với nhau thì cảm thông thế đấy, chứ không mơ hồ, hoài nghi như một thi sỹ thời Đường:

“Sàng tiền khán nguyệt quang
Nghị thị địa thượng sương
Cử đầu vọng minh nguyệt
Đê đầu tư cô hương”

Tạm dịch:

“Đầu thềm chênh chếch bóng trăng
Loang trên thềm đất, ngỡ rằng sương rơi

Ngẩng nhìn trăng tỏ sáng người
Cúi đầu luống những bồi hồi nhớ quê”

Tôi biết rất rõ đang được trăng đến thăm. Trăng không sáng vàng vạc mà rất nhẹ, rất êm, như bước chân mẹ hiền vào thăm giấc ngủ con thơ. Hay Mẹ đang theo trăng, về với tôi? Chỉ nhìn trăng thôi mà lệ chảy, có lạ không? Lệ chảy vì trăng đang hóa thân thành Quan Âm Bồ Tát, chỉ thình lặng và lắng nghe.

Trăng ơi, có phải câu thơ pháp trên vách tường chùa Viên Thông rất thơ, rất thiền hay không:

“Khách về bỏ giờ chung trà nguội
Mới biết tri âm chẳng dễ là!”

Có lẽ, tìm tri âm khó đến thế nên Bá Nha mới đập đàn khi mất Tử Kỳ!

Đó là lòng thủy chung khi mất nhau.

Ngoài đời kia, đã và đang tiếp diễn bao cảnh huống mất nhau vì phản bội, ích kỷ, tỵ hiềm mà người trong cuộc vẫn vô minh tiếc nuối!

Sự khổ đau ở ngay nơi đây.

Đức Phật từng dạy, không ai có thể làm khổ ta, ngoài chính ta, vì hạnh phúc hay đau khổ do chính tâm ta tạo tác. Ta thất vọng, bởi ta đã từng kỳ vọng. Đối tượng do ta chọn. Kỳ vọng vào đối tượng cũng do ta mong như thế, rồi đặt vào. Tại sao ta chọn, ta mong? Bởi cái tâm mong cầu của ta nó muốn như thế, nên khi bản chất của sự việc phơi bày không như những hào nhoáng do tâm vẽ thì ta thất vọng và đau khổ.

Hãy làm người lữ khách đứng bên lề, tự nhìn giòng đời mình trôi bằng tâm tĩnh lặng, trong sáng. Lữ khách với giòng đời là hai mà một, như khi ta soi gương, bóng với hình tuy một mà hai. Nếu ta không cười, bóng chẳng thể cười, nhưng bóng sẽ chẳng hiện ra nếu ta không còn đó. Vậy thì, lữ khách kia ơi, hãy quay về bản tâm, nhìn mình cho thật kỹ đi, những khổ đau tưởng trời long đất lở mà thực chất vô thường, đáng cho ta quăng xuống lề đường hay kệ nệ gán lên vai mà đi ???

Thôi, hồi những lữ khách đang khổ lụy lần mò trong bóng tối, hãy dừng lại, thở thật sâu, bước chậm rãi, nhìn trời xanh mây trắng và ý thức là ta đang

thở, đang bước, đang nhìn bông hoa nở, đang nghe tiếng chim ca. Ta đang sống và đang làm chủ mọi cảm thọ. Ta phải thông minh để biết mỉm cười với giây phút hiện tại, nhìn cái vui cái buồn đó như đối tượng bị nhìn, chứ vui buồn đó không phải là TA; bởi vì vui buồn nào, thủy chung nào, phản bội nào, tình đầy hay nghĩa vơi nào rồi cũng qua, bằng cách này hay cách khác. Chỉ có CÁI NHẬN BIẾT những trạng huống đó là còn đó và tồn tại mãi mãi để tiếp tục nhận biết những cái đến rồi đi.

Cái-nhận-biết này chính là CÁI TA mà khi mới chào đời, Đức Thế Tôn đã bước bảy bước hoa sen rồi nói:

“Thiên thượng thiên hạ
Duy ngã độc tôn”

Ấy thế mà ta thường không biết trân trọng bản chất cao quý sẵn có đó, lại chạy theo những cái chưa từng thực có, chỉ là sản phẩm của tâm vọng tạo ra, rồi bám chặt, giữ kỹ, nên khi bị hư hao hay bị kẻ khác cướp đoạt mất thì khổ đau, tủi hổ!

Thôi,
Lữ khách kia ơi,
Hãy chào vĩnh biệt những khổ đau.
Hãy chào vĩnh biệt những kẻ làm ta khổ đau.
Hãy chào vĩnh biệt những hoài vọng quá khứ.
Hãy chào vĩnh biệt những mơ tưởng tương lai.

Rồi hãy nhận biết là ta đã dừng lại. Ta đang đứng trên mặt đất. Ta cảm nhận bàn chân ta đang tiếp xúc với thảm cỏ. Mắt ta đang nhìn những bông hoa dại nhỏ xíu, mỉm cười với ta. Tai ta đang nghe tiếng đôi chim thăm hỏi, đậu trên cành sấu đông trĩu lá. Và vàng trắng trên cao, thật xa, xa tít tận phương nào còn ân cần trở về ô vuông cửa kính của căn phòng nhỏ hẹp để lắng nghe ta, ôm ấp ta, nhắc nhở ta những vô thường tưởng là thường, vô ngã tưởng là ngã, khổ tưởng là lạc, không tưởng là tịnh.

Vậy mà ta còn chưa biết thương ta ư? Đó có phải là chân dung của kẻ-cùng-tử, vừa choàng tỉnh dậy sau giấc mộng dài!

Ngoài kia còn nhiều khổ đau lắm! Lữ khách ơi, hãy mang sự chuyển hóa - dù nhỏ nhoi - mà chia xẻ để cùng trị liệu những vết thương. Người cho và người nhận sẽ truyền năng lượng lẫn cho nhau. Lữ khách sẽ có thêm nhiều đồng hành, và trên con đường chuyển hóa, chúng ta sẽ gặp thêm nhiều đồng

hành nữa. Từng bước, chúng ta sẽ cho và nhận, rồi nhận và cho, như ánh sáng những ngọn nến, nó tỏa chiếu chính nó và tỏa chiếu lẫn nhau.

Nhiều ngọn nến sẽ xóa tan bóng tối.

Cám ơn Trăng Xóm Mới đã đậu bên ô cửa, chia xẻ và lắng nghe. Cám ơn trăng đã rủ thêm muôn sao lấp lánh theo bước chân thiền hành để những sáng mùa đông không còn lạnh lẽo. Ta có mặt cho nhau, thế đã là quá đủ. Cảm nhận được nguồn năng lượng kỳ diệu của Im-Lặng-Bát-Nhã mới thấy thương những vọng động của ngôn-ngữ-vong-thân.

“Ta vẫn còn đến, đi thông dong
Có, không, còn, mất, chẳng bản khoản
Bước chân con hãy về thanh thản
Không tròn, không khuyết, một vầng trăng

Gió vẫn còn bay, con biết không?
Như mưa xa tiếp áng mây gần
Hạt nắng từ cao rơi xuống thấp
Cho lòng đất thấy bầu trời trong” (*)

Biết rằng trăng này tỏa sáng muôn nơi, vào ra ba cõi, chẳng thuộc riêng ai, nhưng trăng đã đến cùng tôi những phút giây màu nhiệm, khiến tôi thấu hiểu và cực kỳ rung động khi cất tiếng ngâm những câu thơ trên, nên tôi nghe trong tôi thâm thi: “Cám ơn Trăng Sao Xóm Mới”.

(Tháng hai 2008 – Xóm Mới, Làng Mai)

() Thơ: Thiên-sư Nhất Hạnh*

---o0o---

Hồ sen và ao rau muống

Trong thời khóa của Làng Mai, mỗi tuần có một ngày gọi là ngày-làm-biến. Thật ra, trong ngày đó, các sư cô thường siêng năng hơn mọi ngày khác, nhưng cái tên gọi dễ thương này chỉ vì ngày đó không có thời khóa cho đại chúng, ai muốn làm gì tùy ý, miễn không đi ra ngoài nội quy, giới luật và giới trường.

Đã quen thức dậy lúc bốn giờ sáng nên dù là ngày-làm-biếng, tôi cũng chẳng thể ngủ thêm. Năm giờ, tôi vẫn ra khỏi phòng. Toàn xóm còn chìm trong tĩnh lặng, kể cả ông mặt trời. Ông mặt trời không chỉ làm biếng một ngày trong tuần mà hình như ông làm biếng suốt mùa đông. Không sao, tôi rất thích thiền hành một mình khi trời còn mờ tối như thế.

Ra khỏi phòng ăn, qua Phật-đường, qua thiền đường Mây Thong Dong, tôi rẽ phải. Tới lối đi trái sỏi, tôi rẽ trái, hướng về Thiền-Đường-Lớn. Dù tôi bước rất nhẹ vẫn làm những viên sỏi thức giấc. Âm thanh lao xao cho tôi biết những viên sỏi đang vui vẻ cất tiếng chào người thức sớm chứ không phải chúng cầu nhau vì mất ngủ. Cảm ơn những viên sỏi đẹp đẽ.

Qua Thiền-Đường-Lớn, tôi đi sang phải, vòng qua hồ sen.

Tôi dừng lại nhìn mặt hồ. Không nghe thấy tiếng chào nào của những gương sen đã khô từ mùa sen năm trước nhưng tôi biết chúng còn đó. Khi xuống sinh hoạt ở Xóm Mới, trên đường dẫn chúng thiền hành, thỉnh thoảng Thầy cũng dừng trước hồ sen này. Không biết Thầy thấy gì?

Riêng tôi, dưới ánh sáng ban ngày, tôi nhìn những gương sen khô, cúi đầu trên cọng gậy khẳng khiu như những chứng nhân của lịch sử. Những chứng nhân lặng thinh nhưng vẫn biểu hiện sự hoành tráng rực rỡ cũng như sự điêu tàn khổ lụy của ngày qua; như thêm rêu bên hiên chùa cổ có nói gì đâu, nhưng nhìn những bực đá rêu phong bao mùa mưa nắng đó, khách lãng du nào mà không bùi ngùi, chạnh lòng tưởng tới bao bước chân tiên nhân đã in dấu nơi đây?

Có ai chối bỏ được lịch sử không? Có ai nhìn những gương sen khô hôm nay mà phủ nhận đó chính là những đóa sen ngát thơm mùa trước? Trong một bài pháp thoại ở thiền đường Hội Ngàn Sao, Xóm Hạ, vào ngày-quán-niệm, Thầy nhắc lại sự quán sát bông sen để giảng rộng hơn về sự vượt thoát những nhận thức hạn hẹp, sai lầm. Nhìn bông sen đầu tiên nhô lên khỏi mặt hồ, phải thấy, nó không phải chỉ là một bông sen, mà nó còn là bùn, đất, nước, ánh nắng và tất cả mọi chất từ hồ sen. Nhìn bông sen mà thấy cả hồ sen mới thực sự thấy bông sen. Khi nhìn được bông sen chứa đựng cả hồ sen thì hãy quay lại, quán sát cái TA, thấy thực chất không phải ta chỉ sinh ra từ khi lọt lòng mẹ mà TA ĐÃ SẴN từ muôn vàn yếu tố trong vạn hữu, để nhìn ra những ý niệm sai lầm về luân hồi.

Ta không đang luân hồi khắp cõi vì chính ta là khắp cõi.

Bông sen còn chứa đựng cả hồ sen thì cỗi Ta-bà cũng chứa đựng mọi cỗi khác. Nhìn sâu tự thân năm uẩn để thấy ta chính là mọi cỗi thì không còn cỗi nào cần vượt thoát nữa!

Chính khi đó, ta đã thoát!
Vì ta không còn nhu yếu vượt thoát nữa!

Đứng một mình bên hồ sen Xóm Mới trong buổi sáng trời còn mờ tối, tôi miên man nhớ lại những lời giảng thâm sâu mà tôi vừa lãnh hội được. Tôi ngược nhìn trời, thở thật sâu. Cả khung trời mênh mông chỉ có một Vì Sao. Vì Sao này ngủ muộn hay thức sớm, nào ai biết! Nhưng một cảm giác rất mạnh vừa dấy lên trong tôi là tôi thấy như Vì Sao đó đang nhìn tôi, mỉm cười. Chẳng phải chỉ cười nhẹ bằng miệng mà còn kín đáo cười bằng mắt nữa! Ô, hình ảnh này thân quen quá! Ai rứa? Ai rứa hỉ? Tôi nhắm mắt, lắc nhẹ đầu. Khi mở mắt, Vì Sao không còn đó nữa! Vì Sao đã bay về phương trời nào rồi, chỉ còn âm hưởng mơ hồ phẳng phất hơi sương:

“Tịnh Tâm sen nở thơm mùi đạo
Tây-Linh khuôn hội chốn môn thiên” (*)

À, thì ra nụ cười kín đáo bằng mắt, tôi tưởng nhìn thấy từ Vì Sao muộn chính là nụ cười của vị ni-sư trụ trì chùa tây Linh ngoài Huế. Ni-sư nhận lời mời qua Làng Mai tham dự Đại Giới Đàn Thanh-Luong-Địa và sau khi Đại Giới Đàn hoàn mãn thì ni sư đã trở về Việt Nam ngay vì bao nhiêu việc từ thiện đang chờ.

Thời gian ni-sư Như Minh ở Làng Mai, tuy rất ngắn ngủi nhưng đã để lại trong lòng tôi những dấu ấn đậm nét. Khoảng một tuần trước khi Đại Giới Đàn khai mạc, các sư cô ở Xóm Mới vui mừng dọn dẹp căn phòng âm cúng dưới lầu thiền đường Mây Thong Dong để đón tiếp ba ni-sư từ Việt Nam sang. Đó là sư-thầy Đàm Nguyễn từ Hà-Nội, ni-sư Như Minh và ni-sư Từ Nhu từ Huế. Tôi đoán, có lẽ đây là ba vị ni thượng thủ vì các sư cô Xóm Mới không chỉ bận rộn chung dọn phòng mà còn sắp đặt các thị giả luân phiên theo hầu quý ni sư trong thời gian ba vị ở đây.

Một vài ngày đầu, khi đến giờ thọ thực, các sư cô thị giả dọn thực phẩm trên bàn dành riêng, trong phòng ăn rồi mới mời quý ni-sư ra dùng bữa. Nhưng sau đó, có lẽ nhận thấy sự trang trọng khách sáo quá nên khi chuông báo giờ ăn, quý ni-sư cũng ra xếp hàng lấy thức ăn như đại chúng. Ai thấy quý ni-sư ra, cũng lùi lại, nhường chỗ nhưng các vị nhẹ nhàng khoác tay, đứng theo tinh thần ai tới trước, đi trước. Tuy nhận được sự thân ái đó nhưng năng

lượng Từ Bi và Đạo Hạnh của quý ni-sư tỏa ra quá lớn khiến ai cũng rụt rè, không dám ngồi cùng bàn (mỗi bàn 4 người, hai bàn kê sát là 8 người). May thay, tình trạng xa cách đó không lâu, sau khi chúng tôi được đến phòng thăm quý ni-sư, được gần gũi và chia sẻ đạo tình. Sư thầy Đàm Nguyễn người Bắc mà hát bài “Răng Ri Rứa” thiệt là Trung; ni sư Từ Nhu người Trung mà ngọt ngào “Vào cả đây, ngồi đây đi, các em, ngồi gần nhau cho ấm” thiệt là Nam; ni-sư Như Minh người Trung mà làm thơ đủ cả ba miền. Chẳng những ni-sư thuộc thơ mình mà còn thuộc thơ nhiều thi sỹ khác nữa. Trong Bài Tựa cho tập thơ Dấu Ấn Thời Gian của ni-sư, Sư Ông Làng Mai có chia sẻ “Ni-sư làm thơ rất dễ dàng, như lấy vắn trong túi áo ra”. Ai ngờ, sau nhân dáng kín đáo, nhu hòa của vị nữ tu còn ẩn dấu cả một kho tàng thi ca đạo vị như thế. Kho tàng đó không chỉ long lanh tài hoa nghệ sỹ mà còn giàu có vì lòng Từ Bi, ngược xuôi trong bùn lầy nước đọng khổ đau.

Ni sư xuất gia từ năm mười bảy tuổi với sư-bà Thê Quán, là người có trái tim Bồ Tát, phát nguyện xả hết thân tâm vào các công tác xã hội từ thiện. Ni-sư đã nhận được hạt giống đó ngay những ngày đầu xuất gia và tưới tắm không ngừng trong suốt cuộc hành trình tải đạo giúp đời. Quê nghèo đùm bọc chùa nghèo, chùa nghèo lại đùm bọc dân nghèo. Suốt thời làm Điều, cảnh bữa cơm bữa cháo hay công phu chiều với cái bụng rỗng là chuyện thường. Nhưng ni-sư chia sẻ là không hề buồn khổ vì nghèo đói mà chỉ buồn khi chứng kiến chúng sanh khổ mà thôi. Ngay khi thấy chuột đói, kiến đói, Cô Điều nhỏ cũng sốt bốt vài muống cơm cho chúng, hướng chỉ thấy người đói khổ! Tâm Từ Bi có hay không là thể hiện tự nhiên từ những việc rất nhỏ “Anh tu cho bạc tóc mai. Sao bằng em lượm cái gai giữa đường!” Thấy cái gai giữa đường, người có tâm từ bi sẽ tự động cúi nhặt để người sau, lỡ không thấy mà dẫm vào thì khổ! Chớ tu tới bạc tóc mà chỉ cầu giải thoát cho mình, e rằng chưa đi đúng đường Phật dạy!

Ngôi chùa nhỏ giữa làng quê nghèo chỉ có mẫu đất trồng các loại rau cải, bầu bí và một ao thả rau muống là những hoa màu có thể đổi ra gạo muối nên Cô Điều nhỏ phải tận dụng sự thông minh khi làm việc. Chẳng hạn, tới ngày hái rau muống, thay vì cứ thong thả hái, thong thả cột thành từng bó rồi thuê một chuyến xe ba bánh chở ra chợ thì Cô Điều đã thức dậy khi trời còn mờ tối, xắn ống quần, cột hai vạt áo nhật bình quanh bụng rồi lội xuống ao. Mới lội xuống, nước ao lạnh buốt làm cô rùng mình, nhưng vì cô ra sức hái cho nhanh nên không thấy lạnh nữa. Lên bờ ao, cô cũng cố cột thật nhanh, bó thì to, bó thì nhỏ, cột sao cho kịp chắt rau thành đồng bên lề đường để những bạn hàng ra chợ sớm nhìn thấy, sẽ mua cho. Như thế, Cô Điều sẽ không phải tốn khoản tiền thuê xe chở rau và cũng không mất thì giờ đi giao

rau cho bạn hàng ngoài chợ. Tiết kiệm được đồng nào, cô thừa với Sư Bà, xin mua kẹo bánh hay tập vở cho lũ trẻ nghèo trong làng.

Suốt phần đời tu hành đã trải qua, ni-sư Như Minh luôn sống trong tinh thần Ba Y Một Bát, mang hạnh-Bồ-Tát, hạnh-vô-úy vào đời cứu khổ chúng sanh. Năm Mậu Thân, một mình ni-sư đã chôn cất mười ba thi thể vô thừa nhận trong cuộc biến bi thảm của dân tộc. Cho đến bây giờ, nhiều người dân thành nội Huế cũng không thể quên hình ảnh một ni-cô trẻ, can đảm đi giữa vùng đất chết, niệm Phật cầu siêu cho những oan hồn bất hạnh, rồi bằng những phương tiện eo hẹp nhất như tấm vải cũ, manh chiếu rách, ni-cô đã lạng lẽ tầm liệm, chôn cất họ.

Lòng Từ như biển cả, mà biển cả thì có bao giờ cạn nên tiếng kinh, tiếng mõ chưa từng ngừng âm vang tới mọi nơi cùng khổ. Lũ lụt, mất mùa, tật bệnh, chiến tranh, chết chóc, đói nghèo không nơi đâu có thể đến mà thiếu vắng bước chân của người sư-nữ pháp danh Như Minh.

Chỉ cần bạn hội đủ duyên được ngồi với ni-sư năm, mười phút, bạn sẽ cảm nhận đầy đủ năng lượng Từ Bi, An Lạc tỏa sáng một cách rất tự nhiên. Thế nào ni-sư cũng xuất khẩu thành thơ về một đề tài nào đó, rồi xen kẽ là tài kể chuyện vui. Thường là những mẩu chuyện ý nhị, đăng tải trên các tạp chí, cho dù bạn có đọc qua rồi, nhưng khi kể lại, nghe và nhìn ni-sư hồn nhiên diễn tả như một kịch sỹ độc diễn các vai, bạn sẽ bị cuốn hút vào câu chuyện một cách vô cùng hấp dẫn! Chưa hết, khi bạn còn đang thích thú, ôm bụng cười thì ai đó, bỗng vô tình hỏi về một chuyện đi, ni-sư thể hiện hạnh-vô-úy bằng lời bình thản: “Ồ, hôm đó ư? Đi cứu trợ về đến Đầm Dơi thì ò chết máy. Các em đi theo đoàn cứu trợ lo sợ cuống cuống, cô đã trấn an là đừng sợ, đêm nay cô sẽ đãi các em nghỉ ở khách sạn Ngàn Sao. Các em ngỡ ngác vì chỉ nghe 5 sao là sang lắm, cũng chưa từng được tới. Đêm nay, ò chết máy, lênh đênh trên sông nước, chỉ mong vào được bờ an toàn mà cô nói sẽ nghỉ ở khách sạn Ngàn Sao là ở đâu? Cô bèn chỉ lên bầu trời đầy sao sáng và bảo, ngàn sao kia kia, các em không thấy ư? Các em đừng lo, đừng sợ vì Chư Phật, Chư Bồ Tát sẽ che chở cho chúng ta”.

Và ni-sư đọc ngay bài thơ Khách Sạn Ngàn Sao:

“Đoàn cứu trợ đi lên Quách Phẩm
Về Đầm Dơi vừa lúc thuyền hư
Giữa bưng biển, nhà cửa lưa thưa
Dừa nước, dừa xiêm trên bờ rủ bóng

Đoàn người đi, lòng đang nôn nóng
Khách sạn ngàn sao chờ đón đêm nay” (*)

Bước chân ni-sư in dấu khắp mọi nơi cùng khổ, thấp thoáng qua những vần thơ chia xẻ:

“Thiên tai tàn phá Trường Sơn
Nhà tan cửa nát xót thương dân nghèo
Đường đi cách trở cheo leo
Vượt qua ba thác hiểm nghèo gian nan
Đến Hồng Sơn, qua Tân Sơn
Long Liên Sơn đến Xuân Sơn năm làng
Bà con đói rách lâm than
Từ bi không ngại vượt ngàn băng sông ...” (*)

“Giã từ Lục Sơn, Quảng Bình, Lệ Thủy
Một chặng đường gửi lại mây vần thương
Thiên tai làm tan nát quê Hương
Tay trắng dân lành cơm không đủ bữa ...” (*)

“Hỡi các bà con ở vùng lũ lụt
Rạch Giá, Kiên Giang cùng với Cà Mau
Tôi đến đây, lòng tràn ngập niềm đau
Khi thấy bà con màn trời chiếu đất ...” (*)

“...Quảng Trị, Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Ngãi
Nào Phú Yên, Bình Định đến Quảng Nam
Bao dân lành thiếu áo, thiếu cơm ăn
Thiếu thuốc men, thiếu chiếu chăn đắp ấm!
Xin bà con hãy vì tình đồng loại
Xin thương nhau, giúp đỡ lúc tai nạn
Từ bi, bác ái cần thiết vô vàn
Mong tất cả góp bàn tay cứu khổ” (*)

Theo dấu chân ni-sư như theo dấu chân Bồ Tát, biết đến bao giờ là chặng cuối khi cỡi ta-bà còn vô minh, tạo nghiệp chập chùng?! Ngay sát ngày lên đường sang Pháp dự Đại Giới Đàn mà ni-sư còn miên man công việc trong các trại cùi, suýt trễ cả chuyến bay!

Vị ni-sư ngồi hàng đầu phía ni-chúng trong Đại Giới Đàn đó, thường kín đáo mỉm cười với tôi bằng ánh mắt thân thương mỗi khi tình cờ gặp ở nhà ăn

hay lúc thiền hành. Tôi cũng cảm thấy gần gũi quá, như đã từng gặp ở kiếp nào! Một buổi tối, tôi ra cột điện thoại bên ngoài, gọi về chùa ở Long Beach. Trời tối lắm, tôi phải mang theo đèn pin để bấm số. Đang nói chuyện với sư-huynh, chợt nghe tiếng chân sột soạt trên lối sỏi. Nghĩ là có người chờ máy, tôi bèn ngắt gọn thăm hỏi sư phụ và huynh đệ trong chùa rồi cúp máy. Ra ngoài, bước chân ai đó theo tôi ra tới vùng ánh sáng trước niêm-Phật-đường. Tôi kinh ngạc khi nhận ra đó là ni-sư Như Minh. Và càng sững sốt hơn khi ni-sư trao tặng tôi tập thơ Dấu Ấn Thời Gian với giòng chữ đề tặng rõ ràng!

Giữa đại chúng đông đảo, tôi đến Làng Mai dự khóa tu, như một chú tiểu mới để chỏm vào chùa, sao ni-sư lại biết tên và còn đặc biệt quan tâm?

Câu hỏi áy náy trong lòng bấy lâu, bỗng không còn là câu hỏi nữa khi tôi vừa tiếp xúc được với nụ cười và ánh mắt của Vì Sao sáng nay. Đúng là ánh mắt và nụ cười của ni-sư Như Minh. Tôi tin chắc, giờ phút này, bên kia trời quê hương, ni-sư cũng đang đứng trước ao rau muống năm xưa, nhìn bùn đọng bờ ao mà chợt nhớ hồ sen Xóm Mới. Còn tôi, một mình đứng trước hồ sen Xóm Mới mà chạnh nhớ người từng lặn lội dưới ao! Sự liên tưởng này của tôi, có lẽ từ bài pháp vừa qua, Thầy nhắc về sự quán sát, nhìn bông sen phải thấy cả hồ sen mới là thấy bông sen. Nhìn tự thân phải thấy được cả tổ tiên, ông bà, cha mẹ và bao tiền thân đang có mặt trong ta. Biết đâu, trong kiếp tiền thân nào, tôi đã từng là thị giả của ni-sư?

Tôi đang đứng trước hồ sen Xóm Mới, hướng lòng thương quý về ni-sư Như Minh đã khiến tôi nhìn hồ sen mà thấy ao rau muống xanh tươi, nơi đó, vị nữ tu thời thơ ấu từng cần mẫn hái rau, chính là hiện thân bông sen quý. Bông sen từng nở giữa ao rau muống là Đóa-Sen-Quan-Âm không ngừng lắng nghe và cứu khổ, đem hương thanh khiết chuyển hóa nhiễm ô, như Bồ Tát có mặt những nơi khổ đau để cứu giúp, không xá chi kẻ khổ đau đó là phe nào, nhóm nào! Vì khi đã khổ đau, mọi khác biệt về ý-thức-hệ-đều trở thành mẫu số chung, mẫu số đắm lệt của những tiếng kêu thương giữa biển lửa vô minh sân hận.

Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát.

(Tháng hai/2008, Xóm Mới-Làng Mai)

() Thơ: Thích nữ Như Minh.*

Đòi gió thơm

Trời vừa hửng đông. Những vệt mây hồng quét ngang khung trời mờ sương như báo hiệu một ngày nắng ấm. Ông Mặt Trời ơi, chúng tôi cần nắng để phơi quần áo, xin ông ở chơi lâu lâu một chút nhé! Sau mấy ngày đón Tết, trà thơm và bánh mứt còn nhiều đây, xin ông cứ nhả nha uống trà, ăn bánh, đừng vội đi, cũng đừng vội rủ các bác Mây Đen, Mây Xám tới đe dọa. Xin cho chúng tôi thêm mấy ngày khô ráo rồi ông có rủ thêm cụ Mưa tới chơi, chúng tôi cũng chiên bánh chưng đãi khách.

Vừa ra sân phơi quần áo, tôi vừa nói chuyện với ông Mặt Trời như thế. Tôi thức dậy sớm lắm, giặt giũ và phơi phóng xong mà chưa tới bảy giờ. Những ngày trời âm u thì giờ này còn tối nhưng hôm nay ông mặt trời không ngủ nướng nên không gian quanh tôi như sáng sủa, quang đãng, tươi vui hơn. Vậy mà các sư cô đâu cả? Tôi biết, các sư cô cũng không quen thức trễ đâu, nhưng sau mấy ngày Tết bận rộn, vui chơi, các xóm đang được làm- biếng nên chẳng thấy ai ra ngoài!

Phơi quần áo xong, tôi pha cho mình một ly trà, ngồi nhâm nhi một mình trong phòng ăn. Khóm trúc trước Niệm-Phật-đường xanh mướt như vừa tắm gội. Bãi cỏ chạy dài tới ngọn đồi xa cũng đang nhảy nhót với tia nắng đầu ngày. Sao tôi lại ngồi thu mình trong căn phòng ăn thế này nhỉ? Dấu hỏi chưa dứt trong đầu, chân đã di chuyển. Tôi vẫn chưa thường xuyên áp dụng được đủ tứ-oai-nghi để luôn có sự chậm rãi, an nhiên! Thỉnh thoảng, tôi vẫn bắt gặp mình hấp tấp.

Ừ, thì nắng ngoài kia đẹp quá! không gian tĩnh lặng quá! ta sẽ thiền hành một mình. Nắng còn đó, ta còn đây, cố chi mà vội!

Ra khỏi phòng ăn, tôi hướng về gác chuông. Thảm cỏ mát lạnh dưới chân, gió thoảng trên vai, nắng đùa trên áo. Qua tháp chuông, tôi rẽ vào đường Thiền. Đây là những con đường nhỏ xen giữa những hàng thông thẳng tắp, dẫn lên ngọn đồi thấp. Tôi đặt tên những con đường này là đường Thiền. Cái tên này chẳng phải chỉ vì khi tới Xóm Mới, Thầy thường dẫn chúng thiền hành, mà còn vì tự thân, những con đường này, đối với tôi, rất “thiền”. Đường phủ ngập lá phong khi tới mùa lá rụng và lấm tấm hoa dại khi lá chuyển thành đất, nuôi hoa. Khi thiền hành, tôi thường quan sát những bông hoa trắng, tím, vàng, nhỏ li ti. Đoàn thiền hành hàng trăm người chậm rãi bước tới mà tôi không hề nhìn thấy sự run sợ nào từ hoa. Trái lại, mỗi bông hoa đều như cố vươn cao lên, mỉm cười chào đón những bước chân thiền

hành, không bận tâm là có thể vô tình, những bước chân kia sẽ dẫm hoa tan nát! Hoa đang dâng hiến trọn vẹn một kiếp để làm đẹp cho đời, dẫu có bị dẫm nát thì hoa lại thành đất, ấp ủ những hạt mầm còn nằm sâu dưới kia. Có lẽ biết như thế nên hoa đã sống xứng đáng với thiên chức, từ nụ hàm tiếu tới lúc rụng tàn.

Thiếu gì con người đã bất xứng khi chưa mãn kiếp!

Theo đường Thiên, tôi thông thả lên đồi. Đây là ngọn đồi thấp với bãi cỏ xanh non, trồng trái. Tôi đặt tên cho ngọn đồi này là Đồi Gió Thơm vì khi nào đoàn thiền hành lên đến đỉnh đồi, gió cũng ghé thăm và tặng hương thơm kỳ diệu của đất trời. Hương rừng thông, rừng mật, rừng mai, hương lá phong, hương cỏ non ... tất cả hài hòa thành hương gió thơm.

Ngày nào không có thời khóa phải đi tới xóm khác, tôi đều tìm được cho mình những giây phút hạnh phúc, thanh thản chậm bước trên đường Thiên, lên đồi Gió Thơm. Ở đó, trên là trời, giữa là ta, dưới là đất, và bao quanh là không gian bát ngát, lặng thinh. Đường lên Thiên Thai của hai chàng Lưu Nguyễn ngày xưa không thể tuyệt vời hơn vì Thiên Thai còn vui khi gặp, còn buồn khi xa; mà vui buồn là những ràng buộc khổ lụy.

Đồi Gió Thơm chỉ có thanh thoi, an lạc, đến như chẳng hẹn, đi như chẳng rời, chỉ tiếp xúc với phút giây hiện tại và biết rõ ta đang thở, ta đang sống, thiên nhiên màu nhiệm đang ôm ấp ta, đang đẩy lui những vướng mắc khổ lụy vô thường. Gương-tâm-ta đang cùng với thiên nhiên mà sáng trong. Ta đang nhận biết như thế.

Ta và cái-nhận-biết đang là một.

Đây là Phật tánh.

Nhận biết như thế, như vậy, không thêm không bớt, không sạch không dơ, không trong không ngoài ...

Thên thang Bát Nhã!

Tôi chọn chỗ bằng phẳng, khoanh chân ngồi bán già.

Từ trên đỉnh đồi nhìn xuống, trước mặt là Xóm Mới, bên phải là ruộng nho, bên trái là rừng táo, đằng sau là rừng thông, xa tít tắp mênh mông là nhấp nhô đồi núi ...

Để gì có được phút giây một mình, thực sự một mình với thiên nhiên tĩnh lặng thế này. Phải có được những khoảnh khắc lắng sâu, quay nhìn bản tâm, thực chứng cái nhỏ nhoi vô thường của thân phận mới biết coi nhẹ những thị phi và tâm địa ác độc thế nhân mà tha thứ. Mình chỉ như hạt bụi, không biết làn gió sẽ thổi bay hướng nào thì xá chi chút tơ vương, rồi cũng rơi rụng chốn hồng hoang ...

Hạnh phúc ngay giây phút này đây, lòng thanh thản giữa bao la trời đất, chỉ có mình ta cùng thiên nhiên, tưởng như ngọn gió này chỉ vì ta mà tới, ánh nắng này chỉ vì ta mà ấm, hương rừng này chỉ vì ta mà thơm, tiếng chim này chỉ vì ta mà hót, đóa hoa này chỉ vì ta mà nở Vạn hữu mệnh mông kê sao cho xiết!

Có phải tôi đang giàu có quá không? Đúng thế, tôi đang giàu có biết bao! Đất trời đang ôm tôi và tôi đang ôm cả đất trời. Tổ tiên trên đỉnh đầu. Cha ngồi bên vai phải. Mẹ ngồi bên vai trái. Tôi ngồi như thế, thờ nhẹ nhàng và thờ thật sâu. Hương trời bắt tận cùng êm ái vào theo hơi thở.

Nắng ấm đậu trên mi mắt khép hờ.

Và tôi biết, tôi đang thực chứng “Mặt trời trong hạt cải”

Cám ơn đôi Gió Thơm trong buổi sáng vàng nắng.

(Tháng hai, 2008 Xóm Mới-Làng Mai)

---o0o---

Nhất tự vi sư

“Nhất tự vi sư. Bán tự vi sư”. Ai từng cắp sách đi học, dù có học chữ Hán hay không, thế nào cũng từng được một lần nghe câu đó. “Một chữ cũng là thầy. Nửa chữ cũng là thầy”, ý nói, người dạy ta, dù ít dù nhiều, ta đều phải tôn kính là thầy.

Thuở xưa, khi còn là thời của những cụ đồ nho, trao truyền chữ Hán cho học trò, thầy thường nghiêm minh lắm! Với lứa học trò nhỏ, lớp học không thể thiếu cái roi mây để răn đe những trò lười biếng. Với lớp tuổi lớn hơn chút thì cái roi mây dùng để đập mạnh xuống sàn, cùng với tiếng quát “Ra kia, quỳ xuống!” khi trò không thuộc bài! Thầy càng nghiêm khắc thì trò càng

mau tiến bộ, và cha mẹ học trò thường thành tâm, khúm núm ôm trái dưa to nhất giàn, bó rau tươi nhất vườn, củ khoai ngọt nhất luống, mà họ chăm sóc, chờ ngày mang biếu thầy để tỏ lòng biết ơn.

Thời đó đã xa, ơn nghĩa và tình thầy trò nay đã khác, do môi trường và hoàn cảnh nên hình thức biếu lộ cũng khác theo.

Ấy thế mà trong thời gian an cư kiết đông ở Làng Mai, chúng tôi được sống lại với tình thầy trò xa xưa ấy.

Một, trong ba vị ni sư được mời từ Việt Nam sang dự Đại Giới Đàn là sư thầy Đàm Nguyên đã tình nguyện dạy chữ Hán cho những ai muốn học. Thời khóa của chúng tôi đã đầy kín nên muốn dự lớp này, chúng tôi phải thu xếp để có mấy tiếng đồng hồ vào sáng thứ hai, tức là ngày-làm-biếng, và buổi chiều thứ năm, sau khi hoàn tất ngày-quán-niệm.

Thầy đã sẵn sàng dạy, lý nào trò lại chưa sẵn sàng học. Lớp học này, cả thầy lẫn trò đều tự nguyện nên thoải mái lắm!

Địa điểm thầy trò cùng đồng ý là thiền đường Mây Thong Dong, ở trên lầu, xa khu nhà ăn, nhà bếp nên rất yên tĩnh.

Buổi học đầu có khoảng hơn hai mươi sư cô, như sư cô Trình Nghiêm, Nhân Nghiêm, Khiết Nghiêm, Trang Nghiêm, Thượng Nghiêm, Tạng Nghiêm, Hành Nghiêm, Hương Nghiêm, Duệ Nghiêm, Huệ Hạnh, Liên Thanh v.v... Chúng tôi trải bồ đoàn, ngồi ngay ngắn, ôm tập, bút rồi nhìn nhau. Học chữ Hán, chắc chắn phải học viết nữa, không có bàn, làm sao viết? Chữ Việt còn viết thảo, viết ngoáy được chứ chữ Hán chưa biết đầu vào đâu mà viết ngoáy, chỉ thiếu hay sai một nét là sai hẳn nghĩa, nhiều hy vọng ăn roi mây ngay!

Vấn đề bảng thì dễ hơn vì chúng tôi có thể xử dụng cái bảng nhỏ, vẫn dùng để ghi những thông báo sinh hoạt. Cái bút để Sư Thầy viết bài cũng là loại bút mực dùng cho loại bảng đó. Nghĩa là lớp chữ Hán tùy cơ ứng biến, có gì xài nấy! Tội nghiệp Sư Thầy, khi viết bài cho trò, thầy gần như phải quỳ xuống vì cái bảng chỉ có thể kê trên hai cái ghế, chứ kê cao hơn cho vừa tầm người đứng thì không an toàn.

Buổi đầu tiên, tôi tưởng sẽ được học câu “Nhân tri sơ là sờ tí mẹ. Tính bản thiện là miệng muốn ăn”, nhưng không phải! Bài đầu tiên là học đọc và viết

từ một đến mười, rồi sẽ suy ra từ mười một đến mười chín, rồi từ hai mươi đến chín mươi chín, rồi một trăm, một ngàn, một vạn, một ức ...

Học trò phân khởi lắm, vì cảm thấy tương đối dễ. Nhất là một, nhị là hai, tam là ba, thập nhất là mười một, thập nhị là mười hai, nhị thập là hai mươi, tam thập là ba mươi, cửu thập là chín mươi

Khi Sư Thầy viết xong bài lên bảng, thầy phán:

- Cần cái thước dài.

Chúng tôi nhìn nhau, trong mắt ai cũng có hình bóng cái roi mây. Sợ quá! Có lẽ, cũng tâm trạng này nên sư cô Trình Nghiêm chạy quanh một lúc rồi mang về một cái que ... ngắn ngắn! Sư Thầy bảo:

- Không được! Phải dài hơn mới chỉ từng chữ cho mà đọc được.

À, ra thế, cái thước dài để chỉ chữ cho đọc chứ không phải để đánh cho đau. Yên tâm thế rồi, sư cô Liên Thanh nhanh nhẹn đứng dậy, tìm ra ngay một cái thước dài, không khó khăn gì!

Sư Thầy chỉ thước vào từng chữ, trò đọc theo thầy, vang vang thiền đường Mây Thong Dong. Lúc đó, nếu có đám mây nào bay ngang, chắc mây cũng cảm thấy hào hứng mà đọc theo.

Khi bắt đầu chép bài trên bảng vào tập riêng, chúng tôi giải quyết vấn đề bàn viết bằng cách quỳ nửa người trên sàn để cái sàn trở thành cái bàn thì mới viết được. Khi nhìn chúng tôi hý hoáy, bặm môi, trợn mắt viết trong tư thế như vậy, chắc Sư Thầy buồn cười và cảm động lắm!

Đang viết ngon lành được nửa bài thì tôi bỗng có cảm tưởng cái lưng tôi đang được sư cô ngồi sau biến chế thành ... cái bàn! Ôi trời ơi, thật là một sáng kiến độc đáo.

- Thì đằng nào sư cô cũng đang nằm bò rồi, cái lưng để uông làm chi, trở thành cái bàn có ích lợi hơn không?

Nghe hữu lý như thế, cái lưng nào phía trước mà từ chối thì thật là ... vô lý! Nên dãy lưng của học trò hàng đầu, lập tức thành bàn viết của học trò hàng thứ hai; và dãy lưng hàng thứ hai trở thành bàn viết của học trò hàng thứ ba. Chỉ học trò ngồi hàng đầu là phải ... hy sinh thôi! Tôi ở trong đoàn người

dũng cảm hy sinh này vì đôi mắt đã mờ huyền (mờ), luôn ngồi phía trước để nhìn cho rõ chữ.

Rất tiếc, chúng tôi không mang máy hình lên lớp học, chứ không thì thầy Pháp Liệu thế nào cũng có hình ảnh độc đáo này cho Lá Thư Làng Mai.

Buổi học đầu, tương đối chữ không rắc rối lắm, vậy mà cũng có lúc thầy chỉ chữ nọ, chúng tôi xướng chữ kia! Đọc sai mà còn cười ầm lên! Sư Thầy bèn cảnh cáo:

- Hôm nay là buổi đầu tiên, cho cười. Từ buổi học sau là phải hết sức nghiêm túc, có nghiêm, chữ mới vào.

Quả thật, chúng tôi thuộc loại “chưa thấy quan tài, chưa đổ lệ”. Nghe thầy răn thế thì dạ dạ, vâng vâng nhưng buổi học sau, chữ và nghĩa đều khó hơn, tha hồ mà lộn chữ nọ ra chữ kia, mà đã đọc sai thì tự cảm thấy buồn cười lắm, không thể nào nín được! (Những lúc đó, chắc sư cô Liên Thanh thâm hối hận, sao lại tìm cây thước dài và to vậy? Nếu phải ăn đòn, chắc cũng thối thía đây!)

Chúng tôi tưởng lớp học tình nguyện thì cứ tùy duyên, học được bao nhiêu hay bấy nhiêu thôi, nhưng với kinh nghiệm từng giảng dạy, Sư Thầy khuyên là phải tự nghiêm túc với mình, đừng nghĩ đây là môn phụ thì mới cố gắng và quyết tâm học. Đàng nào cũng bỏ những thời giờ hiếm hoi để lên đây, chớ lơ là mà uổng phí.

Sư Thầy rất thương yêu mà nhắc nhở như thế nhưng môn học này quá mới mẻ đối với đa số chúng tôi nên tự nhủ cách mấy cũng không thể không cười khi Sư Thầy chỉ chữ Hoàn là Viên mà trò lại xướng Cửu là Lâu; hoặc Chỉ là Chung lại trả lời thành Phạp là Thiếu! Rồi còn phải tập viết, thầy viết mẫu cho hai giòng vào tập của mỗi người, phải tập viết đầy trang, những chữ ấy và nộp vào buổi học sau để thầy cho điểm. Trong lớp, sư cô Chân Trang Nghiêm được điểm cao nhất là 6 điểm. Tôi cũng được Sư Thầy cho 6 điểm nhưng suy nghĩ lại, thầy bảo “Đưa tập đây” rồi thầy vừa sửa số 6 thành số 5, vừa nói “Chưa được, 5 điểm thôi!” Cũng có sư cô nộp bài, thầy bảo “Viết xấu quá, không có điểm! Về viết lại đi, tuần sau nộp!”. Tôi không dám điểm danh những sư cô nào không có điểm, sợ mai kia một nọ gặp lại nhau, các sư cô sẽ trách “ Ai hỏi mà khai kỹ vậy?” (Hi! Hi! Hi! Cái tật hay đùa của con, các sư cô Xóm Mới biết rồi mà!)

Chỉ qua mấy buổi học, chúng tôi đã được Sư Thầy dạy cho biết đại cương một số chữ căn bản ở Bộ Nhất, Bộ Cồn, Bộ Chủ, Bộ Phiệt, Bộ Át, Bộ Quyết, Bộ Nhị, Bộ Đầu, Bộ Nhân, Bộ Nhập, Bộ Bát. Mỗi buổi học mỗi khó hơn và chúng tôi phải tranh thủ thêm nhiều thì giờ hơn để học bài và tập viết. Hình thức trả bài cũng ... đau tim lắm! Sư Thầy gọi đích danh từng trò lên bảng, đọc nghĩa bằng tiếng Hán và tiếng Việt bài học hôm trước xong, viết chữ lên bảng rồi tự cầm thước, chỉ chữ tới đâu, đọc tới đó! Có khi viết được chữ đúng thì lại đọc sai, hoặc ngược lại! Chúng tôi cố gắng “Leo đòi thế kỷ” (danh từ của Sư Ông Làng Mai) cho đến thời gian các sư cô bắt đầu phải chuẩn bị cho những ngày Lễ, Tết như Lễ giáng sinh, Tết dương lịch, Tết âm lịch, thì chúng tôi đành thưa với thầy xin ... xuống đòi vì nhiều sư cô không thể tìm đâu ra thì giờ để học bài nữa! Riêng tôi, không tham gia một tiết mục văn nghệ nào trong các ngày lễ ấy (vì biết gì đâu mà tham gia), tiếc rỏ lớp học, nên ôm tập tới trước phòng Sư Thầy, rứt rỏ gõ cửa để ... xin chữ. Sư Thầy hoan hỷ lắm, mở rộng cửa, bảo:

- Sư cô Huệ Trân hả? Vào đây, nào, muốn gì đây?

- Thưa Sư Thầy, xin Sư Thầy cho con thêm ít chữ để con tự học. Con không phải tập văn nghệ nên con cũng có chút thì giờ học tiếp. Nhưng mà, Sư Thầy có bận không?

Sư Thầy cười rất tươi và rất từ bi:

- Tôi mà bận gì! tới đây được Sư Ông nuôi ngày ba bữa, có phải làm gì đâu!

Tất nhiên, Sư Thầy nói thế cho vui chứ sự hiện diện của quý ni sư nơi đây là những bài-pháp-sống cho hàng hậu học, vô giá và vô hạn.

Có lẽ vị thầy nào gặp đứa học trò muốn học cũng hết lòng nâng đỡ. Tôi là đứa học trò dở, nhưng muốn học nên trong cuốn tập màu xanh mua ở quán sách Xóm Mới đã được Sư Thầy viết đầy kín gần mười trang, chữ Hán bằng mực đỏ, nghĩa Hán Việt bằng mực xanh cho dễ thấy.

Khi tới nhận lại tập, tôi hoa cả mắt, không biết bao giờ mới thuộc nổi ngần này chữ! Vậy mà, sau khi nhận tách trà, Sư Thầy thản nhiên phán rằng:

- Về học đi, rồi hôm nào sang đây trả bài nhé!

Tôi nghe tiếng “Dạ” của mình như có nắm sỏi nhỏ, lăn lạo xạo trong cuống họng. Để trốn trả bài chữ Hán, chắc phải chạy sang Tàu mất thôi!

Ngày tạm biệt Sư Thầy, về lại Hoa Kỳ, tôi quỳ xuống, toan đánh lễ tam bái để tỏ lòng biết ơn, nhưng Sư Thầy và ni sư Từ Nhu quyết liệt ngăn lại. Nhị vị cùng bảo, đừng làm thế, có nhớ tới các vị thì cố gắng tu học, đừng tưởng đòi người trăm năm mà chỉ là chớp mắt thôi. Không bỏ phí phút giây nào, chính là trả ơn Thầy, Tổ đó.

“Nhất tự vi sư. Bán tự vi sư”, huống chi con đã nhận được cả một trời thương yêu mà ngàn trang sách cũng không ghi xuống hết, vì chữ nghĩa, dù bao nhiêu cũng vẫn còn giới hạn. Tình thương và lòng từ bi theo tinh thần Phật dạy mới vượt mọi biên cương để dẫn dắt chúng sanh đến bờ Giác Ngộ.

(Cốc Thanh Thơi – Tháng Ba 2008)

---o0o---

Tâm Nguyệt

Tôi đang ở Xóm Mới, thuộc Làng Mai, Viện Cao Đẳng Phật Học, Pháp Quốc để dự khóa tu An Cư Kiết Đông. Theo truyền thống của Làng thì giữa khóa tu sẽ có Đại Giới Đàn để các giới tử đã thể hiện năng lượng, chuyên cần, tinh tấn đủ, sẽ được thọ nhận các giới như 5 giới, 14 giới, giới Thức Xoa Ma Na, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni. Đặc biệt sau lễ truyền những giới này là Lễ Truyền Đăng. Đây là hình thức trao đèn Chánh Pháp cho các vị tập sự giáo thọ, không chỉ trong giới xuất gia mà còn có cả các cư sỹ.

Đại Giới Đàn năm nay mang tên Thanh Lương Địa, tiếng Anh là Earth Refreshing. Đại Giới Đàn vừa hoàn mãn. Và tôi thực sự xúc động trong suốt những ngày diễn ra Lễ Truyền Đăng.

Chúng tôi đang có hai ngày làm biếng - tức là không có thời khóa gì – sau khi Đại Giới Đàn vừa kết thúc. Ngoài những giờ ăn của chúng, mọi người đều rút về phòng. Toàn xóm vắng lặng như ốc đảo chưa từng có bước chân người đặt tới. Tôi ra phòng ăn, pha một bình trà rồi cũng về phòng mình, kéo hết màn cửa để có thể nhìn thấy mênh mông đồng cỏ qua khung cửa kính.

Trời đang lất phất mưa. Phòng ấm. Hương trà thơm. Cây bút đã mở nắp. Tờ giấy trắng tinh nguyên vẫn im lặng đợi chờ. Vậy mà, từng ly trà cứ vui, tờ giấy vẫn còn trắng. Quá nhiều hình ảnh đẹp, quá nhiều sự chia sẻ cảm động trong Lễ Truyền Đăng khiến tôi không biết phải bắt đầu từ đâu! Tôi như đứa bé được mẹ dắt vào tiệm bánh kẹo và bảo “Hôm nay con được tự do, muốn ăn gì thì ăn.” Bánh nào cũng thơm, kẹo nào cũng ngọt, nhiều quá! Chọn cái

nào đây? Nếu đứa bé tham lam cứ đứng ngẩn ngơ mãi thì sẽ tới lúc nghe mẹ bảo: “Thôi, đã đến giờ đi về!” Tôi đang được tự do, sẽ không ai ra lệnh giờ về hay giờ đi, mà chính tôi, nếu tôi không biết chia sẻ những cảm xúc của mình bây giờ, có nghĩa là tôi không còn chia sẻ được nữa! Tôi sẽ như em bé tham lam, được đến tiệm bánh kẹo mà về tay không.

Bức tranh tĩnh mặc ngoài khung cửa vừa giao động. Một chú chim sẻ nhỏ từ đâu về đậu trên cành cây trụi lá. Trời vẫn đang mưa nhẹ, chắc chắn nó đã ướt sũng rồi! Ôi, con chim lẻ loi đáng thương! vừa khiến tôi liên tưởng đến một cô điếu nhỏ miền quê nghèo Quảng Trị. Cô chẳng hiểu vì sao mà từ thuở ấu thơ cô chỉ có một ước mơ duy nhất là được đi tu. Ngôi chùa làng cũng nghèo xơ xác như gia đình cô nhưng đến chùa là cô vui sướng. Thấy điều đó, người mẹ đành cho con làm điếu trong chùa. Chính thời gian này, lần đầu tiên cô được thấy một sư cô theo đoàn từ thiện về cứu trợ quê nghèo. Hình ảnh đẹp đẽ đầy nhân ái của Bồ Tát Quan Thế Âm qua hình bóng sư cô đã lập tức đánh động vào những ước mơ thầm kín. Tuổi thơ nghèo khó khiến cô bé nhỏ nhiều lần phải lên ăn cắp trái cây của hàng xóm, ăn cho đỡ đói. Nghèo đói nhưng vẫn không phút nào mơ ước được giàu có mà chỉ mơ được đi tu. Cô chờ đợi cho đến năm 12 tuổi mới được mẹ cho phép rời làng, xuất gia ở một ngôi chùa xa nhà. Cô điếu nhỏ lạy mẹ ra đi với gia tài là 2 bộ quần áo! Nơi chùa mới, cô phải làm việc quần quật để có được nửa ngày tu, nửa ngày đi học. Vì quá nghèo khó, quá vất vả, ba năm liền hai mẹ con bất tin nhau. Khi cô sắp bị đuổi học vì không có tiền đóng học phí, cô lên sư phụ, xin quá giang xe đò, tính về làng thăm mẹ và xin tiền học. Dọc đường, chiếc xe gặp tai nạn, lật úp, hành khách đều người chết, kẻ bị thương. Riêng cô, đang ngủ gà gật, choàng tỉnh dậy thì nghe tiếng la khóc, máu me kinh hoàng mà cô không hề hấn gì, dù là một vết trầy nhỏ. Ai cũng nhìn cô sững sốt. Cô quá thơ ngây, chỉ nghĩ rằng chắc chur Phật che chở để mình được đi tu.

Mấy năm sau, cơ duyên đã đến làm thay đổi nếp của cô điếu nhỏ. Một phái đoàn từ thiện quốc tế sang Việt Nam đã tình cờ ghé vào ngôi chùa nghèo. Trong phái đoàn có cặp vợ chồng người Pháp vừa nhìn thấy cô điếu là như đã thấy cô từ tiền kiếp. Họ đã rơi lệ khi nhìn cô gánh nước, bở củi, nấu cơm, bao công việc nặng nhọc oằn trên đôi vai trẻ thơ mà nụ cười của cô thì luôn nở trên khuôn mặt rạng rỡ. Trái tim họ đã mở ra một cánh cửa tuyệt vời là nhận bảo trợ cô tiếp tục ăn học ở Việt Nam, đến năm cô 18 tuổi thì bảo lãnh cô sang Châu Âu du học. Chính thời gian 4 năm du học này mà cô biết đến Làng Mai.

Cô đã tìm về được ngôi nhà đích thực của mình.

Cha mẹ nuôi của cô cũng hết lòng yểm trợ con đường cô đã chọn dù thâm tâm họ vẫn muốn cô tiếp tục đi học, có bằng cấp ngoài đời, bù đắp cho cô những thiếu thốn cơ cực tuổi thơ. Nhưng câu chuyện cô bé lọ lem này không kết thúc như trong cổ tích. Từ đó khổ bỗng nhiên được giàu có sung sướng, cô cũng không chọn ngôi Công chúa, mà vẫn son sắt với ước mơ đầu đời là được đi tu, được làm một sư cô để có an lạc thực sự cho mình và giúp người khác an lạc. Chính thời gian tu học pháp môn Làng Mai, Sư Cô đã được dẫn dắt từng bước để biết quay nhìn nội tâm mình mới có thể nương Tứ Diệu Đế, nhận diện nỗi khổ đau, tìm ra gốc rễ sâu xa của khổ đau mà giải thoát. Cũng với sự chỉ dạy của Sư Ông về Hiếu và Thương, Sư Cô đã thực tập cùng đại chúng để biết lắng nghe mà Hiếu, Hiếu rồi mới Thương và Thương rồi mới chấp nhận. Sư Cô cảm thấy tràn đầy hạnh phúc khi đạt được điều này và Sư Cô đã nghĩ ngay tới đại gia đình của mình ở Việt Nam. Gia đình đó, từ nhiều năm đã không cùng tiếng cười mà chỉ chung tiếng khóc vì những ngộ nhận, vì những bế tắc cảm thông. Cha không hiểu cái khổ của mẹ. Mẹ chẳng biết cái khó của cha. Anh chị em thiếu lòng tin cậy nhau nên lúc nào cũng có mầm nghi kỵ. Sư cô cũng đã từng sống tuyệt vọng trong bầu không khí đó, nhưng nay, tiếp xúc được với pháp môn Hiếu và Thương, sư cô cảm thấy quá dễ dàng để giúp gia đình chuyển hóa khổ đau thành hạnh phúc.

Sư Cô đã trở về quê nhà hai lần, chỉ để lắng nghe và hàn gắn. Sư Cô lắng nghe cha để giúp cha hiểu mẹ, lắng nghe mẹ để giúp mẹ thương cha, lắng nghe anh chị em để giúp khai thông những bế tắc. Việc làm đó, Sư Cô cho là đơn giản nhưng thật ra Sư Cô đã là sứ giả Như Lai khi mang lại hạnh phúc cho từng người mà Sư Cô yêu thương. Sư Ông và tăng thân đã theo dõi từng bước Sư Cô đi, đã nhận rõ việc Sư Cô làm, đã chứng minh tấm lòng trước sau như một với lý tưởng tải đạo độ mình rồi độ người nên sau bảy năm tu học, hôm nay, trong lễ truyền đăng, trước hàng giáo phẩm cao cấp khắp nơi về chứng minh, trước các bạn đồng tu, trước đại chúng, Sư Cô được Sư Ông Làng Mai, tức Hòa Thượng Thích Nhất Hạnh, đời thứ 42 tông Lâm Tế và đời thứ 8 phái Liễu Quán nâng cao ngọn đèn chánh pháp bằng hai tay trao truyền cho Sư Cô Chân Cát Nghiêm với kỳ vọng Sư Cô sẽ dùng sự vững chãi, tự tin, chuyên cần và tinh tấn của mình trên hành trình tu học như một pháp khí của Tam Bảo để giúp giới trẻ nhận diện được giá trị đích thực của đời sống tâm linh, như bản thân cô đã nhận được.

Khi sư cô Chân Cát Nghiêm ngồi trên pháp tòa của vị Tân Giáo Thọ để ngỏ lời với đại chúng, sư cô không biết rằng những lời chia sẻ mộc mạc, chân tình của sư cô đã làm biết bao người rơi lệ. Riêng tôi, nước mắt đã rơi lẫn cả

khi cô vừa được xưng danh gọi lên và còn đang cùng 2 thị giả quỳ trước Sư Ông, chờ dấu hiệu để trình kệ kiến giải. Nước mắt tôi rơi khi sư cô chưa mở lời, thì tất nhiên chưa phải vì sư cô, mà chính vì lời nói rất nhẹ nhàng của Sư Ông, dường như chỉ để nói riêng với sư cô trước khi chính thức truyền đăng. Sư Ông nói: “May quá! Mặt hết sung rồi!” Câu nói chẳng dính líu gì đến buổi lễ trọng đại này nên trong đại chúng, có ai nghe hoặc không nghe cũng chẳng hiểu rõ và chẳng quan tâm. Vậy mà khiến tôi “mưa rơi” vì xúc động trước tấm lòng của người cha đối với các con mình. Tôi ở cùng xóm với sư cô nên biết là mấy ngày trước, sư cô bị nổi lên một cái mụn khá to, sưng đỏ bên mép trái. Sư cô lo lắng, bôi đủ các thứ thuốc nhưng ít hy vọng nó sẽ xẹp xuống trước ngày nhận truyền đăng. Vậy mà Sư Ông cũng biết, dù Sư Ông ở Sơn Cốc hay tận Xóm Thượng, Xóm Hạ. Nhất là thời gian này Sư Ông rất bận rộn tiếp đón chư Tôn Đức, soạn kệ truyền đăng, trăm công ngàn việc mà một đứa con lo buồn vì cái mụn cũng khiến Sư Ông quan tâm. Tình thương này có dễ thể tìm thấy ngoài đời không?

Khi người đời phát âm chữ “THƯƠNG” với nhau là người ta chỉ nói bằng ngôn từ hay bằng sự thương yêu của Trái-Tim-Bụt?

Ngoài khung cửa, chú chim sẻ nhỏ đã rời cành lúc nào, chỉ còn hàng cây trụ lá đứng im lặng trong mưa. Bình trà đã cạn. Xin hãy đợi tôi châm thêm nước, bỏ thêm trà và lại mời bạn tiếp tục bước vào những cánh cửa mở rộng đang tỏa ra làn ánh sáng kỳ diệu từ những ngọn đèn vừa được trao truyền.

Trời còn mưa hay đã tạnh cũng chẳng thể làm đầy thêm hay vơi bớt những gì chúng ta cảm nhận được, bởi vì Đền Chánh Pháp đã-là, đang-là và sẽ-là như thế. Là gì? Là Tâm Nguyệt. Là vàng trắng chưa hề lặn.

*Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa
03 – 09 tháng Giêng 2008
Làng Mai – Pháp Quốc*

---o0o---

Con đường thẳng hoa tâm linh

Thượng Tọa Narada Mahathera, người từng bày tỏ lòng quý kính sâu sa đối với Đức Phật Cồ Đàm qua tác phẩm The Buddha đã nhận xét và dẫn chứng sự quan sát của nhiều nhà nghiên cứu nổi tiếng khắp thế giới để chứng minh rằng những phương thức thuyết giảng, hội chúng Phật tử và hình thành tăng đoàn tại Ấn Độ cách nay hơn 2500 năm đã trở thành những mô hình căn bản

được áp dụng và thực thi tại các nghị trường ngày nay. Tinh túy của những mô hình đó phải khởi đi từ sự bình đẳng, không phân biệt giai cấp, nam nữ, giàu nghèo sang hèn và phải được tưới tắm bằng tâm từ bi. Khi ta thương người như thương ta thì mọi hàng rào dị biệt tự động bị phá vỡ để không ai nhìn ai là kẻ thù mà kẻ thù, nếu có, chính là sự vô minh.

Tôi đã được chứng kiến phần nào, mô hình không biên giới đó qua Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa tại Làng Mai, Pháp Quốc. Đại Giới Đàn đó là biểu trưng sự tụ về của những nhánh sông, sẵn sàng cùng trôi ra biển lớn, góp phần làm hùng vĩ vạn hữu và phục vụ muôn loài. Hầu như mọi quốc tịch đều có người đại diện, được xưng danh lên nhận đèn trong lễ truyền đăng là lễ xác nhận các vị tân giáo thọ đã được hội đồng giáo thọ và bốn chúng duyệt xét qua nhiều năm tháng với hành trình tự chuyển hóa và giúp thể nhân chuyển hóa. Hành trình này chẳng phải một sớm một chiều mà thường từ tám đến mười năm với những thành quả minh chứng rõ ràng để xứng đáng với giá trị của cây đèn chánh pháp.

Thế giới như thu nhỏ lại trong thiền đường Nước Tĩnh - Xóm Thượng, thiền đường Hội Ngàn Sao - Xóm Hạ và thiền đường Trăng Rằm-Xóm Mới, nơi diễn ra lễ truyền đăng và thọ giới trong suốt Đại Giới Đàn. Thế giới đó hiện diện đủ màu da, màu tóc, đủ mọi ngôn ngữ, mọi tuổi tác, xuất gia và tại gia. Vậy mà, khi ngồi lại với nhau, tất cả trở thành một “Nhất tức thị đa. Đa thức thị nhất” Một là tất cả. Tất cả là một.

Trong số các vị tân giáo thọ được nhận đèn năm nay, vị trẻ nhất mà Thầy gọi một cách thân thương “Baby Nun”, là sư cô Chân Mẫn Nghiêm, có cơ duyên được gặp Thầy từ lúc năm tuổi, đã nhất định xin đi tu, nhưng phải đến năm mười hai tuổi mới được về Làng, chính thức tập sự xuất gia. Cô thường làm Thầy ngạc nhiên với những ý tưởng mới mẻ và dùng trí tuệ sung mãn của tâm hồn thanh cao, hướng thượng mà thực hiện những sáng kiến của mình không chút khó khăn. Chẳng hạn, sau khi đọc cuốn “Nói với tuổi hai mươi” Thầy viết khi Thầy bốn mươi tuổi, thì cô nghĩ sẽ viết cuốn “Nói với tuổi tám mươi” khi Thầy tám mươi tuổi.

Và cô đã thực hiện điều này. Cuốn sách ba trăm trang của “Baby Nun” Chân Mẫn Nghiêm không chỉ là món quà đặc biệt cô muốn dành riêng cho sinh nhật tám mươi của Thầy, mà đây còn là một biểu trưng tuyệt kỹ về tình thầy trò giữa thời đại nhân loại đang bị soi mòn bao giá trị tinh thần. Tuy Thầy chia sẻ là cô viết rất hay, dí dỏm và dễ thương nhưng cô chỉ muốn dành riêng cho Thầy nên ba trăm trang giấy vẫn chỉ là bản thảo duy nhất, đang

được lưu giữ tại nội viện Phương Khê. Hy vọng có ngày sư cô đổi ý, phổ biến cho mọi người cùng thưởng thức.

Hôm nay, trong Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa, sư cô đã được trao đèn để chính thức là vị tân giáo thọ khi vừa hai mươi tuổi.

Sau khi nhận kệ kiến giải của sư cô, Thầy đã chia xẻ là khi sư cô còn rất bé, đang trong thời kỳ tập sự xuất gia, những buổi thiền hành, Thầy thường nắm tay sư cô dẫn chúng, như vẫn thường nắm tay các em bé trong các buổi thiền hành khắp nơi. Một lần, Thầy bỗng cảm nhận không phải Thầy chỉ nắm tay một cô bé mà là đang nắm tay rất nhiều cô bé cậu bé Việt Nam khác. Thầy cảm thấy như Thầy đang dẫn một đoàn em bé thiền hành và con đường thiền hành trải dài suốt ba miền đất nước.

Hôm nay, trao đèn chánh pháp cho sư cô, Thầy mong mỗi sư cô sẽ hội đủ duyên trở về quê hương. Chuyên trở về đó không phải chỉ là đi theo Thầy mà là về để tiếp xúc trực tiếp với các cô bé, cậu bé đang rất cần nhiều sự quan tâm, sự giúp đỡ về mọi mặt. Những người xuất gia trẻ ở hải ngoại phải trở thành những pháp-khí-tam-bảo để tiếp sức cho tuổi trẻ ở quê nhà trước giai đoạn biến chuyển quá nhanh về kỹ thuật và văn minh toàn cầu. Khi thế giới tiến mà ta không theo kịp, chẳng phải ta chỉ lùi mà còn có nghĩa là ta bị bỏ rơi bên lề đường văn minh nhân loại!

Từ vị trẻ nhất là sư cô người Việt Nam, tôi chú ý đến người lão niên, bảy mươi một tuổi, từng là mục sư ở thánh đường Disciples of Christ Church tại Atlanta, Hoa Kỳ. Ông Charles Allen Lingo Jr là một mục sư nổi tiếng nghiêm túc, từng rao giảng thánh kinh nhiều thập niên qua. Ông có một người con gái mà ông rất yêu quý, chăm sóc rất kỹ lưỡng, nhất là phương diện tâm linh. Tháng giêng năm 1998, tăng đoàn Thầy hướng dẫn dừng nơi thị trấn Atlanta. Người con gái tình cờ được bạn rủ, đã muốn cha dẫn đi nghe “Ông thầy tu Việt Nam thuyết pháp”. Là người cởi mở, mục sư đã cùng con gái dự buổi nói chuyện của Thầy. Nào ngờ, hạt giống đạo Bụt đã gieo xuống ruộng tâm của cô gái, trở cành, đơm lá, lớn mạnh vượt ngoài khả năng kiểm soát của người cha. Khi con gái ngỏ ý muốn xuất gia với Thầy để được nhập vào tăng đoàn thì người cha không ngạc nhiên nhưng rất sững sốt và buồn bã. Đây là tâm trạng mâu thuẫn nhưng có thể hiểu được. Không ngạc nhiên, vì với kinh nghiệm là một người từng rao giảng lời răn dạy của một tôn giáo, chắc ông đã nhận thấy những biến chuyển tâm linh của con gái trước cánh cửa đang mở rộng về một Đạo Phật dân thân, tự độ rồi độ tha. Nhưng ông sững sốt và buồn bã vì sức mạnh mời gọi của giáo pháp phục vụ

tha nhân đó sẽ mang đứa con yêu quý ra khỏi tầm tay ông. Mục sư Charles Lingo không thể làm gì hơn là khuyên con chó vội vàng, ông sẽ cùng với cô tìm hiểu thêm và tham dự những buổi thuyết giảng của Thầy khi hoàn cảnh cho phép.

Sau những lần cùng con gái, lặn lội tìm bước chân Thầy để được nghe thuyết pháp, mục sư đã an lạc và hạnh phúc, tiến vào ngôi nhà Phật lúc nào không hay. Trong tám năm qua, ông đã được nhận vào Chúng Chủ Trì cư sỹ dòng Tiếp Hiện (dòng này có hai chúng là chúng cư sỹ Tiếp Hiện và chúng xuất gia Tiếp Hiện), trực thuộc Làng Mai. Ông đã tận tụy mở ra những trung tâm tu học để cùng tu và giúp đỡ những ai gặp chướng ngại, đau khổ về tâm linh. Cư sỹ Al Lingo đã cải gia vi tự, biến ngôi nhà khá lớn của tổ phụ để lại, làm “The Mindfulness Practice Center of Atlanta” là một trong những địa điểm tu học.

Điều rất cảm động là trong Đại Giới Đàn Phương Bôi tại thiền đường Cánh Đại Bàng, tu viện Bát Nhã, Bảo Lộc năm 2007, sư cô Chân Châu Nghiêm Kaira Lingo sau khi tu học gần mười năm tại Làng Mai, đã được nhận đèn Chánh Pháp; và ông Charles Allen Lingo Jr đã có mặt tại Việt Nam, làm thị giả mang đèn cho cô con gái yêu quý. (Mỗi vị tân giáo thọ, khi lên nhận đèn đều được chọn hai thị giả theo phụ giúp).

Năm nay, tại Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa, người cha đã hội đủ cơ duyên để được trao đèn chánh pháp, chính thức trở thành vị tân giáo thọ Làng Mai. Khi cư sỹ Charles Allen Lingo Jr được xưng danh thì người thị giả trịnh trọng cầm bài kệ kiến giải của ông chính là cô con gái ông rất mực thương yêu, và cũng đã là sư cô trong tăng đoàn từ nhiều năm qua.

Điều gì mâu nhiệm đã chuyển hóa hai cha con đến thế? Nếu ai có tự hỏi, chỉ cần nhiếp tâm đôi phút, tất sẽ có câu trả lời.

Giữa hai vị tân giáo thọ biểu trưng cho hai thế hệ này, tôi cũng muốn đề cập tới một vị trung niên. Đó là bà Cheri Maples, một phụ nữ Hoa Kỳ. Bà là người được gọi lên nhận ngọn đèn cuối cùng trong số hai mươi một ngọn được trao trong Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa.

Nhìn người phụ nữ dáng dấp thanh tú, nhu hòa, chấp tay búp sen, khoan thai cùng hai thị giả tiến lên bàn Tổ, khó ai có thể tưởng tượng được chức vụ ngoài đời mà bà đã đảm trách trong nhiều năm qua. Bà không chỉ là một cảnh sát trưởng thuần túy mà còn là vị huấn luyện trưởng có nhiệm vụ huấn luyện những cảnh sát trực thuộc đơn vị, trước khi họ được điều động giao

phó cho công tác đặc biệt nào. Với chức vụ đó, tất nhiên bà luôn phải biểu hiện sự can trường, quyết liệt khi trực diện những tội phạm, hoặc ngay cả những trường hợp lỗi lầm của nhân viên dưới quyền, đa số là nam cảnh sát. Bà chia xẻ, sự lạnh lùng chỉ là bên ngoài, còn bên trong nội tâm, là phụ nữ, bà cũng có những yếu đuối, những khổ đau, những sợ hãi, nhưng vì chức vụ, bà luôn phải tự che dấu. Chính sự phải âm thầm che dấu này khiến những yếu đuối càng yếu đuối hơn, những khổ đau càng khổ đau hơn và những sợ hãi càng sợ hãi hơn! Nhưng bà không biết phải làm sao cho tới ngày ngẫu nhiên được gặp Thầy, do nhận lời rủ của một người bạn, cùng đến dự một ngày tu khi Thầy mở khóa tu ở Madison, Wisconsin nơi bà cư ngụ. Đó là năm 1991. Một ngày tu đó đã thay đổi phần đời còn lại của bà.

Khi nhận lời bạn, bà cảm thấy khá khôi hài vì một người cảnh sát trưởng luôn mang vũ khí bên mình, luôn đối diện với tội ác, với bạo động mà xuất hiện ở môi trường chỉ có tình thương, hiểu biết và tha thứ thì liệu bà có được đón nhận không? Nỗi băn khoăn đó lập tức xóa nhòa ngay buổi ban đầu, khi bà được nghe rằng Chư Bụt, Chư Bồ Tát cũng có những vị biểu tượng cho sự nghiêm khắc; nhưng các ngài cầm roi, cầm tích trượng không phải chỉ là quyết liệt trừng phạt kẻ phạm tội mà roi đó cầm để răn đe, để nhắc nhở, rồi tìm hiểu và thương xót, thuần hóa kẻ dữ rồi giúp kẻ được thuần hóa trở thành tốt đẹp mà hòa nhập vào xã hội lương thiện.

Khi được nghe và nhìn thấy viễn ảnh con đường từ bi thực tiễn đó, bà đã bật khóc. Nỗi sợ hãi âm thầm trước những kẻ bạo động nhẹ dần và tan biến khi bà được biết rằng mỗi con người đều có hạt giống tốt như nhau, nhưng do hoàn cảnh xã hội và mức độ vô minh khác nhau mà hạt giống đó bị che khuất nhiều hay ít. Những kẻ bị vô minh che lấp thiện tâm là những kẻ đáng thương, cần được giúp đỡ, không khác chi người bệnh, cần được chẩn bệnh và xúc thuốc. Muốn cứu vớt hạng người đó, không phải chỉ có sự trừng phạt mà còn cần lòng từ bi, khoan dung độ lượng để tìm hiểu cỗi rễ đưa tới sự phạm tội. Có hiểu mới thương, có thương mới thực sự đưa được người từ nơi tối tăm ra ngoài ánh sáng.

Đối với bà Cheri Maples, câu chuyện Đức Thế Tôn dùng tình thương chuyển hóa kẻ sát nhân lưng danh, tên Angulimala, thật là câu chuyện tuyệt vời. Tình thương có sức mạnh vũ bão, vượt lên trên sức mạnh của tất cả mọi thứ vũ khí tối tân nhất trên đời.

Qua những khóa tu kế tiếp do Thầy hướng dẫn, bà đã chuyển hóa bản thân, từ một người thường giận dữ, khắt khe trở thành một vị chỉ huy hòa nhã, từ

ái, đạt được sự tin tưởng, thương yêu của mọi nhân viên dưới quyền. Bà đã thử mang pháp môn chuyên hóa này chỉ dạy cho cấp dưới, đến nỗi, các cảnh sát viên trực thuộc, khi gặp nhau đều chào nhau bằng hình thức chấp tay búp sen và cúi đầu, chẳng kể cấp bậc cao thấp thế nào! (không biết vị tư lệnh tối cao của Hoa Kỳ có tưởng tượng được điều này không?)

Sau hơn hai mươi năm làm việc trong các đơn vị cảnh sát, nay bà Cheri Maples đã về hưu nhưng những thành quả tốt đẹp bà mang lại đã không cho bà được “về hưu” đúng nghĩa. Một phần công việc của bà hiện nay là kiểm tra những tù nhân sắp mãn hạn tù, tìm hiểu để an ủi và liên lạc các cơ quan, các hãng xưởng đã tin cậy nơi bà để những người sẽ mãn tù đó sẽ có công ăn việc làm. Ít nhất, khi một người nhận được sự cảm thông, sự giúp đỡ, sự thương yêu thì cơ duyên tái phạm tội sẽ giảm thiểu, nếu không muốn nói là không còn nữa! Một người, khi đã được dẫn dắt để tự mình nhìn thấy được những hạt giống tốt của mình đem hoa kết trái thì có khi nào đại đột hủy diệt để lại rơi xuống hố thẳm!

Bà Cheri Maples không chỉ chuyên hóa lớp thuộc cấp trong ngành cảnh sát, đem lại kết quả thực tế là giảm thiểu rất nhiều trạng huống tội ác, bạo động, mà bà còn đang đem Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, qua hình thức tu tập của Làng Mai tới cộng đồng nơi bà cư ngụ. Bà hiện là chủ tịch một trung tâm tu học mang tên “Snow Flower Sangha” tại Madison, Wisconsin, Hoa Kỳ, nơi thường luân chuyển khoảng năm trăm thiện sinh tìm đến để cầu mong giải thoát những phiền não khổ đau và hướng thượng giúp đời như bà đã và đang thực hiện.

Nào ai biết những tội phạm, những tâm hồn bạo động, những kẻ khó thương từng được bà giúp chuyên hóa, nay chẳng những đang an lạc, vững chãi đi trên đường Bụt đi mà họ còn đang âm thầm gieo rắc tình thương, thăng hoa xã hội, như trước đây họ từng được người thám nhàn lòng từ bi của Đạo Giác Ngộ, đưa ra khỏi hố thẳm?

Chính những móc xích thương yêu vô hình nhưng mâu nhiệm này mà trên con ĐƯỜNG XUA, MÂY TRĂNG vẫn còn bay

(Đại Giới Đàn Thanh Lương Địa Jan 03/08 – Jan 09/08 - Làng Mai – Pháp Quốc)

---o0o---

Hết

